

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

An pha Petrol

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ AN PHA S.G

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 4103002232 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP HCM cấp lần đầu ngày 02 tháng 04 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 01 tháng 03 năm 2007)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

(Đăng ký niêm yết số: . . ./ĐKNY do..... cấp ngày . . . tháng. . . năm . . .)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ AN PHA S.G

Phòng 2.5D & 2.6A, Tầng 2 – toà nhà Etown
364 Cộng Hoà – F13 - Quận Tân Bình – Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: (084) 08 8127155 Fax: (084) 08 8127762

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Ông Trần Minh Loan

Số điện thoại: (084) 08 8127155

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ AN PHA S.G

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 4103002232 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP HCM cấp lần đầu ngày 02 tháng 04 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 01 tháng 03 năm 2007)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

Tên cổ phiếu	: CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ANPHA S.G
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	: 10.000 VNĐ / cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết	: 12.600.000 cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá)	: 126.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi sáu tỷ đồng chẵn)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Tầng 11 Toà nhà Sông Đà - Số 165 - Đường Cầu Giấy - Quận Cầu Giấy – Hà Nội

Điện thoại: (04) 2670 491 Fax: (04) 2670 494

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH (HSC)

Cao ốc Capital Place, Tầng 2

Số 6 Thái Văn Lung, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 823 3299 Fax: (08) 823 3301

MỤC LỤC

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	5
PHẦN I: CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	5
1. Rủi ro về kinh tế.....	5
2. Rủi ro về luật pháp.....	5
3. Rủi ro đặc thù	5
4. Rủi ro khác	6
PHẦN II: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH..	7
1. Tổ chức niêm yết.....	7
2. Tổ chức tư vấn.....	7
PHẦN III: CÁC KHÁI NIỆM	8
PHẦN IV: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT.....	9
1. Giới thiệu chung về Công ty và tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	9
1.1. Giới thiệu chung về Công ty	9
1.2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	9
2. Cơ cấu tổ chức công ty	11
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty	12
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty	14
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Tổ chức niêm yết.....	17
5.1. Danh sách những công ty mà Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha S.G đang nắm giữ quyền kiểm soát và chi phối	17
5.1.1. Công ty Cổ phần Dầu khí AN PHA.....	17
5.1.2. Công ty TNHH DV-TM Gia Đình	18
5.1.3. Công ty TNHH Khí Đốt Gia Định	18
5.1.4. Công ty TNHH SX & TM L.P.G Minh Thông	19
5.1.5. Công ty Cổ phần đầu tư thủy điện AN PHA	19
5.1.6. Công ty Cổ phần Dầu Khí AN PHA Tây Nguyên	20
5.2. Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát và cổ phần chi phối đối với Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha S.G	20
6. Hoạt động kinh doanh	20
6.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm:	21
6.1.1. Giá trị dịch vụ qua các năm:	21
6.1.2. Sản lượng sản phẩm qua các năm:	21
6.2. Nguyên vật liệu	22
6.3. Chi phí sản xuất	23
6.4. Trình độ công nghệ	24
6.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới	25
6.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ	25

6.7.Hoạt động Marketing	25
6.8.Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....	27
6.9.Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết.....	29
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	30
7.1.Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty năm 2005, 2006 và Quý III/2007	30
7.2.Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2006 và Quý III/2007.....	31
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	32
9. Chính sách đối với người lao động	34
10. Chính sách cổ tức	35
11.Tình hình hoạt động tài chính	35
11.1 Các chỉ tiêu cơ bản	35
11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	38
12.Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	38
13.Tài sản	45
14.Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo.....	45
14.1.Kế hoạch doanh thu qua các năm 2007,2008 & 2009:	45
14.2.Kế hoạch lợi nhuận của các công ty con và công ty mẹ qua các năm 2007,2008 & 2009:.....	46
14.3.Kế hoạch HỢP NHẤT của công ty cổ phần dầu khí An Pha S.G qua các năm 2007,2008 & 2009:.....	47
14.4.Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên.	47
15.Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	50
16.Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết:	50
17.Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết:	50
PHẦN V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT.....	51
PHẦN VI: CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT.....	53
PHẦN VII: PHỤ LỤC.....	54

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

PHẦN I: CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Tốc độ phát triển kinh tế của Việt Nam trong những năm gần đây có mức tăng trưởng cao so với những nước trong khu vực. Bên cạnh đó là những thành tựu về quan hệ quốc tế đã đạt được trong năm 2006 làm tiền đề phát triển cho những năm sắp tới. Theo sự đánh giá của các chuyên gia kinh tế, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam duy trì ở mức 7-8% với tốc độ tăng trưởng sáu tháng đầu năm 2007 đạt 7,87%. Nền kinh tế tăng trưởng sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng nhiên liệu ở người dân và các lĩnh vực công nghiệp khác. Việc mở cửa thị trường cũng sẽ làm gia tăng áp lực lên các doanh nghiệp trong nước phải đối mặt với rủi ro bị mất thị phần do sức cạnh tranh yếu và có thể dẫn đến phá sản. Trước sự thách thức đó Công ty đang tiến hành tái cơ cấu nhằm tạo bề thế và nền tảng cho sự phát triển lâu dài.

2. Rủi ro về luật pháp

Thị trường gas và xăng dầu nói chung là lĩnh vực nhạy cảm vẫn bị can thiệp bởi chính sách vĩ mô vì thế Công ty không nằm ngoài sự tác động của các ảnh hưởng đó, nguồn cung cấp gas trong nước còn bị hạn chế nên Công ty vẫn phải nhập khẩu gas vì vậy giá đầu vào vẫn bị ảnh hưởng bởi chính sách của nhà nước khi có thay đổi điều chỉnh về thuế suất nhập khẩu. Tuy nhiên giá bán sẽ được điều chỉnh theo giá thị trường nên rủi ro về pháp luật đối với Công ty là không cao.

Là Công ty cổ phần nên hoạt động của doanh nghiệp cũng chịu tác động của các văn bản pháp luật về luật doanh nghiệp, luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi về chính sách có thể xảy ra và khi đã xảy ra thì sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và quản trị của doanh nghiệp.

3. Rủi ro đặc thù

Gas là chất liệu dễ cháy nổ nên nguy cơ hỏa hoạn dễ xảy ra cho kho chứa, bình gas, tàu gas và xe bồn chuyên chở gas do đó nếu xảy ra hỏa hoạn thì không tránh khỏi thiệt hại về tài sản và sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

Trước nguy cơ trên, công ty đã tuân thủ rất nghiêm ngặt về những quy định về an toàn PCCC, huấn luyện tập huấn cán bộ công nhân viên về an toàn PCCC. Đối với các thiết bị áp lực như bình gas, bồn chứa, van an toàn,... đều được kiểm tra định kỳ hết sức nghiêm ngặt tại trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn.

Để đề phòng những rủi ro này xảy ra, ngoài việc mua bảo hiểm cho toàn bộ tài sản liên quan đến thiết bị chịu áp lực nhằm đảm bảo hạn chế tối đa thiệt hại về tài chính công ty còn triển khai chương trình nhập dây dẫn từ bình đến bếp có chất lượng và lập chương trình theo dõi và hướng dẫn cho các đại lý

và tổng đại lý để triển khai chương trình này. Đây là điểm nổi bật của Công ty so với 60 doanh nghiệp phân phối gas lẻ trên cả nước.

Do phần lớn gas đều nhập khẩu nên dễ bị tác động bởi tình hình kinh tế, chính trị của các nhà cung cấp, vì vậy biến động về nguồn cung và giá cả đầu vào là không tránh khỏi.

4. Rủi ro khác

Công ty đang ở trong giai đoạn tái cơ cấu lại nên nguồn vốn hầu hết dồn cho việc kinh doanh và tái cơ cấu để chuẩn bị cho sự phát triển lâu dài trong tương lai vì vậy kết quả kinh doanh trong giai đoạn này chưa đạt được như kỳ vọng. Do hoạt động theo hướng kinh doanh tập đoàn nên kết quả kinh doanh của Công ty phụ thuộc nhiều vào kết quả hoạt động của các công ty con. Quy mô góp vốn của Công ty vào các công ty con là rất lớn so với quy mô vốn của Công ty An Pha S.G, do đó các biến động không tốt của các công ty con sẽ ảnh hưởng lớn đến kết quả chung của Công ty.

Ngoài ra Công ty có đội tàu vận chuyển gas, do đó sẽ không tránh khỏi rủi ro về tàu biển như thiên tai, tai nạn tàu biển,.... do thiên nhiên gây ra, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

PHẦN II: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

- | | | | |
|-------|-----------------------|----------|---|
| ➤ Ông | Trần Minh Loan | Chức vụ: | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc |
| ➤ Ông | Huỳnh Bửu Tuấn | Chức vụ: | Giám Đốc Tài Chính, kiêm Kế toán trưởng |
| ➤ Ông | Vũ Thanh Hoà | Chức vụ: | Trưởng ban kiểm soát |

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện theo pháp luật: Ông Johan Nyvene, Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Dầu Khí An Pha S.G. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Dầu Khí An Pha S.G cung cấp.

PHẦN III: CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- **"Công ty":** Công ty Cổ phần Dầu Khí An Pha S.G. được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4103002232 ngày 02 tháng 04 năm 2004 do sở kế hoạch và đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp. Đăng ký thay đổi lần 4 ngày 01 tháng 3 năm 2007.
- **"Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Việt Nam (VAE)":** Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.
- **"Bản cáo bạch":** là bản công bố thông tin công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra quyết định đầu tư.
- **"Cổ phần":** vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
- **"Cổ đông":** tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty.
- **"Cổ tức":** số tiền hàng năm được trích từ lợi nhuận của Công ty để trả cho mỗi cổ phần.
- **"Năm tài chính":** được tính từ 0 giờ ngày 01 tháng 01 đến 24 giờ ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hằng năm.
- **"Điều lệ":** điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần dầu khí An Pha S.G.

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch có nội dung như sau:

- | | |
|---------------------|--|
| ➤ Công ty | Công ty cổ phần dầu khí An Pha S.G |
| ➤ Tổ chức phát hành | Công ty cổ phần dầu khí An Pha S.G |
| ➤ TGD | Tổng giám đốc |
| ➤ HĐQT | Hội đồng quản trị |
| ➤ ĐHĐCĐ | Đại hội đồng cổ đông |
| ➤ LPG | Liquefied Petroleum Gas (Khí đốt hóa lỏng) |
| ➤ QLDN | Quản lý doanh nghiệp. |
| ➤ ASP | Mã giao dịch chứng khoán của công ty CP Dầu khí An Pha S.G |
| ➤ PCCC | Phòng cháy chữa cháy |
| ➤ HSSE | An toàn an ninh, sức khỏe, môi trường |
| ➤ CBCNV | Cán bộ công nhân viên |
| ➤ VNĐ | Tiền đồng Việt Nam |
| ➤ BCTC | Báo cáo tài chính |
| ➤ HN | Hà nội |

PHẦN IV: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Giới thiệu chung về Công ty và tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về Công ty

- Tên gọi Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ AN PHA S.G**
- Tên giao dịch đối ngoại : **AN PHA S.G PETROL JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt : **AN PHA S.G PETROL J.S CO.**

- Logo :



- Trụ sở chính của Công ty : Phòng 2.5D & 2.6A, Tầng 2 – toà nhà Etown, 364 Cộng Hoà – F.13 - Q.Tân Bình – Tp.HCM
- Điện thoại : (084) 08 8127155 Fax: (084) 08 8127762
- Vốn điều lệ hiện tại : **126.000.000.000 đồng** (Một trăm hai mươi sáu tỷ đồng)
- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Mua bán khí hoá lỏng (LPG), vật tư - thiết bị dầu khí. Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt. Kinh doanh vận tải. Kinh doanh vận tải sản phẩm dầu khí theo đường bộ, đường biển. Chiết nạp sản phẩm dầu khí (không chiết nạp tại trụ sở). Lắp đặt, bảo dưỡng các công trình ngành dầu khí. Cho thuê kho bãi, phương tiện vận tải chuyên dụng ngành dầu khí đường bộ, đường thủy. Mua bán gỗ, vật liệu xây dựng, máy móc - thiết bị ngành công - nông nghiệp và xây dựng (trừ kinh doanh máy in), hàng gia dụng. Gia công, mua bán vải, hàng dệt may (trừ tẩy nhuộm). Mua bán sắt thép, vật tư thiết bị hàng hải. Phá dỡ tàu cũ. Dịch vụ sửa chữa tàu thuyền (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện). Sản xuất vật liệu xây dựng - xà phòng và chất tẩy rửa - chế biến và sản xuất các sản phẩm từ gỗ (không sản xuất tại trụ sở). Mua bán phương tiện vận tải.
- Sản phẩm/dịch vụ chính: Gas dân dụng, Gas công nghiệp, cho thuê tàu biển chở LPG ...

1.2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

- Tháng 4/2004 Công ty Cổ phần Dầu khí Anpha S.G được thành lập với mục đích đầu tư và quản lý hệ thống cơ sở hạ tầng như kho dự trữ đầu mối và vận tải LPG cho đối tác chiến lược và các công ty kinh doanh gas dân dụng thương hiệu GIA ĐÌNH GAS (bao gồm: công ty TNHH TM-DV GIA ĐÌNH - Thành Phố Hồ Chí Minh và Công ty TNHH Khí Đốt Gia Định - Hà Nội).
- Tháng 4/2005 thành lập Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha tại Hà Nội nhằm quản lý khai thác kho đầu mối các tỉnh phía Bắc. Công ty Cổ phần Dầu khí Anpha S.G hiện sở hữu 93% Công ty Cổ phần Dầu khí Anpha Hà Nội.
- Tháng 03/2007 Công ty Cổ phần Dầu khí Anpha S.G mua lại 99% Công ty TNHH DV – TM Gia Đình với thương hiệu GIA ĐÌNH GAS (Doanh nghiệp kinh doanh gas dân dụng tại Miền Nam).
- Tháng 3/2007 Công ty Cổ phần Dầu khí Anpha S.G trở thành Công ty đại chúng.

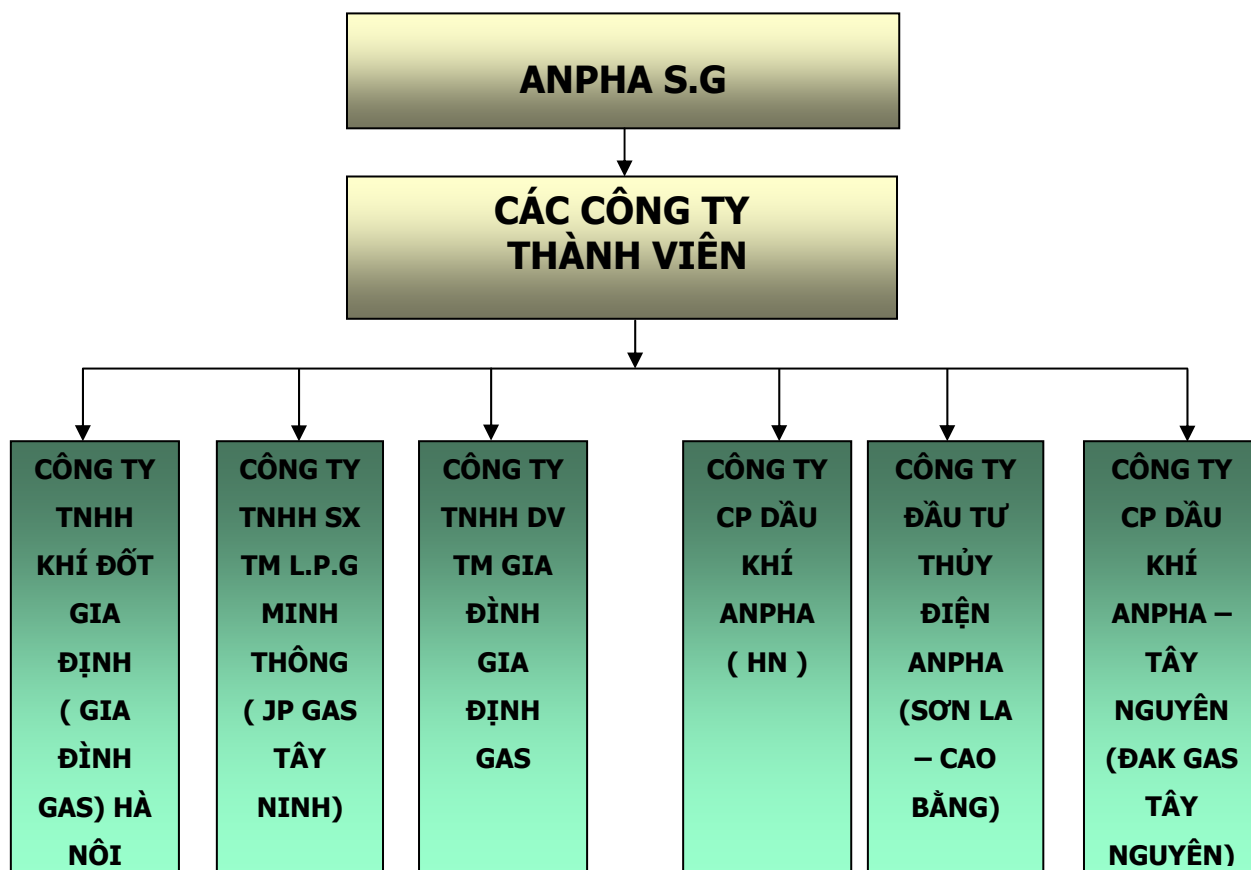
- Tháng 4/2007 Công ty Cổ phần Dầu khí Anpha S.G mua lại 51% Công ty TNHH sản xuất và thương mại L.P.G Minh Thông với thương hiệu JP Gas (doanh nghiệp kinh doanh gas dân dụng tại Đông Nam Bộ).
- Tháng 5/2007 Công ty Cổ phần Dầu khí Anpha S.G mua lại 60% Công ty TNHH Khí Đốt Gia Định chuyên kinh doanh gas dân dụng tại Miền Bắc.
- Tháng 05/2007 triển khai thành lập Công ty Cổ Phần Dầu Khí An Pha Tây Nguyên để mua lại doanh nghiệp tư nhân Hoàng Minh là doanh nghiệp kinh doanh gas dân dụng tại Tây Nguyên với thương hiệu Dak Gas. Công ty Cổ phần Dầu khí Anpha S.G sở hữu 55% Cổ Phần của Công ty này. Đến tháng 8 năm 2007 đã hoàn tất việc thành lập Công ty Cổ phần Dầu Khí An Pha Tây Nguyên và chính thức đi vào hoạt động tháng 9 năm 2007.
- Công ty sẽ tiến hành xây dựng thủy điện An Pha ở Sơn La trong năm 2008 với tỷ lệ sở hữu 55%. với những chi tiết về dự án thủy điện An Pha như sau:
 - ✓ Tên dự án: **Thủy điện Nậm Hóa**
 - ✓ Địa điểm xây dựng: Tại xã Mường Bám, Huyện Thuận Châu Tỉnh Sơn La
 - ✓ Mục tiêu đầu tư dự án: Sản xuất điện năng bán cho hệ thống điện quốc gia với điện lượng bình quân hàng năm 100,39 triệu KWh
 - ✓ Hình thức đầu tư: Xây dựng - Sở hữu – Kinh doanh (BOO)
 - ✓ Công suất lắp máy (2 bậc): 26MW
 - ✓ Sản lượng điện trung bình hàng năm: 100,39 triệu KWh
 - ✓ Tổng mức đầu tư: 498,198 tỷ đồng
 - ✓ Nguồn đầu tư: 30% tổng mức đầu tư bằng nguồn vốn tự có và từ huy động, 70% bằng nguồn vốn của các ngân hàng và tổ chức tín dụng.
 - ✓ Tiến độ vào vận hành: Quý IV/2010

Trải qua các giai đoạn hình thành và phát triển, đến nay Công ty cổ phần Dầu Khí An Pha S.G là một trong những đơn vị thuộc ngành hàng LPG có kênh phân phối trải dài trên toàn quốc thông qua các Công ty con đặt tại các thị trường trọng điểm như: Hà Nội, Thành Phố Hồ Chí Minh, Tây Nguyên, Miền đông Nam bộ.

2. Cơ cấu tổ chức công ty

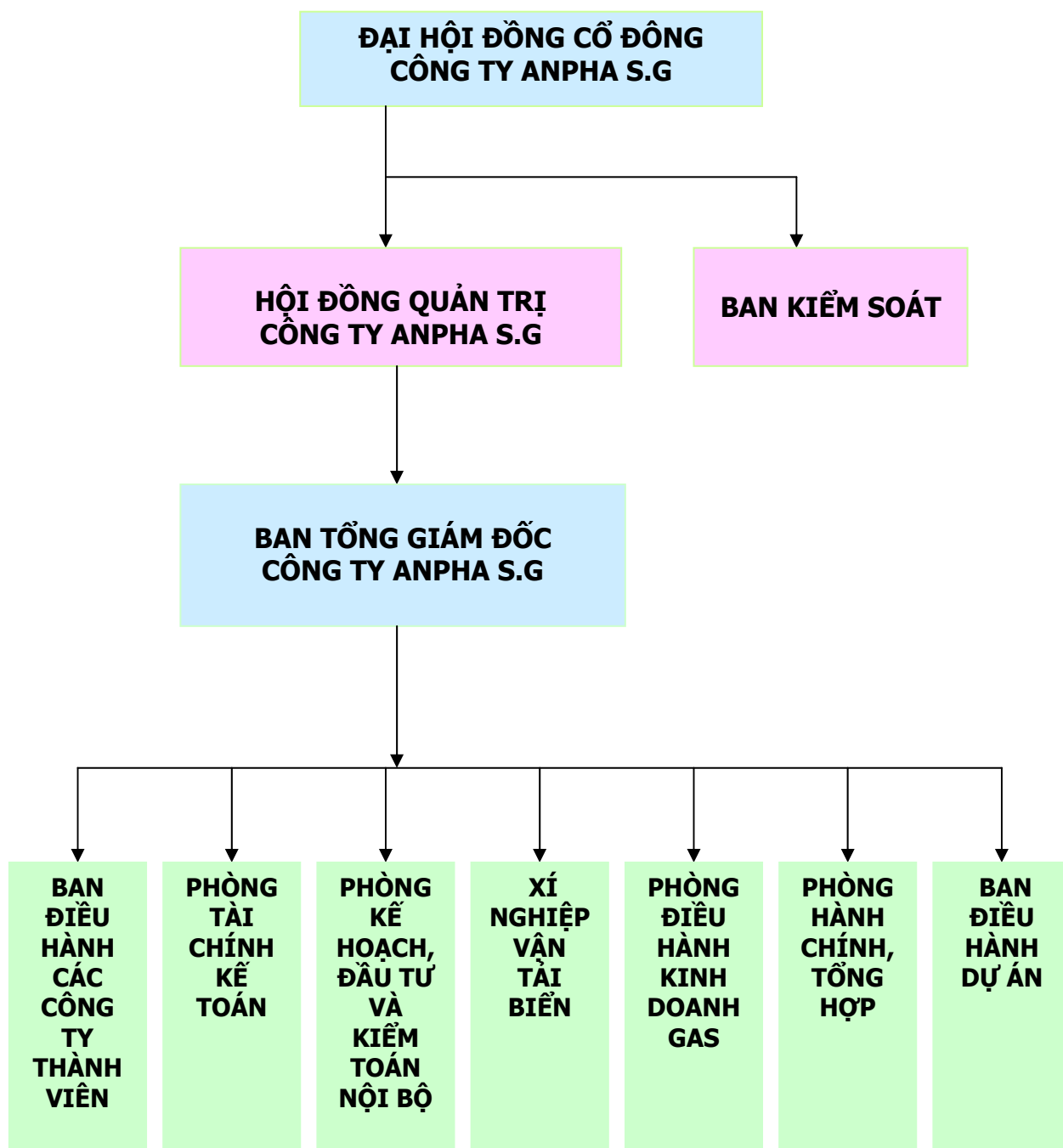
Hoạt động của Công ty mẹ và các công ty thành viên được quản lý theo chuyên ngành và theo mô hình tổ chức có tên gọi là An Pha Petrol, được định hướng theo mô hình quản lý một tập đoàn như sau:

MÔ HÌNH QUẢN LÝ AN PHA PETROL



3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



Công ty được quản lý theo chuyên ngành từ Công ty mẹ đến các công ty thành viên theo mô hình quản lý và báo cáo trực tuyến theo các chuyên ngành.

- **Đại hội đồng cổ đông:** là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần, đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ Công ty qui định. Đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.
- **Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản lý Công ty, là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và các bộ phận quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định.
- **Ban kiểm soát:** Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 5 năm. Ban kiểm có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp pháp đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập và điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám Đốc.
- **Tổng giám đốc điều hành:** Do chủ tịch Hội Đồng quản trị kiêm nhiệm, được Đại hội đồng cổ đông quyết định. TGD điều hành là người đại diện theo pháp luật của Công ty, có quyền quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- **Ban điều hành các công ty thành viên:** Được sự hỗ trợ từ các bộ phận chuyên môn của Công ty mẹ, đây là nơi tổ chức, thực hiện các mục tiêu, chiến lược kinh doanh của Công ty mẹ theo định hướng của tập đoàn. Chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về mọi mặt hoạt động của Công ty từ việc hoạt động kinh doanh, nhân sự, ... Kịp thời đề xuất các biện pháp cần thiết để đảm bảo công việc kinh doanh được hoạt động trong điều kiện tốt nhất.
- **Phòng Tài chính Kế toán:** Hoạt động theo luật định, thiết lập hệ thống kiểm soát tài chính hiệu quả thông qua các quy chế, quy trình rõ ràng, minh bạch hiệu quả. Tổ chức sử dụng vốn, tạo nguồn vốn, điều tiết vốn trên phạm vi tập đoàn đảm bảo đồng vốn được sử dụng hiệu quả nhất, kịp thời đáp ứng cho kế hoạch kinh doanh của các công ty con. Tham gia xem xét tư vấn cho Ban Giám đốc tất cả các vấn đề liên quan tới chi tiêu ngân sách. Thẩm định và quản lý tài chính các dự án đầu tư, quản lý cổ đông, cổ phiếu.
- **Phòng Kế hoạch đầu tư, kiểm toán nội bộ:** Chịu trách nhiệm cùng các công ty con định hướng và xây dựng kế hoạch kinh doanh khả thi (ngắn hạn, dài hạn), giám sát thực hiện kế hoạch này. Kết hợp với bộ phận tài chính kế toán hoàn thiện hệ thống báo cáo quản trị. Kiểm soát việc thực hiện chế độ kế toán theo quy định của luật pháp và yêu cầu của công ty. Tham gia xem xét, tư vấn các dự án đầu tư của Tập đoàn, công ty con. Phát hiện, điều chỉnh ngay mọi sai lệch trong hệ thống của tập đoàn.

- **Xí nghiệp vận tải biển:** Tìm và thực hiện các hợp đồng kinh doanh vận tải khai thác tàu biển LPG trong và ngoài nước đảm bảo hiệu quả kinh doanh cao nhất đồng thời bảo đảm An toàn-An ninh-Sức khỏe- Môi trường và kỹ thuật tàu.
- **Phòng kinh doanh gas:** Đảm bảo ổn định nguồn gas cung cấp cho các công ty con, tính toán và dự kiến những biến động thị trường gas (trong nước và nước ngoài) để có kế hoạch đối phó kịp thời. Đối với mảng gas dân dụng, phải xây dựng bằng được hệ thống bán lẻ thông qua mạng lưới cửa hàng, đại lý... để phát triển thị phần theo chiều rộng (tăng sản lượng) và phát triển theo chiều sâu (duy trì và ổn định khách hàng) cho các thương hiệu gas của Công ty mẹ, các công ty con, hiện sản phẩm này của Công ty là loại bình 12 kg và 45 kg chủ yếu cung cấp năng lượng an toàn và tiện ích cho hộ tiêu dùng và các hộ thương mại.
- **Phòng Hành chính Tổng hợp:** Chịu trách nhiệm về việc kiện toàn bộ máy hành chính, nhân sự hoạt động theo định hướng tập đoàn. Xây dựng, đào tạo nguồn nhân lực mạnh, ổn định cho mục tiêu phát triển của từng công ty con, tập đoàn. Xây dựng chính sách nhân sự hợp lý đủ sức thu hút và giữ được người có năng lực trình độ chuyên môn phù hợp yêu cầu của Công ty trong từng giai đoạn phát triển. Quản lý bộ phận công nghệ thông tin, thiết lập và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý của tập đoàn. Quản lý và điều hành các hoạt động khác như quan hệ công chúng (PR), tiêu chuẩn hoá công tác quản lý (ISO), tư vấn cho Tổng Giám Đốc các vấn đề liên quan tới chuyên môn.
- **Ban điều hành dự án:** Trách nhiệm xem xét, phân tích các dự án khả thi về yếu tố pháp lý, chi phí, hiệu quả, ... đưa ra các ý kiến khách quan giúp Tổng Giám Đốc có quyết định đầu tư chính xác, hiệu quả.

Tổng giám đốc điều hành và các Giám đốc/Trưởng Ban quản lý theo chuyên ngành, theo chế độ quản lý báo cáo trực tuyến chuyên ngành từ Công ty mẹ tới các Công ty thành viên. Các trưởng bộ phận chuyên ngành của các Công ty thành viên còn có quyền hạn và trách nhiệm kiểm soát chéo các Công ty thành viên khác.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty

- **Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty đến thời điểm 31/10/2007**

➤

Tên cổ đông	Hộ khẩu thường trú	Số cổ phần năm giữ	Giá trị (nghìn VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Chứng Khóan SK (SK Securities Co.,Ltd)	Văn phòng Đại diện tại phòng 7A số 12 Lê Thánh Tôn phường Bến Nghé Q1 TP Hồ Chí Minh	1.008.000	10.080.000	8,00
Ngân Hàng Đầu Tư và Phát triển Việt Nam –	68-70 Điện Biên Phủ, Quận Hồng Bàng, Thành Phố Hải Phòng	1.260.000	12.600.000	10,00

Tên cổ đông	Hộ khẩu thường trú	Số cổ phần năm giữ	Giá trị (nghìn VND)	Tỷ lệ (%)
CN Hải Phòng				
Nguyễn Thị Thu Nga	74/13 Bàu Cát 1, Phường 14, Q.Tân Bình, Tp.HCM	900.000	9.000.000	7,14
Trần Minh Loan	74/13 Bàu Cát 1, Phường 14, Q.Tân Bình, Tp.HCM	1.312.860	13.128.600	10,42
Quỹ Đầu tư Việt Nhật	Ugland House, 115 South Church St, Geoge Town	650.000	6.500.000	5,16
Tổng cộng	-	5.130.860	51.308.600	40,72

➤ **Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần năm giữ đến 31/10/07**

Căn cứ giấy chứng nhận kinh doanh số: 4103002232, đăng ký lần đầu ngày 02/04/2004, và đăng ký thay đổi lần 4, ngày 01/03/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp. Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần năm giữ tới ngày 30/10/2007 bao gồm:

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ (%)
Nguyễn Thị Thu Nga	74/13 Bàu Cát 1, Phường 14, Q.Tân Bình, Tp.HCM	900.000	7,14%
Lê Xuân Hoàng	806 A5, Khu đô thị Đại Kim, Định Công, Q.Hoàng Mai, Tp. Hà Nội	557.660	4,43%
Nguyễn Hồng Hiệp	D10 Phường Quỳnh Lôi, Q. Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội	280.440	2,23%
Trần Việt Tiến	1/6 Đường số 1, Phường 5, Q.Gò Vấp, Tp. HCM	212.610	1,69%
Tổng cộng		1.950.710	15,49%

Do Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha S.G chính thức được cấp giấy phép hoạt động từ ngày 02/04/2004 nên các quy định về hạn chế chuyển nhượng cổ phần đối với cổ đông sáng lập không còn hiệu lực.

➤ Cơ cấu cổ đông đến ngày 31/10/07

Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỉ lệ %
Tổ chức	-	-
❖ Trong nước:		
- Ngân Hàng Đầu Tư và phát triển Việt nam (CN Hải Phòng)	1.260.000	10,00%
❖ Ngoài nước:		
- Công ty chứng khoán SK (SK Securities Co.,Ltd)	1.008.000	8,00%
- Quỹ Đầu Tư Việt Nhật	650.000	5,16%
- STI Support Inc	5.000	0,04%
Cá nhân		
❖ Trong nước		
- Ngoài công ty	7.820.600	62,06%
- Trong công ty	1.781.400	14,14%
❖ Ngoài nước	75.000	0,60%
Tổng cộng	12.600.000	100,00

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Tổ chức niêm yết**5.1. Danh sách những công ty mà Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha S.G đang nắm giữ quyền kiểm soát và chi phối**

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ (đồng)	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Ghi chú
01	Công ty Cổ phần Dầu khí AN PHA (tại Hà Nội)	Tầng 3 toà nhà Hà Nội Tower, số 49 phố Hai Bà Trưng – F. Trần Hưng Đạo – Q. Hoàn Kiếm – Hà Nội.	30.000.000.000	93%	Thời gian góp vốn từ 4/2005
02	Công ty TNHH DV-TM Gia Đình	Khu phố 4, Đường Lã Xuân Oai – F. Tăng Nhơn Phú A – Q.9 – TP HCM	20.000.000.000	99%	Thời gian góp vốn từ 3/2007
03	Công ty TNHH Khí Đốt Gia Định	Lô 14 Khu Công Nghiệp Sài Đồng B – F. Sài Đồng – Q. Long Biên – TP Hà Nội	10.000.000.000	60%	Thời gian góp vốn từ 5/2007
04	Công ty TNHH TM & SX Minh Thông	Số 02/34 Ấp Trường Đức – Xã Trường Đông - Huyện Hoà Thành - Tỉnh Tây Ninh	20.000.000.000	51%	Thời gian góp vốn từ 4/2007
05	Công ty Cổ phần đầu tư thủy điện AN PHA	Số 214 đường Tô Hiệu , tổ 6, F. Tô Hiệu , thị xã Sơn La - Tỉnh Sơn La	150.000.000.000	55%	Được cấp giấy phép từ 4/2007
06	Công ty Cổ phần Dầu Khí AN PHA Tây Nguyên	Thôn 8 Xã Hoà Phú, Thành Phố Ban Ma Thuột, Tỉnh Daklak	20.000.000.000	55%	Thời gian góp vốn từ 5/2007

5.1.1. Công ty Cổ phần Dầu khí AN PHA

- Giấy CNĐKKD số 0103007373 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 11/4/2005, Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 17 tháng 05 năm 2007.
- Địa chỉ : Tầng 3 toà nhà Hà Nội Tower, số 49 phố Hai Bà Trưng – P. Trần Hưng Đạo – Q. Hoàn Kiếm – Hà Nội.
- Điện thoại : 04 – 9364364 Fax: 04 – 9364366
- Vốn điều lệ : 30.000.000.000 đồng

- Tỷ lệ vốn điều lệ mà Công ty Cổ Phần An Pha S.G nắm giữ là 93%
- Ngành nghề kinh doanh:
 - ✓ Mua bán các loại khí hóa lỏng (gas), các sản phẩm có nguồn gốc từ dầu khí và phương tiện, vật tư, thiết bị ngành dầu khí;
 - ✓ Đại lý kinh doanh xăng, dầu, dầu mỡ nhờn và các sản phẩm hóa dầu như: nhựa, đường, hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
 - ✓ Xuất nhập khẩu, mua bán phương tiện vận tải;
 - ✓ Dịch vụ vận tải hàng hóa, vận chuyển các sản phẩm dầu khí trong nước, ngoài nước bằng đường bộ, đường thủy;
 - ✓ Gia công đóng gói các sản phẩm dầu khí;
 - ✓ Tư vấn, lắp đặt, bảo dưỡng các công trình ngành dầu khí (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
 - ✓ Cho thuê kho bãi, phương tiện vận tải chuyên dụng ngành dầu khí đường bộ, đường thủy;
 - ✓ Mua bán gỗ và sản xuất các sản phẩm từ gỗ, hàng gia dụng, máy móc thiết bị ngành công, nông, ngư nghiệp và xây dựng;
 - ✓ Mua bán, sản xuất vật liệu xây dựng, xà phòng và chất tẩy rửa chế biến;
 - ✓ Gia công, mua bán vải, hàng dệt may (trừ tẩy nhuộm);
 - ✓ Xuất nhập khẩu, mua bán sắt, thép, vật tư thiết bị ngành hàng hải;
 - ✓ Dịch vụ sửa chữa tàu thuyền và phá dỡ các loại tàu cũ;
 - ✓ Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

5.1.2. Công ty TNHH DV-TM Gia Đình

- Giấy CNĐKKD số 071431 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp ngày 14/4/1999. Đăng ký thay đổi lần thứ 10, ngày 23 tháng 05 năm 2007.
- Địa chỉ : Khu phố 4, Đường Lã Xuân Oai – P. Tăng Nhơn Phú A – Q.9 – TP HCM.
- Điện thoại : 08 – 7306477 Fax: 08 – 7308994
- Vốn điều lệ : 20.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ vốn điều lệ mà Công ty Cổ Phần An Pha S.G nắm giữ là 99%
- Ngành nghề: Mua bán: vỏ bình gas, phụ tùng, máy móc, thiết bị, vật tư, hóa chất, vỏ bồn chứa gas, bếp gas, gas dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo hành và bảo trì máy móc, thiết bị do công ty bán ra. Đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa. Vận tải hàng hóa đường bộ sử dụng xe vận tải chuyên dùng để chở gas (LPG). Chiết nạp gas (LPG). Mua bán, sản xuất sơn và dầu nhờn. Tồn trữ và cho thuê kho tồn trữ khí đốt hóa lỏng (LPG) (không hoạt động tại trụ sở). Đại lý kinh doanh xăng dầu.

5.1.3. Công ty TNHH Khí Đốt Gia Đình

- Giấy CNĐKKD số 073265 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 25/10/1999, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 24 tháng 05 năm 2007.
- Địa chỉ : Lô 14 Khu Công Nghiệp Sài Đồng B – P. Sài Đồng – Q. Long Biên – TP Hà Nội
- Điện thoại : 04 – 8752674 Fax: 04 – 8752990
- Vốn điều lệ : 10.000.000.000 đồng

- Tỷ lệ vốn điều lệ mà Công ty Cổ Phần An Pha S.G nắm giữ là 60%
- Ngành nghề kinh doanh:
 - ✓ Buôn bán khí đốt hóa lỏng;
 - ✓ Vật tư thiết bị phục vụ kinh doanh khí đốt hóa lỏng;
 - ✓ Đại lý mua, đại lý bán, ký gởi hàng hóa;
 - ✓ Dịch vụ giao nhận hàng hóa;
 - ✓ Lắp đặt, bảo dưỡng hệ thống sử dụng Gas dân dụng và công trình công nghiệp;
 - ✓ Sản xuất chiết nạp đóng bình Gas.

5.1.4. Công ty TNHH SX & TM L.P.G Minh Thông

- Giấy CNĐKKD số 4502000342 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 11 tháng 07 năm 2005, thay đổi lần 1 ngày 20 tháng 04 năm 2007.
- Địa chỉ : Số 02/34 Ấp Trường Đức – Xã Trường Đông - Huyện Hoà Thành - Tỉnh Tây Ninh
- Điện thoại : 066 – 845455 Fax: 066 – 845495
- Vốn điều lệ : 20.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ vốn điều lệ mà Công ty Cổ Phần An Pha S.G nắm giữ là 51%
- Ngành nghề kinh doanh:
 - ✓ Chiết nạp khí hóa lỏng (LPG);
 - ✓ Mua bán: Bếp gas, bình gas;
 - ✓ Kinh doanh vận tải. Vận chuyển hàng hóa, lắp ráp bếp gas công nghiệp, gas dân dụng;
 - ✓ Dịch vụ du lịch.

5.1.5. Công ty Cổ phần đầu tư thủy điện AN PHA

- Giấy CNĐKKD số 24.03.000129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp ngày ngày 06 tháng 04 năm 2007.
- Địa chỉ : Số 214 đường Tô Hiệu , tổ 6, P. Tô Hiệu , thị xã Sơn La - Tỉnh Sơn La.
- Vốn điều lệ : 150.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ vốn điều lệ mà Công ty Cổ Phần An Pha S.G nắm giữ là 55%
- Ngành, nghề kinh doanh:
 - ✓ Sản xuất, kinh doanh điện năng;
 - ✓ Sản xuất vật liệu xây dựng;
 - ✓ Xây dựng các công trình trung, hạ áp và trạm biến áp đến 35Kv;
 - ✓ Xuất nhập khẩu, kinh doanh thiết bị công nghiệp điện, điện tử;
 - ✓ Xây dựng công trình dân dụng;
 - ✓ Xây dựng công trình giao thông;
 - ✓ Xây dựng công trình thủy lợi;
 - ✓ Xây dựng công trình công nghiệp;
 - ✓ Xây dựng công trình thủy điện;
 - ✓ Dịch vụ thương mại.

5.1.6. Công ty Cổ phần Dầu Khí AN PHA Tây Nguyên

- Giấy phép kinh doanh số 40.03.000 132 do Sở Kế hoạch đầu tư Tỉnh Daklak cấp ngày 26/6/2007
- Địa chỉ : Thôn 8 Xã Hoà Phú, Thành Phố Ban Ma Thuột, Tỉnh Daklak
- Vốn điều lệ : 20.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ vốn điều lệ mà Công ty Cổ Phần An Pha S.G nắm giữ là 55%
- Ngành, nghề kinh doanh: Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng, bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan, lắp đặt máy móc thiết bị công nghiệp, tồn trữ và chiết nạp khí hóa lỏng.

Tiền thân là Doanh nghiệp Tư nhân Hoàng Minh kinh doanh gas dân dụng với thương hiệu Dak Gas, do vậy mặc dù mới thành lập xong thị trường đã ổn định. Công ty đang được sắp xếp chấn chỉnh tổ chức quản lý, bán hàng theo định hướng của tập đoàn.

5.2. Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát và cổ phần chi phối đối với Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha S.G

Không có

6. Hoạt động kinh doanh**Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:**

- Nhập khẩu và kinh doanh gas hoá lỏng, công ty An Pha S.G sẽ là đầu mối nhập gas hoá lỏng về và cung cấp cho phần lớn nhu cầu nhập gas của các công ty con.
- Dịch vụ vận tải đường biển: Công ty có 4 tàu vận chuyển gas chuyên dụng, tổng trọng tải 3.000 tấn gas, tầm hoạt động trong khu vực Đông Nam Á.

Định hướng phát triển của Công ty trong thời gian sắp tới:

- Ngày 27/09/07 Công ty đã ký thoả thuận với đối tác chiến lược Quỹ Đầu tư Phát triển Việt Nhật (Japan Vietnam Growth Fund L.P.), đây là Quỹ đầu tư do Tập đoàn Sojitz, Quỹ đầu tư châu Á và một số ngân hàng của Nhật sáng lập để đầu tư vào Việt Nam với các hỗ trợ về quản lý tài chính cho Công ty.
- Ngày 27/09/07 Công ty đã ký thoả thuận với đối tác chiến lược là tập đoàn Sojitz (Sojitz Petrol Co., đây là một tập đoàn lớn của Nhật, nổi tiếng trên lĩnh vực cung ứng và xuất nhập khẩu LPG trên toàn thế giới) cho việc hợp tác chiến lược phát triển kinh doanh LPG tại Việt Nam nhằm khai thác thế mạnh của mỗi bên để ổn định đầu vào LPG của Công ty (cụ thể là Sojitz chịu trách nhiệm cung ứng một phần đầu vào LPG, công ty An Pha đảm trách việc phân phối LPG trên lãnh thổ Việt Nam).
- Ngày 05/10/07 Công ty đã ký hợp đồng đầu tư với đối tác chiến lược là Ngân hàng đầu tư & phát triển Việt Nam (BIDV) thông qua BIDV Hải Phòng. Công ty sẽ có sự hỗ trợ lâu dài về tài chính trong các hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư khác từ phía BIDV.
- Công ty Cổ phần An Pha S.G sẽ là người cung ứng toàn bộ sản lượng gas cho các công ty con nhằm ổn định giá đầu vào và tạo điều kiện cho các công ty con tập trung cho khâu bán lẻ tới người tiêu dùng cuối cùng.
- Tập trung xây dựng hệ thống phân phối mới thông qua việc tham gia mua cổ phần với tỷ lệ đủ để khống chế tại các công ty gas có trạm chiết nạp, hoặc các tổng đại lý, để nắm thế chủ động trong

khâu phân phối đưa sản phẩm trực tiếp tới người tiêu dùng với dịch vụ và giá cả cạnh tranh nhất. Đồng thời Công ty sẽ thiết lập hệ thống phân phối chuẩn và các trung tâm chăm sóc khách hàng. Công ty sẽ thực hiện việc này một cách thuận lợi hơn so với các công ty khác cùng ngành nhờ vào việc tận dụng và khai thác được những cơ sở vật chất có sẵn của Công ty như các kho chứa, hệ thống phân phối của các công ty con, phương tiện vận chuyển ở các địa bàn trọng điểm trên toàn quốc, cộng với năng lực tài chính tốt và các mô hình quản trị hiện đại.

- Hỗ trợ về vốn cho các công ty con đầu tư thêm vỏ bình gas nhằm phát triển thị trường và thị phần theo chiều rộng nhằm đẩy mạnh sản lượng bán của các công ty con.
- Tăng cường khai thác hết công suất đội tàu biển bằng việc liên kết chặt chẽ với đối tác chiến lược Sojitz và các đối tác truyền thống khác: như E1, Sài Gòn Petrol...

6.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm:

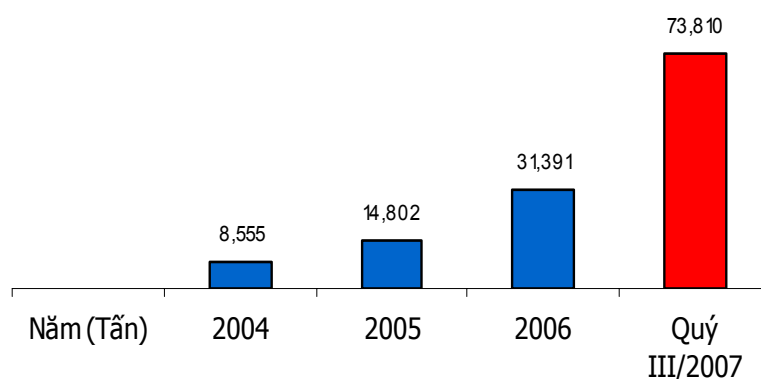
6.1.1. Giá trị dịch vụ qua các năm:

Đvt: nghìn đồng

Chỉ tiêu	2005	% so với tổng doanh thu 2005	2006	% so với tổng doanh thu 2006	Quý III/07	% so với tổng doanh thu QIII/07
Doanh thu từ bán gas	117.848.837	58.95%	148.669.483	77.39%	829.785.919	95.16%
Doanh thu từ các loại hàng hoá khác	48.415.344	24.22%	7.415.514	3.86%	9.096.906	1.04%
Doanh thu từ kinh doanh dịch vụ vận tải	31.031.552	15.52%	36.006.998	18.74%	33.101.514	3.80%
Doanh thu từ các dịch vụ khác	2.627.646	1.31%	-		-	

6.1.2. Sản lượng sản phẩm qua các năm:

Năm	Tổng sản lượng (tấn)	Gas bình		Gas công nghiệp	
		Sản lượng	Tỷ trọng	Sản lượng	Tỷ trọng
2004	8.554,840	0	0	8.554,840	100,00%
2005	14.802,314	0	0	14.802,314	100,00%
2006	31.390,824	0	0	31.390,824	100,00%
Quý III/2007	73.809,515	22.831,519	30,93%	50.977,996	69,07%



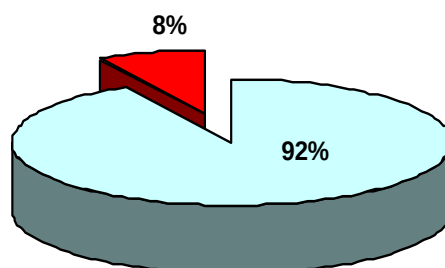
Nguồn: BCKT 2004, 2005, 2006 và BCTC 2007 sản lượng tiêu thụ gas của Công ty

Sản lượng tiêu thụ gas tính đến 30/09/07 của Công ty đã tăng 235,13% so với cả năm 2006 và đạt 68,48% so với kế hoạch cả năm 2007 (trong đó gas bình chiếm 30,93%, gas công nghiệp chiếm 69,07%) đó là nhờ vào sự hợp nhất của các công ty con đã làm thị phần của An Pha S.G tăng lên đáng kể.

6.2. Nguyên vật liệu

➤ Nguồn nguyên vật liệu

Anpha S.G là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại nên Công ty chủ yếu mua thành phẩm gas để phân phối lại cho người tiêu dùng. Hiện nay lượng gas trong nước chỉ cung cấp khoảng 40% nhu cầu thị trường, phần còn lại do các công ty nhập khẩu từ các nước như Thái Lan, Singapore, Trung Quốc. Hiện sản lượng nhập khẩu và mua trong nước để bán của công ty khoảng 7.000 tấn/tháng chiếm tỷ trọng 8% tổng sản lượng của cả nước.



□ Sản lượng nhập khẩu An Pha S.G/tháng
 ■ Sản lượng nhập khẩu của các công ty khác/tháng

➤ Sự ổn định của các nguồn cung cấp này

Ngoài nguồn cung gas trong nước từ nhà máy Dinh Cố cũng chưa thật sự ổn định, phần còn lại Công ty tự nhập khẩu từ các nước: Thailand, Singapore, Trung Quốc,..... nhằm đảm bảo ổn định nguồn hàng Công ty đã có những hợp đồng dài hạn với những nhà cung cấp LPG hàng đầu châu á như: E1

Coporation- Korea, Shell International Eartern Trading and Shipping Company Limited (SIETCO) và đặc biệt là Sojitz Coporation – Japan đã trở thành đối tác chiến lược của Công ty, đây là nguồn cung ứng LPG đầu vào cực kỳ ổn định mà các công ty trong ngành LPG khác khó có thể cạnh tranh được. Thực tế cho thấy từ lúc thành lập đến nay công ty chưa bao giờ bị thiếu hụt gas cho dù có những thời điểm thị trường gas trong nước bị thiếu hàng.

Ngoài ra công ty đang tiến hành nghiên cứu dự án liên doanh đầu tư kho chứa gas nổi đầu tiên tại Việt Nam với sức chứa 30.000 đến 40.000 tấn/ Năm.

➤ **Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận**

Giá bán sản phẩm của Công ty căn cứ vào giá nhập khẩu và giá mua gas từ nhà máy Dinh Cố. Do đó, doanh thu và lợi nhuận của Công ty chịu ảnh hưởng khá lớn của giá cả đầu vào. Khi giá đầu vào tăng sẽ làm tăng giá vốn hàng bán của Công ty, ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của toàn Công ty. Bên cạnh đó, giá xăng dầu trên thế giới biến động liên tục do tình hình chính trị các nước Trung Đông không ổn định, điều này có tác động không nhỏ đến hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu và gas.

6.3. Chi phí sản xuất

Công ty tận dụng được tối đa hệ thống kho và thực hiện kiểm soát chi phí bằng việc sử dụng tối đa công suất của máy móc thiết bị, nhà xưởng, xây dựng các qui định về tiêu hao nguyên vật liệu,... Công ty cũng thực hiện các biện pháp cải tiến trong quản lý và sử dụng vật tư, vật liệu một cách hợp lý nhằm giảm tối đa chi phí sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó nhờ có hệ thống tàu chuyên chở gas nên Công ty luôn chủ động nhập khẩu trực tiếp không qua trung gian vì vậy đã tiết kiệm được chi phí đầu vào tối đa so với các công ty cùng ngành. Do đặc thù của Công ty là công ty thương mại nên chi phí giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn nhất so với những chi phí khác.

Yếu tố chi phí	Năm 2005		Năm 2006		Quý III/2007	
	Giá trị (triệu đồng)	% doanh thu	Giá trị (triệu đồng)	% doanh thu	Giá trị (triệu đồng)	% doanh thu
Giá vốn hàng bán (thuần)	155,409	93.74%	335,461	96.71%	834,390	95,%
Chi phí bán hàng & QLDN	2,892	1.74%	3,637	1.05%	27,159	3,10%
Chi phí lãi vay	1,550	0.94%	5,556	1.60%	3,911	0,44%

6.4. Trình độ công nghệ

So với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành, Công ty có hệ thống sang chiết và lưu trữ gas khá tốt đảm bảo cung cấp cho khách hàng sản phẩm và dịch vụ an toàn, ổn định.

Công ty có hệ thống kho bể chứa đầu mối có sức chứa lớn ở các vị trí trọng điểm như kho LPG Đình Vũ có sức chứa 1.800 tấn nằm tại khu kinh tế Đình Vũ - Hải Phòng với hệ thống cầu cảng có thể tiếp nhận tàu trọng tải đến 10.000 tấn là kho chứa LPG lớn nhất miền Bắc hiện tại. Kho LPG Bourbon - Bến Lức, Long An sức chứa 700 tấn nằm tại khu cảng Bourbon - Bến lức Long An cầu cảng có khả năng tiếp nhận tàu đến 2.000 tấn, cung cấp nguồn LPG cho khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long, Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh miền Đông Nam Bộ.

Hệ thống kho chứa LPG đầu mối của công ty được kiểm định bởi trung tâm kiểm định trong nước và đơn vị kiểm định quốc tế DNV.

Đối với gas bình, Kế hoạch của Công ty dự kiến bán khoảng 43.588 tấn/năm 2007 (chiếm khoảng 41% tổng sản lượng/năm 2007). Để đảm bảo thực hiện kế hoạch bán gas bình năm 2007 và giai đoạn từ nay đến 2010, Công ty sẽ nhanh chóng củng cố, xây dựng hệ thống bán lẻ thông qua mạng lưới phân phối của các công ty con, cùng sự hỗ trợ từ các chương trình khác trên cơ sở vận dụng các công nghệ hiện đại về tổ chức bán lẻ, thực hiện dịch vụ trọn gói cho khách hàng với giá trị gia tăng cao.

Hệ thống kho bể đầu mối

Kho	Kho Đình Vũ	Kho Bến Lức	Trạm chiết Q9	Trạm chiết Gia Định Hà Nội	Trạm chiết công ty Minh Thông	Trạm chiết công ty An Pha Tây Nguyên
Thời gian bắt đầu hoạt động	6/2005	12/2005	1999	1999	2005	T9/2007
Sức chứa	1800 tấn	700 tấn				
Giá trị đầu tư (triệu đồng)	34.317	16.676				
Công suất đóng bình cho gas Công nghiệp						
Công suất đóng bình cho gas rời (tấn/tháng)	1.000	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500



6.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Công ty rất chú trọng tới việc cung cấp sản phẩm dịch vụ toàn diện cho khách hàng từ khâu an toàn sử dụng gas, chăm sóc khách hàng, tiện dụng, chi phí đầu tư thấp... trên cơ sở đó chúng tôi sẽ cho ra đời sản phẩm gas cao cấp hơn phù hợp với sản phẩm dịch vụ chúng tôi đem lại cho khách hàng.

6.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ

➤ Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng

Hiện nay, Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 cho toàn hệ thống. Sản phẩm bình gas được sản xuất theo tiêu chuẩn BOT-240BA của Mỹ, kiểm tra chất lượng định kỳ theo các quy định của Việt Nam bởi các Trung tâm kiểm định thuộc Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Thiết bị sử dụng gas cung cấp cho khách hàng (Van điều áp, dây dẫn gas) được sản xuất theo tiêu chuẩn Châu Âu.

➤ Bộ phận kiểm tra chất lượng của công ty

Công ty luôn chú trọng đến công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm khí đốt (LPG), trước khi nhập kho, được kiểm tra theo bằng cách lấy mẫu phân tích theo phương pháp ASTM D-2163. Chất lượng sản phẩm khí đốt cung cấp cho khách hàng công nghiệp và dân dụng được đăng ký tại Chi cục tiêu chuẩn đo lường - chất lượng TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội, theo tỷ lệ thành phần Propan/Butan là 50/50(%). Đồng thời, Công ty cũng chú trọng việc kiểm tra chất lượng đến từng Công ty con bằng cách phân công nhân viên chịu trách nhiệm quản lý chất lượng dưới sự điều hành và giám sát của Bộ phận Quản lý, sản xuất và giao nhận.

6.7. Hoạt động Marketing

➤ Hoạt động quảng bá thương hiệu

Nhận thức được tầm quan trọng về sức mạnh của quảng cáo thương hiệu trong giai đoạn thị trường hiện nay, công ty đã thực hiện quảng bá thương hiệu thường xuyên và trực tiếp đến khách hàng thông qua các nhân viên bán hàng và nhân viên phát triển thị trường nhằm giới thiệu các sản phẩm và dịch vụ của Công ty.

Thông qua chương trình dịch vụ chăm sóc khách hàng (cửa hàng và người sử dụng khí đốt) có tên "AN TOÀN GIA ĐÌNH BẠN". Chương trình cam kết mang lại sự đảm bảo an toàn cho người dùng gas, bảo hành sử dụng sản phẩm, bảo hiểm trách nhiệm sản phẩm, đảm bảo quyền lợi ổn định cho hệ

thống phân phối để sự gắn kết giữa: Công ty- Cửa hàng - Người tiêu dùng, mục tiêu của chương trình là tập trung phát triển mạnh hệ thống bán lẻ một cách bền vững.

Quảng cáo bằng bảng hiệu tại các cửa hàng thuộc hệ thống phân phối, treo pano và áp phích qua các giải thể thao lớn (bóng đá Olympic Bắc Kinh, World Cup), quảng cáo thương hiệu trên các xe tải giao hàng, brochure...

Xây dựng hình ảnh Công ty và thương hiệu qua hoạt động xã hội như giới thiệu An toàn sử dụng gas trên Đài truyền hình HTV, hỗ trợ chương trình tạo việc làm cho các đối tượng xã hội, chương trình chống hàng giả.

➤ **Phương thức phân phối**

Hệ thống kênh phân phối của Công ty được tổ chức theo hướng năng động qua các kênh phân phối trải dài trên cả nước. Hiện các sản phẩm của Công ty đang được cung cấp qua các kênh bán lẻ, bán buôn, qua các đại lý, cửa hàng. Việc phân chia các kênh của Công ty như sau:

**DAKGAS - TÂY NGUYÊN**
CÔNG TY CP DẦU KHÍ AN PHA - TÂY NGUYÊN



Công ty TNHH SX và TM L.P.G Minh Thông và Công ty cổ phần Dầu khí An Pha - Tây Nguyên là các công ty đang kinh doanh bán lẻ Gas rất mạnh trên thị trường các tỉnh miền Nam với hai thương hiệu rất có uy tín là **JP GAS®** và **Dakgo®**.

JP GAS® tham gia vào thị trường các tỉnh miền Đông Nam bộ và **Dakgo®** bao phủ thị trường khu vực các tỉnh Tây Nguyên.



- o **Kênh phân phối một cấp:** Công ty cung cấp LPG cho các công ty thành viên của tập đoàn để các đơn vị này phân phối ra thị trường. Cung cấp sản phẩm qua kênh này luôn đảm bảo an toàn về mặt tài chính, chủ động đầu vào cho các công ty con và đảm bảo sự thống nhất giữa nhiệm vụ kinh doanh của Công ty với các đơn vị thành viên. Công ty đã khai thác được những lợi thế cạnh tranh về lĩnh vực này so với các đối thủ nhờ vào hệ thống tàu biển vận chuyển của Công ty từ nhà cung cấp đến các Công ty thành viên. Trên thực tế, ngoài sản phẩm gas bình, Công ty đã giành được nhiều hợp đồng cung cấp gas bồn cho các khách hàng công nghiệp với khối lượng lớn. Đối với các thị trường tập trung như Tp. Hồ Chí Minh, Hà Nội công ty áp dụng kênh phân phối một cấp, từ công ty đến thẳng hệ thống cửa hàng, đại lý bằng đội xe giao hàng của công ty.
- o **Kênh phân phối hai cấp:** Công ty cung cấp trực tiếp sản phẩm tới các Tổng đại lý tự do (các đơn vị không phải là thành viên của Công ty Cổ phần An Pha). Kênh phân phối này được xuất phát từ những hạn chế của kênh phân phối một cấp về tính linh hoạt, đảm bảo gắn liền lợi ích kinh tế với

động lực phát triển kinh doanh. Việc ra đời của kênh phân phối này đã góp phần nâng cao sản lượng bán ra, tạo ra một sự cạnh tranh mới để giảm sức ép cho kênh phân phối một cấp đồng thời tạo khả năng cạnh tranh cao hơn cho Công ty thông qua việc mở rộng kênh phân phối. Đối với các khu vực tỉnh áp dụng kênh phân phối 2 cấp, từ Công ty - tổng đại lý - đại lý nhằm phát huy hết những điều kiện vật chất, nhân lực và mạng lưới phân phối tại địa phương.

Ngoài ra Công ty đang xây dựng một hệ thống giám sát bán hàng, nhằm theo dõi và phản ánh chất lượng dịch vụ, sản phẩm đến tận cửa hàng và người tiêu dùng.



6.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Gia Đình (Sài Gòn)

Giấy CN đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số : 64325

Mẫu nhãn hiệu : Gia Đình Gas

Giấy CN nhãn hiệu hàng hoá số: 36304

Mẫu nhãn hiệu

Gia đình Gas



Công ty TNHH Khí đốt Gia Định

Giấy CN đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số : 55095

Mẫu nhãn hiệu



Công ty Cổ Phần Dầu Khí An Pha Tây Nguyên

Giấy đăng ký nhãn hiệu số: 62861

Mẫu nhãn hiệu



Công ty TNHH SX & TM L.P.G Minh Thông

Giấy phép đăng ký nhãn hiệu số: 86122

Mẫu nhãn hiệu



6.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

➤ Hợp đồng mua hàng (Công ty TNHH DV-TM Gia Đình)

Tên hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Thời gian thực hiện	Đối tác trong hợp đồng
Mua LPG	500.000 USD/ tháng	2007	PV Gas
Mua LPG	200.000 USD/tháng	2007	Xí nghiệp kinh doanh khí hoá lỏng miền Nam
Mua LPG	1.500.000 USD/tháng	2007	VT Gas
Mua vỏ bình Gas	> 17 tỉ đồng	2007	Nhà máy sản xuất vỏ bình khí PetroSetco
Mua vỏ bình Gas	> 17 tỉ đồng	2007	Công ty TNHH SX & KD HAI HÀNH

➤ **Hợp đồng bán hàng (Công ty TNHH DV TM Gia Đình)**

Tên hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Thời gian thực hiện	Đối tác trong hợp đồng
Bán LPG	600.000 USD/ tháng	2007	DNTN Hồng Mộc
Bán LPG	600.000 USD/tháng	2007	Công ty CP Thành tài

➤ **Hợp đồng bán hàng (Công ty CP Dầu khí An Pha)**

Giá trị hợp đồng	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Đối tác trong hợp đồng
600.000 USD/ tháng	2007	LPG	Shell Gas Hải Phòng
600.000 USD/tháng	2007-2008	LPG	Công ty TNHH Vạn Lộc
200.000 USD/tháng	2007-2008	LPG	Công ty TNHH Quỳnh Anh
650.000 USD/tháng	2007	LPG	Công ty TNHH Khí đốt Gia Định
132.000 USD/tháng	2007	LPG	Công ty TNHH Tân Thành
135.000 USD/Tháng	2007	LPG	Công ty TNHH Hải Linh
100.000 USD/tháng	2007	LPG	Công ty CP TM Dầu Khí T&N
100.000 USD/tháng	2007	LPG	Công ty CP Vật tư thiết bị Dầu khí Việt Nam

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty năm 2005, 2006 và Quý III/2007**

Chỉ tiêu	Năm 2005 (1.000 đ)	Năm 2006 (1.000 đ)	% tăng/ giảm	Quý III/07 (1.000đ)
Tổng giá trị tài sản	81.981.071	130.509.208	59,19%	479.345.780
Doanh thu thuần	165.790.741	346.871.609	109,22%	871.984.341
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	5.995.875	2.609.108	-56,48%	11.159.336
Lợi nhuận khác	31.500	103.030	227,08%	13.466.609
Lợi nhuận trước thuế	6.027.375	2.712.138	-55,00%	24.625.946

Chỉ tiêu	Năm 2005 (1.000 đ)	Năm 2006 (1.000 đ)	% tăng/ giảm	Quý III/07 (1.000đ)
Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông của Công ty mẹ	4.647.721	2.492.070	-46,38%	14.600.237
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0,00%	16,89%		

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2006 và Quý III/2007

➤ Phân tích doanh thu và thu nhập từ hoạt động kinh doanh:

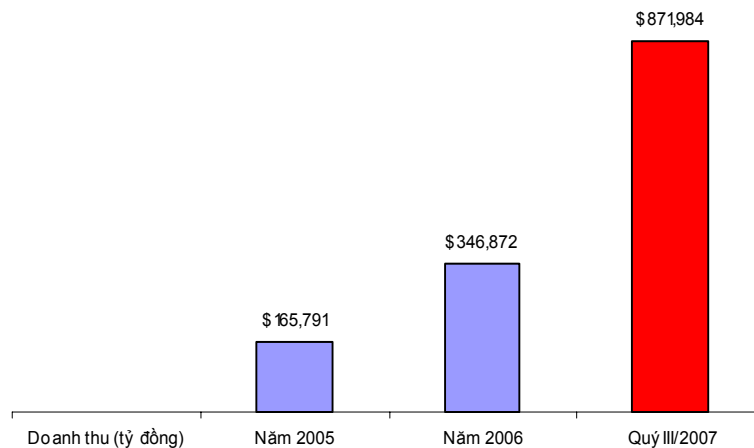
- o Doanh thu từ hoạt động kinh doanh gas tăng đạt 186,35 tỷ đồng tăng 158% so với năm 2005 và chiếm 87,4% trong tổng doanh thu hoạt động của Công ty. Riêng 09 tháng đầu năm 2007 doanh thu kinh doanh gas đạt 875,02 tăng 152% so với doanh thu cả năm 2006.
- o Doanh thu từ kinh doanh tàu đạt 36 tỷ đồng tăng 16% so với năm 2005 và chiếm 10,35% trong cơ cấu doanh thu của công ty. Kết quả kinh doanh 09 tháng đầu năm của năm 2007 đạt 33,10 tỷ, chiếm 3.78% tổng doanh thu.

Như vậy tổng doanh thu 09 tháng đầu năm 2007 (875,02 tỷ) đã tăng 152% so với cả năm 2006 (346,871 tỷ). Kết quả này khẳng định thế mạnh của Công ty khi hoạt động dưới mô hình tập đoàn, thị phần đã được mở rộng theo chiều rộng thể hiện trên phạm vi địa lý và chiều sâu thể hiện qua việc tăng sản lượng thông qua hệ thống phân phối (đại lý, cửa hàng).

Từ tháng 08/2006 đến 12/2006, hoạt động của đội tàu bị hạn chế nghiêm trọng do sự thay đổi đột xuất về chính sách xuất khẩu khí hoá lỏng của Thái Lan dẫn đến nguồn khí hoá lỏng từ Thái Lan xuất sang Việt Nam giảm sút nghiêm trọng, vào thời điểm đó đội tàu chỉ hoạt động cầm chừng, doanh thu năm 2006 mặc dù có tăng lên so với năm 2005 nhưng do chi phí hoạt động của đội tàu tăng do thời gian tàu phải nằm chờ ở các cảng kéo dài nên kết quả thu nhập thấp hơn nhiều so với năm 2005. Kể từ cuối năm 2006, Công ty đã ký hợp đồng vận tải khí hoá lỏng từ Trung Quốc và tranh thủ khai thác các nguồn vận tải nội địa nên hoạt động vận tải dần đi vào ổn định. Tháng 6/2007 Công ty đã đưa vào hoạt động tàu Việt Mỹ có sức chứa 1.050 MT LPG, đảm bảo một giai đoạn phát triển mới trong lĩnh vực vận tải biển của Công ty.

- o Năm 2006 doanh thu từ hoạt động tài chính tăng 1,036 tỷ chiếm 0,34% trên tổng doanh thu của Công ty, chủ yếu từ lãi tiền gửi, tiền cho vay và một phần nhỏ từ chênh lệch tỷ giá.

Nhìn chung so với năm 2005, thu nhập từ kinh doanh gas vẫn là mảng kinh doanh chủ yếu của Công ty, thu nhập từ hoạt động này đặt biệt tăng mạnh từ quý II/2007 do hiệu ứng của việc hợp nhất. Đến 30/09/2007 lợi nhuận trước thuế đạt mức 24,62 tỷ so với cả năm 2006 là 2,71 tỷ.



➤ **Phân tích chi phí:**

- o Chi phí hoạt động kinh doanh: Quy mô hoạt động kinh doanh mở rộng nên chi phí cho hoạt động kinh doanh năm 2006 là 3,34 tỷ đồng, đã tăng lên 15,64%. Cơ cấu các khoản chi phí hoạt động kinh doanh như sau: chi phí tiền lương chiếm 33,06%; chi phí khấu hao TSCĐ chiếm 11,63%; chi phí khác chiếm 55,31%. Chi phí hoạt động kinh doanh khác tăng tương ứng việc mở rộng quy mô kinh doanh, chủ yếu do tăng các khoản chi phí như chi phí nhiên liệu, công cụ lao động, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí tiếp khách hội nghị và các chi phí bằng tiền khác,...
- o Chi phí hoạt động quý III/07: Tổng chi phí hoạt động là 8,54 tỷ tăng 155% so với cả năm 2006 trong khi doanh thu tăng 152.26%, lợi nhuận trước thuế tăng 808%.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

➤ **Vị thế của công ty trong ngành**

Với mục tiêu đến năm 2008 sẽ trở thành một trong ba công ty hàng đầu trong lĩnh vực phân phối gas lẻ nên công ty đã thực hiện các hoạt động nhằm đa dạng hoá phương thức bán hàng, tăng cường quảng cáo, tích cực tiết kiệm tối đa chi phí đầu vào. Với các tiêu chí đó, Công ty đã xây dựng hệ thống gần như khép kín và đang là công ty gas duy nhất có một hệ thống hoàn chỉnh có tàu để nhập khẩu gas (gồm đội tàu khí hoá lỏng gồm 04 chiếc đứng trong top 3 công ty có số lượng tàu và tải trọng lớn nhất đó là PTSC-Petro Vietnam, Shinpetrol-Vinashin và Anpha Petrol). Công ty cũng là một trong năm công ty có hệ thống kho chứa LPG đầu mối ở cả 2 miền Nam & Bắc (Petrolimex Gas, Total-Elf, Petronas-Thăng Long Gas, Petro VietNam Gas và Anpha Petrol). Hệ thống xe bồn và hệ thống bán lẻ của Công ty đang được đánh giá là tốt nhất, cung cấp sản lượng gas bình lớn nhất ở thị trường miền Nam và miền Bắc trong tổng số 50 công ty trên cả nước, thị phần bán lẻ chiếm khoảng 8%.



Bên cạnh đó công ty Cổ phần Dầu khí Anpha S.G có một đội ngũ cán bộ lãnh đạo và cán bộ chuyên môn được đào tạo chuyên nghiệp. Có những cán bộ đã từng là Giám đốc chuyên ngành, Phó Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc các Công ty gas nổi tiếng như Total, Elf, Shell,.. Công ty là một đối tác có uy tín của các Công ty gas lớn trong nước như Petro Vietnam Gas, Petrolimex Gas, Sài Gòn Petro, VTGas,... và các tập đoàn năng lượng lớn ở khu vực và Châu Á (Hoa Phong- Trung Quốc, Sojit- Nhật bản, E1 - Hàn Quốc, Shell (SIETCo.,) - Singapore,...

➤ **Triển vọng phát triển của ngành**

Trong những năm gần đây, nền kinh tế Việt Nam phát triển mạnh, môi trường và chính sách đầu tư đã được lành mạnh hoá, cùng với sự phát triển của xã hội nhiều ngành nghề đòi hỏi phải nâng cao cả về lượng và chất. Gas là chất đốt sạch không gây ô nhiễm môi trường, không ăn mòn và tiện lợi trong vận chuyển, giảm thiểu ô nhiễm môi trường so với các chất đốt khác do đó gas đang dần trở thành mặt hàng thiết yếu trong cuộc sống hiện đại, trong các ngành thương mại, nông nghiệp và công nghiệp,... Ngành dầu khí nói chung và kinh doanh khí hoá lỏng nói riêng đang là lĩnh vực rất phát triển ở Việt Nam. Tiêu dùng khí hoá lỏng cho cả lĩnh vực công nghiệp và dân dụng mỗi năm tăng 10% đến 15%. Hiện tại Việt Nam có khoảng 50 Công ty kinh doanh khí hoá lỏng với nhiều thương hiệu khác nhau. Sự phát triển của ngành khí hoá lỏng ngày càng đòi hỏi các công ty gas một mặt phải có cơ sở hạ tầng đủ lớn từ khâu nhập khẩu, vận tải, tồn trữ đến mạng lưới chiết nạp và phân phối. Mặt khác đòi hỏi phải có đầu tư lớn về con người và vật chất để đảm bảo an toàn và tiện lợi cho người tiêu dùng. Chỉ có như vậy doanh nghiệp mới có thể phát triển bền vững trong điều kiện thị trường năng lượng thế giới biến động và đáp ứng được yêu cầu trách nhiệm xã hội cao về an toàn cháy nổ của ngành kinh doanh này. Như vậy, triển vọng phát triển của ngành trong sự phát triển của Việt Nam và sự hội nhập quốc tế tất yếu trong thời gian tới chỉ tồn tại các công ty gas có định hướng đúng, đủ mạnh cả về chất và lượng. Cùng với việc xây dựng kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh, Công ty cũng đẩy nhanh việc triển khai phương thức huy động vốn trên thị trường chứng khoán nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh với chi phí sử dụng vốn rẻ nhất. Với định hướng đa dạng hoá ngành nghề kinh doanh, Công ty đã mở rộng đầu tư trong lĩnh vực thủy điện, nhằm tranh thủ thêm các cơ hội để phát triển.

Mục tiêu của công ty là những khách hàng lớn sử dụng gas công nghiệp như các công ty luyện thép, công ty sản xuất gốm sứ, gạch men.

Công ty Cổ phần Dầu khí Anpha S.G khẳng định đã có hướng phát triển đón đầu phù hợp với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế phát triển chung trên Thế giới.

➤ **Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới**

Nhà nước thực hiện việc mở cửa, khuyến khích đầu tư trong và ngoài nước theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế đã hình thành nhiều dự án tiêu thụ gas với khối lượng lớn đặc biệt là trong lĩnh vực gốm sứ và vật liệu xây dựng. Trên thế giới hiện nay vẫn chưa có sản phẩm nào có ưu thế hơn để có thể thay thế sản phẩm gas nên chắc chắn nhu cầu tiêu thụ gas rất lớn trong thời gian tới.

9. Chính sách đối với người lao động

➤ **Tổng số cán bộ công nhân viên hiện nay là 320 người với cơ cấu như sau (tính đến ngày 30/09/2007)**

Diễn giải	Số lượng	Tỉ lệ %
Cán bộ có trình độ sau đại học	02	1,26
Cán bộ có trình độ đại học, cao đẳng	72	45,28
Cán bộ có trình độ trung cấp	26	16,35
Công nhân	220	37,11
Tổng cộng	320	100%

➤ **Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp**

Công ty đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện chế độ, chính sách trả lương, thưởng cho người lao động theo luật định. Hiện nay 100% người lao động được ký hợp đồng, được đảm bảo các chế độ BHXH & BHYT, trợ cấp nghỉ việc, tai nạn, ốm đau, trợ cấp thai sản...

Công ty mới đi vào hoạt động hơn 3 năm, định hướng theo mô hình tập đoàn kinh doanh đa lĩnh vực, bản thân doanh nghiệp gặp rất nhiều khó khăn về mọi mặt, đặc biệt về mặt cán bộ quản lý. Nhưng ban lãnh đạo Công ty luôn xác định "Nhân sự là nhân tố quan trọng nhất, then chốt nhất" quyết định sự thành bại của Công ty. Để có thể đáp ứng được nhu cầu phát triển, Công ty đã hết sức cố gắng tạo mọi điều kiện thuận lợi cho CBCNV theo học các khóa học nâng cao nghiệp vụ, bồi dưỡng ngoại ngữ ở trong và ngoài nước, tạo lập một môi trường làm việc tốt, nâng cao năng suất lao động, tăng thu nhập cho CBCNV. Chính vì vậy đội ngũ CBCNV đã và đang gắn bó, đồng sức một lòng xây dựng Công ty ngày càng vững mạnh.

10. Chính sách cổ tức

- ◆ Năm 2005 Công ty chia cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 18,76%/năm.
- ◆ Năm 2006 Công ty không chia cổ tức cho các cổ đông nhằm để dành nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- ◆ Dự kiến từ 2007 Công ty sẽ chia cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 12%/năm.

11. Tình hình hoạt động tài chính

Năm tài chính của công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày bằng đồng Việt nam, được thành lập dựa trên các quy định hiện hành về kế toán Việt Nam.

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản**➤ Trích khấu hao TSCĐ**

Trích khấu hao theo quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 - Bộ Tài chính, theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau

Loại tài sản	Số năm sử dụng
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10
Máy móc, thiết bị	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 – 6
Phương tiện vận tải	6 – 10

Chi tiết trích khấu hao như sau: Công ty áp dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng và theo đúng chế độ kế toán quy định.

Khấu hao lũy kế tài sản cố định hữu hình	Năm 2005	Năm 2006	Đến 30/9/2007
A - Nhà cửa, vật kiến trúc	236.340.108	622.963.604	4.042.084.796
B - Máy móc, thiết bị	665.587.727	2.863.019.801	10.164.427.366
C - Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3.661.406.858	7.238.412.346	18.318.457.383
D – Thiết bị dụng cụ quản lý	118.290.916	258.761.869	621.476.275
Tổng cộng	4.681.625.609	10.983.157.621	33.146.445.820

Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2005,2006 và BCTC quý III/07

- **Mức lương bình quân:** Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty năm 2006 là 6.931.811 VND/Người/tháng. Đây là mức thu nhập khá so với các doanh nghiệp khác trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.
- **Thanh toán các khoản nợ đến hạn:** Công ty không có khoản vay nào quá hạn hoặc phải xin gia hạn thanh toán.
- **Các khoản phải nộp theo luật định:** Công ty luôn kê khai và thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản thuế theo các quy định của Nhà nước.

➤ **Trích lập các quỹ theo luật định**

Hàng năm, Công ty phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào Quỹ phát triển để đầu tư vào các chương trình xây dựng hệ thống phân phối, Quỹ khen thưởng phúc lợi để khen thưởng kịp thời cho các cá nhân, đơn vị có thành tích xuất sắc trong năm.

Tỷ lệ phần trăm các quỹ khác thực hiện theo kiến nghị của Hội đồng quản trị, tuân thủ theo quy định của pháp luật và được đại hội cổ đông phê chuẩn.

➤ **Tổng dư nợ vay:**

Tổng dư nợ vay	Năm 2005	Năm 2006	Quý III/07
a - Vay ngắn hạn	11.945.171.644	38.484.002.018	96.234.746.074
b - Vay dài hạn	20.495.000.000	10.359.992.161	9.370.431.700
c - Nợ quá hạn		-	-
Tổng cộng	32.440.171.644	48.843.994.179	105.605.177.774

Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2005,2006 và BCTC quý III/07

➤ Tình hình công nợ hiện nay

Tình hình công nợ hiện nay	Năm 2005	Năm 2006	Đến quý III/07
1 - Tổng số nợ phải thu	28.624.008.028	43.867.314.747	69.430.946.002
a- Phải thu khách hàng	24.627.504.263	41.042.654.808	64.529.415.801
b- Trả trước cho người bán	3.572.112.617	1.662.730.781	3.140.075.905
c- Các khoản phải thu khác	18.317.225	1.161.929.158	1.761.454.296
2 - Tổng số nợ phải trả	40.335.445.056	86.414.096.914	307.652.669.778
a- Vay và nợ ngắn hạn	11.945.171.644	38.484.002.018	96.234.746.074
b- Phải trả người bán	5.988.602.335	31.776.135.613	119.240.624.014
c- Người mua trả tiền trước	-	3.797.748.547	1.899.354.221
d- Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	1.529.620.972	1.332.943.936	6.599.871.230
e- Vay và nợ dài hạn	20.495.000.000	10.359.992.161	9.370.431.700
f- Phải trả khác	377.050.105	663.274.639	74.307.642.539

Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2005,2006 và BCTC quý 3/07

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006	Quý III/07
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,74	0,91	0,54
Hệ số thanh toán nhanh	1,68	0,89	0,46
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	49,20%	66,21%	64,18%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	113,52%	262,86%	218,48%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	257,52	272,87	85,37
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2,02	2,66	1,19
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,84%	0,72%	2,20%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	13,26%	7,58%	13,64%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	5,75%	1,91%	4,00%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	3,62%	0,75%	1,28%

Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2005, 2006 và BCTC quý 3/07

12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng**12.1 Danh sách thành viên hội đồng quản trị**

Chức vụ	Tên	Tuổi/Năm sinh	CMND
Chủ tịch	Trần Minh Loan	30/10/1957	024016570
Thành viên	Vũ Hồng Minh	27/07/1957	023666507
Thành viên	Vũ Đại Bách	25/08/1969	023743385
Thành viên	Lê Xuân Hoàng	20/05/1975	012921015
Thành viên	Trần Việt Hùng	21/08/1967	012642621

1. Ông Trần Minh Loan

- o Chức vụ hiện tại : Chủ tịch HĐQT
- o Giới tính : Nam
- o Ngày sinh : 30/10/1957
- o Nguyên quán : Nam Định
- o CMND số : 024016570, cấp ngày 05/04/2002, tại CA Tp.HCM
- o Trình độ văn hoá : Đại học
- o Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- o Quá trình công tác
 - Từ năm 1976 đến năm 1980, học Đại học kinh tế Quốc Dân – Hà Nội
 - Từ năm 1981 đến năm 1985, công tác tại Ủy Ban Vật giá Nhà nước
 - Từ năm 1986 đến năm 1996, Nghiên cứu sinh và làm việc tại Bungaria
 - Từ năm 1998 đến năm 2000, công tác tại Công ty Dầu khí Thành phố HCM.
 - Từ năm 2001 đến năm 2003, công tác tại Công ty TNHH DV TM Gia Đình, chức vụ: Giám đốc.
 - Từ năm 2004 đến nay, công tác tại Công ty CP Dầu khí An Pha S.G, chức vụ: Tổng giám đốc.
 - Từ năm 2007, kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dầu khí An Pha S.G
- o Số cổ phần hiện nắm giữ: 1.312.860 cổ phần
- o **Những người có liên quan:**
 - 1. Vợ Nguyễn Thị Thu Nga : 900.000 cổ phần
 - 2. Em trai Trần Minh An : 59.390 cổ phần
 - 3. Em gái Trần Thị Hạnh : 34.000 cổ phần
 - 4. Chị gái Trần Thị Văn : 45.320 cổ phần
- o Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không
- o Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- o Hành vi vi phạm pháp luật : Không

2. Ông Vũ Hồng Minh

- o Chức vụ hiện tại : Thành viên HĐQT
- o Giới tính : Nam
- o Ngày sinh : 27/07/1957
- o Nguyên quán : Hải Phòng
- o CMND số : 023666507, cấp ngày 06/05/2004, tại CA Tp.HCM.
- o Trình độ văn hoá : Đại học
- o Trình độ chuyên môn : Kỹ sư hàng hải
- o Quá trình công tác
 - Từ năm 1981 đến năm 1986, học Đại học Hàng Hải tại Hải Phòng

- Từ năm 1986 đến năm 1996, công tác tại Cty Thuỷ Sản Việt Nga tại Tp.HCM, chức vụ: Sỹ quan tàu biển.
- Từ năm 1996 đến nay, thành lập Cty kinh doanh, chức vụ: Giám đốc.
- o Số cổ phần hiện nắm giữ : 0 cổ phần
- o **Những người có liên quan:**
 - 1. Vợ Trần Thị Thanh Hằng: 556.590 cổ phần
- o Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không
- o Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- o Hành vi vi phạm pháp luật : Không

3. Ông Vũ Đại Bách

- o Chức vụ hiện tại : Thành viên HĐQT
- o Giới tính : Nam
- o Ngày sinh : 25/08/1969
- o Nguyên quán : Hải Dương
- o CMND số : 023743385, cấp ngày 01/03/2005, tại CA Tp.HCM
- o Trình độ văn hoá : Đại học
- o Trình độ chuyên môn : Kỹ sư hàng hải
- o Quá trình công tác
 - Từ năm 1987 đến năm 1992, Học Đại học Hàng Hải tại Hải Phòng.
 - Từ năm 1992 đến năm 2002, Công tác tại Công ty Vận tải và thuê tàu biển Việt nam (Vittranschart), chức vụ: Thuyền viên
 - Từ năm 2002 đến năm 2004, Công tác tại Công ty Cổ phần vận tải Dầu khí –Shinpetrol, chức vụ: Trưởng phòng khai thác.
 - Từ năm 2004 đến nay, công tác tại Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha S.G, chức vụ Giám đốc vận tải.
- o Số cổ phần hiện nắm giữ : 109.000 cổ phần
- o **Những người có liên quan: không có**
- o Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- o Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- o Hành vi vi phạm pháp luật : Không

4. Ông Lê Xuân Hoàng

- o Chức vụ hiện tại : Thành viên HĐQT
- o Giới tính : Nam
- o Ngày sinh : 20/05/1975
- o Nguyên quán : Vĩnh Phúc
- o CMND số : 012921015, cấp ngày 08/09/2006, tại CA Tp.Hà Nội.

- o Trình độ văn hoá : Đại học
- o Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- o Quá trình công tác
 - Từ năm 1992 đến năm 1996, học Đại học Kinh tế Quốc Dân Hà Nội
 - Từ năm 1996 đến năm 2004, công tác tại Cty CN Công ty CP xây lắp công nghiệp và thương mại Hải Hà, chức vụ : Giám đốc chi nhánh.
 - Từ năm 2004 đến năm 2006, công tác tại Cty Cổ phần Dầu Khí An Pha S.G, chức vụ: Giám đốc chi nhánh Hải Phòng.
 - Từ năm 2006 đến tháng 03/2007, công tác tại Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha tại Hà Nội, chức vụ: Giám đốc tài chính.
 - Từ tháng 03/2007 đến nay , công tác tại Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha tại Hà Nội, chức vụ: Phó tổng giám đốc, kiêm tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư Thủy điện An Pha.
- o Số cổ phần hiện nắm giữ : 557.660 cổ phần
- o **Những người có liên quan:**
Không có
- o Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- o Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- o Hành vi vi phạm pháp luật : Không

5. Ông Trần Việt Hùng

- o Chức vụ hiện tại : Thành viên HĐQT
- o Giới tính : Nam
- o Ngày sinh : 21/08/1967
- o Nguyên quán : Quảng Nam
- o CMND số : 012642621, cấp ngày 15/09/2003, tại CA Tp.Hà Nội
- o Trình độ văn hoá : Đại học
- o Trình độ chuyên môn : Cử nhân thương mại, cử nhân kinh tế ngoại thương.
- o Quá trình công tác
 - Từ năm 1986 đến năm 1990, học Đại học kinh tế Đà Nẵng
 - Từ năm 1991 đến năm 1994, công tác tại Công ty Xăng dầu khu vực 5 (Petrolimex Đà Nẵng)
 - Từ năm 1994 đến năm 1999, công tác tại CN Cty Hoá dầu Petrolimex Đà Nẵng, chức vụ: Trưởng phòng kinh doanh.
 - Từ năm 1999 đến năm 2003, công tác tại Công ty Gas Petrolimex Hà Nội, chức vụ: Trưởng phòng kinh doanh.
 - Từ năm 2003 đến năm 2004, công tác tại CN Công ty Gas Petrolimex Đà Nẵng, chức vụ: Phó giám đốc.
 - Từ năm 2005 đến năm 2006, công tác tại Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha, chức vụ: Giám đốc kinh doanh.

- Từ năm 2006 đến nay, công tác tại Công ty TNHH Ván Sàn Hùng Gia, chức vụ: Giám đốc.
- o Số cổ phần hiện nắm giữ : 56.890 cổ phần
- o **Những người có liên quan:**
 1. Vợ Nguyễn Thị Thanh Hương : 27.500 cổ phần
 2. Em trai Trần Việt Tiến : 212.610 cổ phần
- o Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- o Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- o Hành vi vi phạm pháp luật : Không

12.2 Ban giám đốc

Chức vụ	Tên	Tuổi/ Năm sinh	CMND
Tổng Giám đốc	Trần Minh Loan	30/10/1957	024016570

1. Ông Trần Minh Loan Chức vụ : Tổng giám đốc, Chủ tịch HĐQT

Xem phần 12.1

12.3 Kế toán trưởng, Giám Đốc Tài chính

Ông Huỳnh Bửu Tuấn Chức vụ hiện tại : Kế toán trưởng, Giám Đốc Tài Chính

- o Giới tính : Nam
- o Ngày sinh : 20/04/1962
- o Nguyên quán : TP HCM
- o CMND số : 022874786, cấp ngày 25/11/2005, tại CA Tp.HCM
- o Trình độ văn hoá : Đại học
- o Trình độ chuyên môn : Đại học Tài Chính kế toán
- o Quá trình công tác
 - Từ năm 1988 đến năm 1989, Làm việc tại Nhà Máy Đường Hiệp Hoà Long An , nhân viên Kế Toán.
 - Từ năm 1989 đến năm 1996, công tác tại Lực lượng TNXP TP HCM: Kế toán trưởng
 - Từ năm 1997 đến 1999 , công tác tại Công ty Giấy Tân Mai, chức vụ: Kế toán tổng hợp.
 - Từ 1999 tới 2002 làm việc tại Công ty THHH SX giấy lựa NewToyo: Chức vụ Kế Toán Giá Thành, từ tháng 12/2000 tới tháng 6/2002 Quyền Kế Toán Trưởng.
 - Từ tháng 6/2002 tới 2005 công tác tại Công ty CP Dầu Nhớt Vilube: Chức vụ Kế Toán Trưởng.
 - Từ năm 2005 tới tháng 6/2007 Công tác tại Công Ty TNHH SX Giấy Fuji: Chức vụ Giám Đốc Tài Chính.

- o Từ tháng 6/2007 tới nay Công tác tại Công ty CP Dầu khí An Pha S.G: Chức vụ Giám Đốc Tài Chính, kiêm kế Toán Trưởng.
- o Số cổ phần hiện nắm giữ : 0 cổ phần
- o **Những người có liên quan:**
Không có
- o Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- o Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- o Hành vi vi phạm pháp luật : Không

12.4 Ban kiểm soát

Chức vụ	Tên	Tuổi/Năm sinh	CMND
Trưởng ban kiểm soát	Vũ Thanh Hoà	05/10/1975	172290936
Kiểm soát viên	Nguyễn Hồng Hiệp	10/04/1973	011667117
Kiểm soát viên	Hoàng Vũ Uyển Linh	04/09/1975	023092297

1. Ông Vũ Thanh Hoà

Chức vụ hiện tại

Trưởng ban kiểm soát

- o Giới tính : Nam
- o Ngày sinh : 05/10/1975
- o Nguyên quán : Thanh Hoá
- o CMND số : 172290936, cấp ngày 21/08/1998, tại CA Thanh Hoá.
- o Trình độ văn hoá : Đại học
- o Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế Dầu khí
- o Quá trình công tác
 - Từ năm 1993 đến năm 1998, học Đại học Mỏ Địa Chất - Hà Nội.
 - Từ năm 1999 đến tháng 03 năm 2004, công tác tại Công ty TNHH DV TM Gia Đình, chức vụ Thành viên Hội đồng thành viên, Kế toán viên kiêm phụ trách tài chính.
 - Từ tháng 04 năm 2004 đến tháng 01 năm 2007, công tác tại công ty Cổ phần Dầu khí An pha S.G, chức vụ: Kế toán viên kiêm Phụ trách tài chính.
 - Từ tháng 02 năm 2007 đến nay, công tác tại công ty Cổ phần Dầu khí An pha S.G, chức vụ: Trưởng ban kiểm soát.
- o Số cổ phần hiện nắm giữ : 13.500 cổ phần
- o **Những người có liên quan:**
Không có
- o Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- o Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- o Hành vi vi phạm pháp luật: Không

2. Ông Nguyễn Hồng Hiệp

Chức vụ hiện tại

Kiểm soát viên

- o Giới tính : Nam
- o Ngày sinh : 10/04/1973
- o Nguyên quán : Bắc Ninh
- o CMND số : 011667117, cấp ngày 01/09/1999, tại CA Tp.Hà Nội
- o Trình độ văn hoá : Đại học
- o Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- o Quá trình công tác
 - Từ năm 1990 đến năm 2000, đi học phổ thông và Đại học kinh tế Quốc Dân HN
 - Từ năm 2001 đến năm nay, Công tác tại Công ty TNHH Thương Mại Quỳnh Anh, chức vụ Giám đốc
- o Số cổ phần hiện nắm giữ : 280.440 cổ phần
- o **Những người có liên quan:**
- o Vợ Lương Thị Sinh : 31.140 cổ phần
- o Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- o Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- o Hành vi vi phạm pháp luật : Không

3. Bà Hoàng Vũ Uyển Linh

Chức vụ hiện tại

Kiểm soát viên

- o Giới tính : Nữ
- o Ngày sinh : 04/09/1975
- o Nguyên quán : Nam Định
- o CMND số : 023092297, cấp ngày : 23/01/1999
- o Trình độ văn hoá : Đại học
- o Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế ngoại thương.
- o Quá trình công tác :
 - Từ năm 1996 đến năm 1999, công tác tại Cty Suzuki Việt Nam, chức vụ: Phó phòng XNK.
 - Từ năm 2000 đến năm 2001, công tác tại Cty Wartsilar Việt Nam, chức vụ Trưởng phòng XNK.
 - Từ năm 2001 đến năm 2006, công tác tại Cty Sojitz Việt Nam, chức vụ: Chuyên viên XNK.
 - Từ năm 2007 đến nay, Công tác tại Công ty Casmilk, chức vụ: Giám đốc.
- o Số cổ phần hiện nắm giữ : 0 cổ phần
- o **Những người có liên quan:**
- 1. Chồng Nguyễn Kim Sơn : 211.290 cổ phần
- o Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- o Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- o Hành vi vi phạm pháp luật: Không

13. Tài sản**Danh sách tài sản của Tập đoàn (tính đến thời điểm 30/09/07):**

TÊN TÀI SẢN	NGUYÊN GIÁ (VND)	HAO MÒN LŨY KẾ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI
Nhà cửa vật kiến trúc	12.499.749.440	4.042.084.796	8.457.664.644
Máy móc thiết bị	40.879.681.156	10.164.427.366	30.715.253.790
Phương tiện vận tải	47.309.443.189	18.318.457.383	28.990.985.806
Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.241.389.759	621.476.275	619.913.484
TOTAL	101.930.263.544	33.146.445.820	68.783.817.724

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo**14.1. Kế hoạch doanh thu qua các năm 2007, 2008 & 2009:***Đơn vị tính: 1.000 đồng*

CHỈ TIÊU	Năm 2007	Năm 2008	+/- '07	Năm 2009	+/- '08
Công ty cổ phần dầu khí An Pha S.G	140.784.600	207.459.984	47.36%	243.408.984	17%
Công ty cổ phần dầu khí An Pha	409.273.778	562.503.800	37.44%	668.081.600	19%
Công ty TNHH TM-DV Gia Đình	383.585.263	663.168.000	72.88%	842.506.000	27%
Công ty TNHH Khí Đốt Gia Định	237.116.229	331.213.000	39,68%	367.059.000	11%
Công ty TNHH SX & TM L.P.G Minh Thông	33.622.734	77.552.000	130,65%	85.541.000	10%
Công ty CP dầu khí An Pha Dak Lak	22.023.154	78.850.000	258,03%	94.311.000	20%
HỢP NHẤT của công ty cổ phần dầu khí An Pha S.G	1.226.405.758	1.920.746.784	56.6%	2.300.907.584	20%

14.2. Kế hoạch lợi nhuận của các công ty con và công ty mẹ qua các năm 2007,2008 & 2009:

Đơn vị tính: 1.000đ

CHỈ TIÊU	Năm 2007	Năm 2008	+/- '07	Năm 2009	+/- '08
Công ty CP dầu khí An Pha S.G	1.550.040	5.741.531	270%	6.442.522	12%
Công ty cổ phần dầu khí An Pha	2.894.500	4.947.419	71%	5.875.061	19%
Công ty TNHH TM-DV Gia Đình	6.167.993	8.334.314	35%	11.232.507	35%
Công ty TNHH Khí Đốt Gia Định	8.118.275	14.176.000	75%	17.848.600	26%
Công ty TNHH Minh Thông	688.253	2.064.480	200%	2.625.990	27%
Công ty CP dầu khí An Pha Dak Lak	418.198	2.129.600	409%	2.717.000	28%
HỢP NHẤT của công ty cổ phần dầu khí An Pha S.G	19.837.259	37.393.344	88,50%	46.741.680	25%

14.3. Kế hoạch HỢP NHẤT của công ty cổ phần dầu khí An Pha S.G qua các năm 2007, 2008 & 2009:*Đơn vị tính: 1.000đ*

CHỈ TIÊU	Năm 2007	+/- '06	Năm 2008	+/- '07	Năm 2009	+/- '08
Vốn điều lệ	126.000.000	320%	126.000.000	-	140.000.000	11%
Doanh thu thuần	1.226.405.758	253%	1.920.746.784	57%	2.300.907.584	20%
Lợi nhuận sau thuế	19.837.259	896%	37.393.344	88%	46.741.680	25%
Thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS)	1,574	89%	2,968	88%	3,338	12%
Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	12%	100%	25%	108%	30%	20%

14.4. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên.**➤ Lĩnh vực kinh doanh gas****Kế hoạch sản lượng**

CHỈ TIÊU	Năm 2007	Năm 2008	+/- '07	Năm 2009	+/- '08
Sản lượng Gas bình	64.200	88.800	38.31%	110.200	24.10%
Gas công nghiệp	43.588	57.261	31.36%	63.780	11.38%
Tổng cộng	107.788	146.061	35.51%	173.980	19.11%

Kế hoạch sản lượng này được lập dựa trên việc khảo sát, phân tích thị trường, đánh giá tiềm năng phát triển của từng địa phương và đã cân nhắc tới yếu tố đối thủ cạnh tranh, cũng như việc đánh giá khả năng, năng lực thực tế của từng công ty con.

Biện pháp để đạt kế hoạch

- o Phát triển hệ thống bán lẻ thông qua kênh phân phối là các tổng đại lý, đại lý, cửa hàng, đặc biệt là thiết lập hệ thống cửa hàng của An Pha Petrol. Đây được coi là hình thức mở rộng thị

phần theo chiều rộng, để hỗ trợ cho việc này công ty sẽ đầu tư mạnh vỏ bình gas 12 kg trong giai đoạn 2007-2008.

- o Song song với việc mở rộng thị phần, công ty tổ chức thực hiện các chương trình đem lại lợi ích thiết thực cho người tiêu dùng về chất lượng dịch vụ, sự an toàn khi sử dụng sản phẩm của tập đoàn An pha Petrol. Đó là chương trình An Toàn Gia đình bạn, công ty cam kết chịu trách nhiệm cho từng sản phẩm dịch vụ của mình thông qua hình thức mua bảo hiểm cho người tiêu dùng, giá trị bảo hiểm lên tới 1 tỷ đồng/ vụ.
- o Khi đã làm tốt các việc trên công ty sẽ đưa ra thị trường sản phẩm mới với giá trị vật chất và dịch vụ hơn hẳn các công ty cùng ngành với giá bán hợp lý hơn để phục vụ cho đối tượng khách hàng cao cấp. Đây được xem như việc phát triển thị trường theo chiều sâu và cũng là cơ hội gia tăng lợi nhuận gộp (gross margin) của Công ty
- o Tổ chức bộ máy điều hành theo mô hình Công ty mẹ, công ty con vận hành theo nguyên tắc: Xây dựng bộ máy quản lý điều hành tại công ty con có trình độ tương đương nhau, các quyết định của công ty con phải phù hợp định chế của tập đoàn, công cụ quản lý tài chính phải tương đồng, rõ ràng, hiệu quả ... Qua đó công ty mẹ luôn kiểm soát được mọi mặt hoạt động của các công ty con và có các quyết định kịp thời.

➤ Lĩnh vực kinh doanh tàu biển

Hiện đội tàu chuyên dụng của công ty có 4 chiếc hoạt động trên phạm vi vùng biển khu vực Đông nam Á, công suất vận chuyển đạt hơn 11.000 tấn gas tháng. Được khai thác chủ yếu là vận chuyển gas từ Trung Quốc và Thái Lan về Việt nam và vận chuyển nội địa, hiện công ty đã ký hợp đồng hợp tác chiến lược với Sojitz để khai thác hệ thống kho bãi của Sojitz và An Pha Petrol nên khả năng hoạt động hết công suất của đội tàu là rất cao. Do đó hiệu quả đem lại từ mảng này sẽ ổn định hơn những năm trước.

➤ Đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, nguy cơ

Điểm mạnh	Điểm yếu
▪ Đang trên đà phát triển mạnh về lĩnh vực phân phối gas bình. Sau khi hợp nhất các công ty con, Công ty đã đầu tư để củng cố hoạt động kinh doanh trên cơ sở những thương hiệu đã có sẵn như Gia Định Gas, Minh Thông,... sẽ tạo nên vị thế vững chắc trên thị trường gas Việt Nam. ▪ Công ty chiếm thị phần bán lẻ gas lớn (khoảng 8%) trên thị trường với tốc độ tăng trưởng cao. ▪ Xây dựng hệ thống chất lượng cao dựa trên cơ sở vững chắc đã có từ trước đến nay. Cụ	▪ Không chủ động được giá cả đầu vào. ▪ Công ty đang ở giai đoạn đầu của việc tái đầu tư theo cơ cấu tập đoàn nên việc quản lý hoạt động chưa thật sự ổn định và chuyên nghiệp. ▪ Còn phải đầu tư nhiều về việc phát triển thương hiệu

Điểm mạnh	Điểm yếu
thể, Công ty có chương trình nhập dây dẫn từ bình đến bếp có chất lượng và lập chương trình theo dõi, hướng dẫn tiêu dùng chặt chẽ. Đây là điểm khác biệt lớn nhất giữa Công ty An Pha so với 50 công ty phân phối gas lẻ trên thị trường cả nước ▪ Đội ngũ quản lý có trình độ, kinh nghiệm, năng động và trung thành với Công ty ▪ Có mạng lưới đại lý phân phối lớn triển khai trên phạm vi cả nước thông qua các công ty con và các đại lý cấp 1&2. ▪ Có đội tàu vận chuyển gas	
Cơ hội	Nguy cơ, thách thức
▪ Thị trường gas Việt Nam đang trên đà phát triển với nhiều tiềm năng phía trước. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế thì đời sống xã hội cũng được nâng cao, với xu hướng tách ra của các gia đình nhỏ, thị phần tiêu dùng gas sẽ tăng lên đáng kể trong thời gian tới. ▪ Hứa hẹn một sự hợp tác lâu dài với các đối tác chiến lược trong lĩnh vực kinh doanh gas. ▪ Dễ dàng thu hút vốn thông qua kênh thị trường chứng khoán sau khi cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên thị trường chứng khoán tập trung.	▪ Nguy cơ về cháy nổ dễ xảy ra nếu không đảm bảo được an toàn cho sản phẩm của Công ty ▪ Khó cạnh tranh về giá cả với các thiết bị gas của Trung Quốc.

➤ Phương hướng thực hiện

- ✓ Marketing: Thông qua các chương trình, dự án đang thực hiện, công ty chú trọng việc quảng bá hình ảnh của mình trên các phương tiện thông tin đại chúng như báo chí, đài truyền hình, thông qua các tổ chức xã hội tại địa phương cũng là hình thức đưa thương hiệu tới người tiêu dùng cuối cùng.
- ✓ Hoạt động sản xuất kinh doanh: Tổ chức, sắp xếp hợp lý hơn bộ máy kinh doanh của từng đơn vị, khai thác hết khả năng bán hàng của các đại lý, cửa hàng (hệ thống phân phối) để đạt sản

lượng tiêu thụ cao nhất. Cắt giảm hợp lý các chi phí hoạt động, tài chính... để nâng cao hiệu suất sử dụng vốn.

- ✓ Nhân lực: Công ty sắp xếp hợp lý hơn năng lực cán bộ quản lý, tuyển chọn đội ngũ cán bộ mới đáp ứng yêu cầu kinh doanh của công ty.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty CP Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HSC) đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần dầu khí An Pha S.G cũng như xem xét lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động. Đồng thời dựa trên kết quả kinh doanh trong các năm vừa qua, năng lực của Công ty và mức tăng trưởng dự tính sắp tới của ngành và của nền kinh tế, HSC nhận thấy kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty có tính khả thi nếu không có những biến động ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của doanh nghiệp. Những nhận xét trên chỉ mang tính tham khảo mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết:

Không có

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết:

Không có

PHẦN V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. **Loại chứng khoán** : Cổ phiếu phổ thông
2. **Mệnh giá** : 10.000 đồng/cổ phiếu
3. **Tổng số chứng khoán niêm yết** : 12.600.000 cổ phiếu
4. **Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành**
 - Cổ đông là CBCNV : 79.100 cổ phiếu
 - Cổ đông sáng lập : 0 cổ phiếu
 - Cổ đông đặc biệt (HĐQT, BGD, BKS, KTT): 2.330.350 cổ phiếu

Cổ đông đặc biệt bị hạn chế chuyển nhượng 100% CP nắm giữ trong 6 tháng từ ngày niêm yết và 50% số CP này trong 6 tháng tiếp theo. Trong đó:

 - ✓ HĐQT : 2.036.410 cổ phiếu
 - ✓ BGD : 0 cổ phiếu
 - ✓ BKS : 293.940 cổ phiếu
 - ✓ KTT : 0 cổ phiếu
 - Tổng số CP bị hạn chế chuyển nhượng thời điểm hiện tại là: 6.044.590 cổ phiếu, chiếm 47,97% vốn điều lệ
 - Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông chiến lược:
 - ◆ Nắm giữ 100% số cổ phiếu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày Công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.
 1. SK Securities Co., Ltd : 1.008.000 cổ phiếu
 2. Japan Vietnam Growth Fund L.P : 650.000 cổ phiếu
 3. Ông Diệp Minh Thông : 100.000 cổ phiếu
 - ◆ Nắm giữ 100% số cổ phiếu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày Công ty niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán TP. HCM.
 1. Ông Nguyễn Tiến Phụng : 232.340 cổ phiếu
5. **Phương pháp tính giá:** Giá tham chiếu cho ngày giao dịch đầu tiên được tính theo các phương pháp P/E như sau :
 - Lợi nhuận sau thuế dự kiến đến 31/12/2007 là 19.837.259.000 đồng
 - Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân là 8.779.502 cổ phiếu
 - Thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) dự kiến đến 31/12/2007 là 2.259 đồng/cổ phiếu

- Hệ số P/E sử dụng để tính giá tham chiếu cho ngày giao dịch đầu tiên của Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha S.G là 22.10 (Dựa vào hệ số P/E của doanh nghiệp cùng ngành Công ty Cổ phần Dầu khí Petrolimex ngày 18/12/2007 là 32.04 có chiết khấu 45%).
- Giá dự kiến cho ngày giao dịch đầu tiên là 50.000 đồng/cổ phiếu

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần dầu khí An Pha S.G không có quy định cụ thể giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người đầu tư nước ngoài.

Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM, tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tuân theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán Việt nam hiện hành tối đa là 49%. Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài có thể thay đổi theo các quy định của pháp luật tại thời điểm tương ứng.

Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài tại Công ty tính đến thời điểm 30/10/2007 là 13.79%

7. Các loại thuế có liên quan

- Đối với hoạt động kinh doanh vận tải biển, công ty mẹ được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trong vòng 10 năm kể từ năm 2005.
- Được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động kinh doanh vận tải biển trên mức thuế suất ưu đãi 20% trong vòng 03 năm kể từ năm 2007.
- Đối với hoạt động kinh doanh gas, mức thuế suất cho thuế thu nhập doanh nghiệp là 28%/năm.

PHẦN VI: CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Tầng 11 Toà nhà Sông Đà - Số 165 - Đường Cầu Giấy - Quận cầu Giấy – Hà Nội

Điện thoại: (04) 2670 491 Fax: (04) 2670 494

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH (HSC)

Cao ốc Capital Place, Tầng 2

Số 6 Thái Văn Lung, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 823 3299 Fax: (08) 823 3301

PHẦN VII: PHỤ LỤC

- 1. Phụ lục I** : Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- 2. Phụ lục II** : Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết
- 3. Phụ lục III** : Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết:
Nghị quyết ĐHĐCĐ chấp thuận việc niêm yết cổ phiếu.
- 4. Phụ lục IV** :
 - ◆ Báo cáo tài chính công ty mẹ và báo cáo hợp nhất đã kiểm toán năm 2005.
 - ◆ Báo cáo tài chính công ty mẹ và báo cáo hợp nhất đã kiểm toán năm 2006.
 - ◆ Báo cáo tài chính công ty mẹ và báo cáo hợp nhất tháng 09 năm 2007.
- 5. Các phụ lục khác**

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ AN PHA S.G

CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC



TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

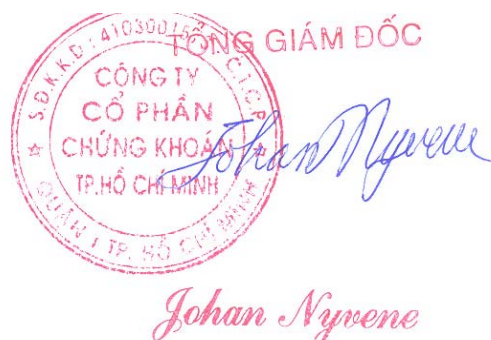
KẾ TOÁN TRƯỞNG

VŨ THANH HÒA

HUỲNH BỬU TUẤN

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



ĐIỀU LỆ

SỬA ĐỔI LẦN THỨ NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ AN PHA S.G

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày.....Tháng.....Năm.....

CỘNG TY
CỔ PHẦN
DẦU KHÍ
AN PHA S.G

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Minh Loan

Năm 2007

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	5
Điều 1. Định nghĩa các thuật ngữ.....	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	5
Điều 2. Tên, hình thức, Trụ sở, Chi nhánh, Văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....	5
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	6
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	6
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	6
Điều 5. Vốn Điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	6
Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu.....	7
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác	7
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần.....	7
Điều 9. Thu hồi cổ phần	8
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT.....	8
Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý:	8
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	8
Điều 11. Quyền của Cổ đông	8
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	9
Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội cổ đông.....	10
Điều 15. Các đại diện được ủy quyền	11
Điều 16. Thay đổi các quyền.....	12
Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	16
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	16
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	16
Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	17
Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	18
Điều 27. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế	19

Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	19
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	22
Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý	22
Điều 30. Cán bộ quản lý	22
Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc điều hành.....	22
Điều 32. Thư ký Công ty (nếu cần thiết).....	23
IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ	23
Điều 33. Trách nhiệm căn trọng của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý.....	23
Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	24
Điều 35. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	24
X. BAN KIỂM SOÁT	25
Điều 36. Thành viên Ban kiểm soát	25
Điều 37. Ban kiểm soát	25
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	26
Điều 38. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	26
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	26
Điều 39. Công nhân viên và công đoàn.....	26
XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	27
Điều 40. Cổ tức.....	27
Điều 41. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận	27
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	27
Điều 42. Tài khoản ngân hàng.....	27
Điều 43. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	28
Điều 44. Năm tài khoá.....	28
Điều 45. Hệ thống kế toán.....	28
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	28
Điều 46. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý	28
Điều 47. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng	28
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	29
Điều 48. Kiểm toán	29
XVII. CON DẤU.....	29
Điều 49. Con dấu.....	29
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	29
Điều 50. Chấm dứt hoạt động.....	29
Điều 51. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông.....	29
Điều 52. Gia hạn hoạt động.....	29
Điều 53. Thanh lý.....	30

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	30
Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	30
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	30
Điều 55. Bổ sung và sửa đổi điều lệ	30
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	31
Điều 56. Ngày hiệu lực.....	31
Điều 57. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	31

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được Công ty thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2006 tổ chức chính thức vào ngày 27 tháng 01 năm 2007.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa các thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a. “Vốn Điều lệ” là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này;
 - b. “Luật doanh nghiệp” là Luật doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2006.;
 - c. “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh 02/04/2004;
 - d. “Cán bộ quản lý” là Tổng Giám đốc điều hành, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.
 - e. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong Điều 4.17 Luật Doanh nghiệp;
 - f. “Thời hạn hoạt động” là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng nghị quyết.
 - g. “Việt Nam” là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, Trụ sở, Chi nhánh, Văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:
 - Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ AN PHA S.G
 - Tên tiếng Anh: AN PHA S.G PETROL JOINT STOCK COMPANY
 - Tên giao dịch: AN PHA S.G PETROL JOINT STOCK COMPANY
 - Tên công ty viết tắt: AN PHA S.G PETROL J.S.Co.
2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
 - a. Địa chỉ: Phòng 2.5D & 2.6A, tòa nhà ETown, 364 Cộng Hòa, P.13, Q. Tân Bình, TP Hồ Chí Minh.
 - b. Điện thoại: (84 8) 8127155/56
 - c. Fax: (84 8) 8127762
 - e. Website: www.anphapetrol.com

Địa chỉ trụ sở Công ty được thay đổi theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị.

4. Tổng Giám Đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc khi có quyết định của Đại hội đồng cổ đông Chủ tịch Hội đồng quản trị là đại diện theo pháp luật của Công ty.
5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 50.2 và Điều 51 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 52 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là 45 (bốn mươi lăm) năm, bắt đầu từ ngày thành lập.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là :
 - a. Mua bán khí hóa lỏng, vật tư và thiết bị dầu khí. Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt ; ...
 - b. Vận chuyển các sản phẩm dầu khí theo đường bộ và đường biển bằng xe và tàu chuyên dụng;
 - c. Tồn trữ, chiết nạp các sản phẩm dầu khí;
 - d. Dịch vụ lắp đặt, bảo dưỡng các công trình trong ngành dầu khí;
 - e. Cho thuê kho bãi, phương tiện vận tải chuyên dụng dầu khí bằng đường bộ và đường thủy...
2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là: Công ty được thành lập để huy động mới và sử dụng các nguồn lực sẵn có trong việc phát triển sản xuất kinh doanh và các lĩnh vực khác nhằm mục tiêu tạo ra lợi nhuận, tăng lợi tức cho các cổ đông, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động và phát triển công ty ngày càng lớn mạnh và bền vững.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh quy định của Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Hội đồng quản trị phê duyệt.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn Điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là **126.000.000.000 đ** (Một trăm hai mươi sáu tỷ đồng chẵn). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **12.600.000** cổ phần với mệnh giá là **10.000 VNĐ/cổ phần**.
2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ phù hợp với các quy định của Pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm toàn bộ là cổ phần phổ thông.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp sẽ được nêu tại Phụ lục số 01 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.
6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại

hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại nếu có) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn có liên quan.
8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của luật pháp về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định khác tại Khoản 7 Điều 6.
2. Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.
3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản chi phí nào khác.
4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị hủy bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.
5. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần, chứng nhận về các hư hỏng và mất cắp chứng chỉ cổ phiếu và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.
6. Người sở hữu cổ phiếu vô danh phải chịu trách nhiệm độc lập về việc bảo quản Giấy chứng nhận cổ đông và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp những chứng chỉ này bị mất cắp hoặc sử dụng với mục đích lừa đảo.
7. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Đại hội đồng cổ đông và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.
2. Trong vòng 3 năm kể từ khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các cổ đông sáng lập phải cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% tổng số cổ phần phổ thông được quyền chào bán. Cổ đông sáng lập phải thanh toán đầy đủ số cổ phần đã đăng ký mua trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Trường hợp

chuyển nhượng cổ phần số cổ phần này cho những người không phải là cổ đông sáng lập thì cần phải có sự đồng ý của Đại hội đồng cổ đông.

Trường hợp các cổ đông sáng lập không đăng ký mua hết số cổ phần được quyền chào bán thì số cổ phần còn lại phải được chào bán hết trong thời hạn ba năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

3. Các cổ đông sáng lập không được rút khỏi tư cách thành viên sáng lập Công ty trong vòng 2 năm tài chính đầu tiên của Công ty. Việc chấm dứt tư cách thành viên sáng lập phải được đề nghị bằng văn bản và gửi bằng đường bưu điện chính thức cho Hội đồng quản trị. Trong trường hợp này, các cổ đông sáng lập còn lại sẽ có quyền ưu tiên mua trước số cổ phần của cổ đông sáng lập trên theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần họ sở hữu.
4. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên số tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 7 ngày từ ngày thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán sẽ bị thu hồi.
3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp thuận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các khoản 4, 5 và 6 và trong các trường hợp được quy định tại Điều lệ này.
4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của công ty, Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ theo lãi vay ngắn hạn của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc miễn giảm một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý:

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. Tổng Giám đốc;
- d. Ban Kiểm soát.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của Cổ đông

1. Cổ đông là những người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham gia các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện các quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền;

- b. Nhận cổ tức;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và Luật pháp hiện hành;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Trường hợp Công ty bị giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 90.1 của Luật Doanh nghiệp;
 - i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 06 tháng có các quyền sau:
- a. Đề cử các thành viên của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát theo quy định tại điều 24.3 và điều 36.2 của Điều lệ này;
 - b. Yêu cầu triệu tập Đại hội cổ đông;
 - c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội cổ đông;
 - d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải có các nội dung chủ yếu sau:
 - Họ và tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức;
 - Số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty.
 - Vấn đề cần kiểm tra, mục đích của kiểm tra.
 - e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

- 1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty, chấp hành các nghị quyết của Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị;
- 2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;
- 3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
- 4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
- 5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

- 1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần, đại hội đồng cổ đông phản họp thường niên trong thời hạn bốn tháng từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh Vốn điều lệ đã bị mất một nửa;
 - c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà Luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
 - d. Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông quy định tại điều 11.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông có liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);
 - e. Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cao cấp vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo *Điều 119 của Luật Doanh nghiệp* hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.
4. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường
 - a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản 3c Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại khoản 3d và 3e Điều 13.
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4a Điều 13, thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3d Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị. Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.
 - c. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4a Điều 13, thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3d Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.
 - d. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.
 - e. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội cổ đông

1. Đại hội cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
 - a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
 - b. Báo cáo của Ban Kiểm soát;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
2. Đại hội cổ đông thường niên và bất thường có quyền ra các quyết định bằng văn bản các vấn đề sau:
 - a. Thông qua các Báo cáo tài chính hàng năm;
 - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
 - d. Lựa chọn hoặc ủy quyền cho Ban Kiểm soát lựa chọn Công ty kiểm toán

- e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành.
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - h. Loại cổ phần và lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 3 năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;
 - i. Chia, tách, hợp nhất, sát nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
 - l. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần hoặc cổ phần phát hành;
 - n. Việc Tổng Giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120 khoản 1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị tương ứng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Các hợp đồng quy định tại Điều 14.2 Điều lệ này khi cổ đông hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc người có liên quan đến cổ đông đó.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp và phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Các đại diện được ủy quyền

- 1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.
- 2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo qui định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
 - c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
 Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.
- 3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
- 4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp qui định tại Điều 14.2 liên quan đến vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.
2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông triệu tập theo các trường hợp qui định tại Điều 13.4b hoặc Điều 13.4c.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng ba mươi ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp và các tài liệu theo quy định phù hợp với Luật pháp và các quy định của Công ty;
 - b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
3. Thông báo họp Đại hội cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, trên website của công ty, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi công ty đóng trụ sở chính. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất mười lăm ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trường hợp Công ty có website, thông báo

họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 11.3 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều 17 trong các trường họp sau:
 - a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng;
 - c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội cổ đông bàn bạc và thông qua;
6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị Dự thảo một nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.
7. Trường họp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là họp lệ kể cả trong trường họp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường họp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường họp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường họp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là họp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.
4. Theo đề nghị Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 17.3 của Điều lệ này.

Điều 19. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề, hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu Đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá ba người.
3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến

muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc là người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức cuộc họp để bầu ra chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra đề cử một thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.
5. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.
7. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều 19, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
8. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.
9. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.
10. Hội đồng quản trị, sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:
 - a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:
 - a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong Thông báo và chủ tọa Đại hội sẽ có mặt tại đó (Địa điểm chính của Đại hội);
 - b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của Đại hội có thể đồng thời tham gia Đại hội.Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết về những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.
12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác đi), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia Đại hội ở địa điểm chính của Đại hội.

Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 của Điều 20, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.
 - a. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm
 - b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty
 - c. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành.
2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể công ty, giao dịch bán tài sản công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của công ty và các chi nhánh của công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Ban kiểm soát phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các quyết định đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua đeo kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính công ty.
8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, được lập theo quy định của Luật doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản và sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính Công ty (đã quy định rõ tại Điều 17.3).

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi ngày kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty;
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là ít nhất là (05) người và nhiều nhất là (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị do các cổ đông sáng lập đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Các cổ đông sáng lập được quyền gộp tỷ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để bỏ phiếu đề cử thành viên của Hội đồng quản trị.
3. Các cổ đông nắm giữ tối thiểu 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
5. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không có tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó không còn đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn có năng lực hành vi;
 - d. Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu tháng và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
6. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp nhận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
7. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
8. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của công ty.

Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và các bộ phận quản lý khác.
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - a. Quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ;
 - d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
 - e. Giải quyết khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
 - f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
 - g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
 - h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
 - i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm(nếu có);
 - j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;

- k. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
 - l. Quyền và nghĩa vụ khác do theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại Điều 108.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 120.3 Luật Doanh Nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê mua công ty và liên doanh);
 - d. Chỉ định và bãi nhiệm nhưng người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và luật sư của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 20% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm.
 - g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên qua đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;
 - j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
 - k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
6. Trừ khi luật phát và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.
7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.
8. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền thù lao cho từng thành viên phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.
9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một chủ Chủ tịch và một Phó Chủ tịch (nếu thấy cần thiết). Trừ khi Đại hội

đồng cổ đông quyết định khác. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Tổng giám đốc điều hành của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng thường niên.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch ủy quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
4. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.

Điều 27. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không phải người được ủy nhiệm thay thế cho thành viên đó) có thể chỉ định một thành viên Hội đồng quản trị khác, hoặc một người được Hội đồng quản trị phê chuẩn và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ này, làm người thay thế cho mình và có quyền bãi miễn người thay thế đó.
2. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế có quyền được nhận thông báo về các cuộc họp của Hội đồng quản trị và của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị mà người chỉ định anh ta là thành viên, có quyền tham gia và biểu quyết tại các cuộc họp khi thành viên Hội đồng quản trị chỉ định anh ta không có mặt, và được ủy quyền để thực hiện tất cả các chức năng của người chỉ định như là thành viên của Hội đồng quản trị trong trường hợp người chỉ định vắng mặt. Thành viên thay thế này không có quyền nhận bất kỳ khoản thù lao nào từ phía Công ty cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị thay thế. Tuy nhiên, Công ty không bắt buộc phải gửi thông báo về các cuộc họp nói trên cho thành viên Hội đồng quản trị thay thế không có mặt tại Việt Nam.
3. Thành viên thay thế sẽ phải từ bỏ tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp người chỉ định anh ta không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị hết nhiệm kỳ nhưng lại được tái bổ nhiệm hoặc được coi là đã tái bổ nhiệm trong cùng Đại hội đồng cổ đông mà thành viên đó thôi giữ chức do hết nhiệm kỳ thì việc chỉ định thành viên thay thế do người này thực hiện ngay trước thời điểm hết nhiệm kỳ sẽ tiếp tục có hiệu lực sau khi thành viên đó được tái bổ nhiệm.
4. Việc chỉ định hoặc bãi nhiệm thành viên thay thế phải được thành viên Hội đồng quản trị chỉ định hoặc bãi nhiệm người thay thế làm bằng văn bản thông báo và ký gửi cho Công ty hoặc theo hình thức khác do Hội đồng quản trị phê chuẩn.
5. Ngoài những quy định khác đã được nêu trong Điều lệ này, thành viên thay thế sẽ được coi như là thành viên Hội đồng quản trị trên mọi phương diện và phải chịu trách nhiệm các nhân về hành vi và sai lầm của mình mà không được coi là người đại diện thừa hành sự ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị đã chỉ định mình.

Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Các cuộc thường kỳ, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm cuộc họp ít nhất bảy ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất thường khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.
3. Các cuộc họp bất thường, Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn.
 - a. Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý;
 - b. Hai thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - d. Đa số thành viên Ban kiểm soát.
4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 28 phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty, những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập ở Khoản 3 Điều 28 có thể tự mình triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp hội quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Địa điểm họp. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Thông báo và chương trình họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm ngày trước khi tổ chức cuộc họp, các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
8. Số thành viên tham dự tối thiểu. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.
9. Biểu quyết:
 - a. Trừ quy định tại Khoản 9b Điều 28, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích Công ty. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
 - c. Theo quy định tại Khoản 9d Điều 28, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 34.4b của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

10. Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
11. Biểu quyết đa số. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.
12. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết bằng văn bản. Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:
 - a. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - b. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị;

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

14. Biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.
15. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kếp nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

16. Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của nhiều tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng giám đốc điều hành và một số Phó tổng giám đốc điều hành (nếu thấy cần thiết), một Kế toán trưởng và một số chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc điều hành và các Phó tổng giám đốc điều hành có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 30. Cán bộ quản lý

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc điều hành sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc điều hành.
3. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc điều hành

1. Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc điều hành và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc điều hành phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm kỳ: Theo Điều 26 của Điều lệ này, Tổng giám đốc điều hành có thể không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành là 5 (năm) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc điều hành không được phép là những người bị phát luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.
3. Quyền hạn và nhiệm vụ: Tổng giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
 - a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - c. Kiến nghị số lượng và các loại các bộ quản lý mà Công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ

cầu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn đề Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

- d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - e. Vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, Tổng giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh cho năm tài chính tiếp theo.
 - f. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
 - g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ cho hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình đề Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
 - i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các quyết định của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc điều hành, và pháp luật.
4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông: Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
5. Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc điều hành) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc điều hành mới thay thế. Tổng giám đốc điều hành bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

Điều 32. Thư ký Công ty (nếu cần thiết)

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều trợ lý thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của thư ký Công ty bao gồm:

- a. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- b. Làm biên bản các cuộc họp;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 33. Trách nhiệm căn trọng của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý được ủy thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại những lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ những lợi ích của tổ chức hay cá nhân khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.
3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hóa vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó, hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:
 - a. Đối với Hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về Hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên của Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện Hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc
 - b. Đối với những Hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về Hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành Hợp đồng hoặc giao dịch này.
 - c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc Hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc Công ty con của Công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 35. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính, (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay Công ty con của Công ty) ủy quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay Công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của một Công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi

thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

X. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba đến năm thành viên. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Ban kiểm soát phải chỉ định một thành viên làm trưởng ban, trưởng Ban kiểm soát có các quyền và nhiệm vụ sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.
2. Cổ đông nắm giữ ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
3. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm năm, thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
4. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
 - b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết bằng chức vụ của người này bị bỏ trống.
 - e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37. Ban kiểm soát

1. Công ty có từ mười hai cổ đông trở lên phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:
 - a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
 - b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
 - c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;

- d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
 - e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát triển từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
 - f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;
 - g. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;
 - h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.
2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả cá thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho các thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
 3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai người.
 4. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát áp dụng theo Điều 125 luật Doanh nghiệp. Mức thù lao có thể cao hơn theo quyết định của Đại hội Đồng cổ đông. Thành viên của Ban kiểm soát sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 38. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong điều 24.3 và điều 36.2 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội Đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ giấy tờ này.
4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ Công ty miễn phí. Trường hợp Công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên Website đó.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 39. Công nhân viên và công đoàn

Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính

sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 40. Cổ tức

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do Công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty Chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.
6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phiếu phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phiếu phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

Điều 41. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 42. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty sẽ tiến hành các khoản thanh toán và giao dịch kế toán theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 43. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

Điều 44. Năm tài khoá

Năm tài khoá của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (giấy phép kinh doanh) đó.

Điều 45. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
4. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

(Được áp dụng khi Công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc theo những quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định pháp luật)

Điều 46. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại điều 48 của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một Công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các Công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.
3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.
4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được thông báo tới các cổ đông theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

Điều 47. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu hỗ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan Thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh Nghiệp.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 48. Kiểm toán

1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, Xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị không quá 2,5 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.
5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XVII. CON DẤU

Điều 49. Con dấu

Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 50. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty kể cả sau khi đã gia hạn.
 - b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - c. Giải thể trước thời hạn theo quy định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 51. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông

Trừ khi điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà án để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.
2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.
3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 52. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 53. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu tháng, sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
 - c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước.
 - d. Các khoản vay (nếu có).
 - e. Các khoản nợ khác của Công ty.
 - f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty; hoặc
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp.Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 45 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trọng tài thương mại hay Tòa án chỉ định một chuyên gia độc lập để tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng tám tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận. Bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.
3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 55. Bổ sung và sửa đổi điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 56. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm XXI chương, 57 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dầu khí An pha S.G nhất trí thông qua ngày 27 tháng 01 năm 2007 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a. 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
 - b. 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;
 - c. 04 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

Điều 57. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty

Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám Đốc.



Các thành viên sáng lập

NGUYỄN THỊ THU NGÀ

LÊ XUÂN HOÀNG

NGUYỄN HỒNG HIỆP

TRẦN VIỆT TIẾN

**PHỤ LỤC 01: DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP
CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ AN PHA S.G
(ĐÍNH KÈM ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI LẦN THỨ NHẤT 2007)**

No.	Họ và Tên CDSL	Ngày/tháng năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký HKTT	Số, ngày nói cấp CMND	Vốn góp					Thời điểm góp vốn	Chữ ký Cổ đông Sáng lập	
									Tổng số cổ phần		Loại cổ phần		Số hữu vốn			
									Số lượng cổ phần	Giá trị (triệu đ)	Sở	Phổ thông	Số CP			Giá trị (tr)
1	NGUYỄN THỊ THU NGÀ	11/1/1970	Nữ	VN	Kinh	74/13, Bàu Cát 1 P14, Tân Bình, HCM	74/13, Bàu Cát 1 P14, Tân Bình, HCM	023721011 10/4/1999 CA HCM	1.020.000	10.200	DD	1.020.000	10.200	L1 3/2004 L2 4-12/2004 L3 2/2007		
2	LÊ XUÂN HOÀNG	20/5/1975	Nam	VN	Kinh	806 A5, khu đô thị Đại Kim, Định Công Q Hoàng Mai Hà Nội	806 A5, khu đô thị Đại Kim, Định Công Q Hoàng Mai Hà Nội	012921015 8/9/2006 CA Hà Nội	797.660	7.976,6	DD	797.660	7.976,6	L1 3/2004 L2 4-12/2004 L3 2/2007		
3	NGUYỄN HỒNG HIỆP	10/4/1973	Nam	VN	Kinh	D10, P Quỳnh Lôi Q Hai Bà Trưng Hà Nội	D10, P Quỳnh Lôi Q Hai Bà Trưng Hà Nội	011667117 1/9/1999 CA Hà Nội	344.440	3.444,4	DD	344.440	3.444,4	L1 3/2004 L2 4-12/2004 L3 2/2007		
4	TRẦN VIỆT TIẾN	5/8/1973	Nam	VN	Kinh	1/6 Đường số 1 P5, Q Gò Vấp TP Hồ Chí Minh	1/6 Đường số 1 P5, Q Gò Vấp TP Hồ Chí Minh	023665036 10/10/2002 CA HCM	262.860	2.628,6	DD	262.860	2.628,6	L1 3/2004 L2 4-12/2004 L3 2/2007		

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÓ HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN
Số: 073265

Đăng ký lần đầu, ngày 25 tháng 10 năm 1999
Đăng ký thay đổi lần thứ: 10 ngày 24 tháng 05 năm 2007

1. Tên công ty: **CÔNG TY TNHH KHÍ ĐỐT GIA ĐÌNH**
Tên giao dịch: GIADINH LIQUID PETROLEUM GAS COMPANY LIMITED
Tên viết tắt: GIADINH LPG CO., LTD
2. Địa chỉ trụ sở chính: **Lô 14 Khu công nghiệp Sài Đồng B, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội**
Điện thoại: 8752674 Fax: 8752990
Email: Website:
3. Ngành, nghề kinh doanh:
- *Buôn bán khí đốt hoá lỏng;*
 - *Vật tư thiết bị phục vụ kinh doanh khí đốt hoá lỏng;*
 - *Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá;*
 - *Dịch vụ giao nhận hàng hoá;*
 - *Lắp đặt, bảo dưỡng hệ thống sử dụng Gas dân dụng và công trình công nghiệp;*
 - *Sản xuất chiết nạp đồng bình Gas.*
4. Vốn điều lệ: **10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng VN)**
5. Danh sách thành viên góp vốn:

Số TT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (đồng)	Phần vốn góp (%)
1	TRẦN MINH LOAN	74/13 Bàu Cát 1, phường 14, quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh	4.000.000.000	40
2	CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ AN PHA S.G. Đại diện: LÊ XUÂN HOÀNG	Phòng 2.5D & 2.6A tầng 2, toà nhà Etown, 364 Cộng Hoà, phường 13, quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh 806 A5 Khu đô thị Đại Kim, Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội	6.000.000.000	60

6. Người đại diện theo pháp luật của công ty:

Chức danh: *Chủ tịch Hội đồng Thành viên*

Họ và tên: **TRẦN MINH LOAN**

Giới tính: *(Nam)*

Sinh ngày: *30/10/1957* Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

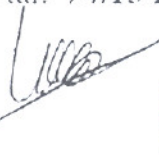
Chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số: *024016570*

Ngày cấp: *05/04/2002* Nơi cấp: *Công an TP Hồ Chí Minh*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *74/13 Bầu Cát 1, phường 14, quận Tân Bình TP Hồ Chí Minh*

Chỗ ở hiện tại: *74/13 Bầu Cát 1, phường 14, quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh*

Chữ ký:



7. Tên, địa chỉ chi nhánh:

8. Tên, địa chỉ văn phòng đại diện:

Trưởng phòng đăng ký kinh doanh:



CÔNG CHỨNG VIỆN

Lưu Trang Linh

Đặng Minh Tuấn

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CÔNG TY CỔ PHẦN
Số: 0103007373

Đăng ký lần đầu, ngày 11 tháng 04 năm 2005
Đăng ký thay đổi lần thứ: 3 ngày 17 tháng 05 năm 2007

1. Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ AN PHA
Tên giao dịch: ANPHA PETROL JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt: ANPHA PETROL JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3, tòa nhà Hà Nội Tower, số 49, phố Hai Bà Trưng,
Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố
Hà Nội

Điện thoại: 9364364

Fax: 9364366

Email:

Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh:

- Mua bán các loại khí hoá lỏng (gas), các sản phẩm có nguồn gốc từ dầu khí và phương tiện, vật tư, thiết bị ngành dầu khí;
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, dầu mỡ nhờn và các sản phẩm hoá dầu như: nhựa đường, hoá chất (trừ hoá chất Nhà nước cấm);
- Xuất nhập khẩu, mua bán phương tiện vận tải;
- Dịch vụ vận tải hàng hoá, vận chuyển các sản phẩm dầu khí trong nước, ngoài nước bằng đường bộ, đường thủy;
- Gia công đóng gói các sản phẩm dầu khí;
- Tư vấn, lắp đặt, bảo dưỡng các công trình ngành dầu khí (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Cho thuê kho bãi, phương tiện vận tải chuyên dụng ngành dầu khí đường bộ, đường thủy;
- Mua bán gỗ và sản xuất các sản phẩm từ gỗ, hàng gia dụng, máy móc thiết bị ngành công, nông, ngư nghiệp và xây dựng;
- Mua bán, sản xuất vật liệu xây dựng, xà phòng và chất tẩy rửa chế biến;
- Gia công, mua bán vải, hàng dệt may (trừ tẩy nhuộm);
- Xuất nhập khẩu, mua bán sắt, thép, vật tư thiết bị ngành hàng hải;
- Dịch vụ sửa chữa tàu thuyền và phá dỡ các loại tàu cũ;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

4. Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng VN)

5. Danh sách cổ đông sáng lập:

Số TT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số cổ phần
1	CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ AN PHA S.G Đại diện: TRẦN MINH LOAN	Số 11A, Tú Xương, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh Số 74/13 Bàu Cát 1, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	2.790.000
2	TRẦN MINH LOAN	Số 74/13 Bàu Cát 1, phường 14, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	200.000
3	TRẦN VIỆT HÙNG	P41- A3 tập thể Vĩnh Hồ, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, Hà Nội	10.000

6. Người đại diện theo pháp luật của công ty:

Chức danh: *Tổng Giám đốc*

Họ và tên: *TRẦN MINH LOAN*

Giới tính: *(Nam)*

Sinh ngày: *30/10/1957* Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số: *024016570*

Ngày cấp: *05/04/2002*

Nơi cấp: *Công an Tp Hồ Chí Minh*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 74/13 Bàu Cát 1, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh*

Chỗ ở hiện tại: *Số 74/13 Bàu Cát 1, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh*

Chữ ký:

7. Tên, địa chỉ chi nhánh: —

8. Tên, địa chỉ văn phòng đại diện: —

Chứng thực bản sao đúng với bản gốc. Trưởng phòng đăng ký kinh doanh

Số chứng thực 55 Quyền số... 01... SCT/BS

Ngày .. 07 .. tháng .. 01 .. năm .. 2008 ..



Đặng Minh Tuấn

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phòng Đăng ký Kinh doanh

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
CÓ HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Số : 4502000342

Đăng ký lần đầu, ngày 11 tháng 7 năm 2005

Đăng ký thay đổi lần thứ 1, ngày 20 tháng 4 năm 2007

**1. Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI L.P.G MINH THÔNG**

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt : MINH THÔNG GAZ JPGAZ

2. Địa chỉ trụ sở chính : Số Ô 2/34 ấp Trường Đức, xã Trường Đông, huyện Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh.

Điện thoại : 066.845455

Fax: 066.845495

3. Ngành, nghề kinh doanh :

➤ *Chiết nạp khí hoá lỏng (LPG).*

➤ *Mua bán : Bếp gas, bình gas.*

➤ *Kinh doanh vận tải. Vận chuyển hàng hoá, lắp ráp bếp ga công nghiệp, ga dân dụng.*

➤ *Dịch vụ du lịch.*

(DN chỉ hoạt động khi có đủ và đúng các điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật).

4. Vốn điều lệ : 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng VN)

5. Danh sách thành viên góp vốn:

Số TT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (DVT: VN đồng)	Phần Vốn Góp (%)	Số Giấy CMND/ Số giấy CN ĐKKD/ Số QĐ thành lập	Ghi Chú
1	CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ANPHA S.G	Phòng 2.5D và 2,6A tầng 2, tòa nhà Etown, 364 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	10.200.000.000	51	4103002232	Ông: Trần Minh Loan làm đại diện

2	DIỆP MINH THÔNG	Số 8/14 khu phố 3, thị trấn Hoà Thành, huyện Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh	9.800.000.000	49	290015653	
---	--------------------	---	---------------	----	-----------	--

6. Người đại diện theo pháp luật của công ty :

Chức danh : **Giám đốc công ty**

Họ và tên : **DIỆP MINH THÔNG** (Nam)

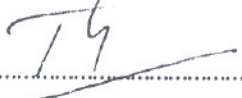
Sinh ngày: **15/5/1960** Dân tộc : **Kinh** Quốc tịch : **Việt Nam**

Chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) : **290015653**

Ngày cấp : **27/01/1999** Nơi cấp : **Công an Tây Ninh**

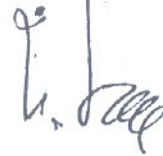
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú : **Số 8/14 khu phố 3, thị trấn Hoà Thành, huyện Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh**

Chỗ ở hiện tại: **Số 8/14 khu phố 3, thị trấn Hoà Thành, huyện Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh.**

Chữ ký : 

7. Tên, địa chỉ chi nhánh (Văn phòng đại diện):

TRƯỞNG PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH



ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TRƯỞNG BỐN
Chứng thực bản sao đúng với bản gốc
Số chứng thực /1452. Quyển số 01
Trưởng Đoàn, ngày 24 tháng 9 năm 2007

KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Quốc Tuấn

BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CÔNG TY CỔ PHẦN
Số : 40.03.000 132

Đăng ký lần đầu, ngày 26 tháng 06 năm 2007
Đăng ký thay đổi lần thứ: 01 ngày 25 tháng 10 năm 2007.

1. Tên công ty viết bằng tiếng Việt:

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ AN PHA - TÂY NGUYỄN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: *An Pha - Tay Nguyen Petrol Joint - Stock Company*

Tên công ty viết tắt: *An Pha – Tay Nguyen Petrol*

2. Địa chỉ trụ sở chính: *Thôn 8, xã Hòa Phú, thành phố Buôn ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.*

Điện thoại: (050) 686444

Fax: (050) 686444

Email: *anphataynguyen@yahoo.com*

Website: *www.anhapetrol.com*

3. Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành (theo phần ngành KTQD)
01	<i>Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng</i>	4933
02	<i>Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan</i>	4661
03	<i>Lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp</i>	3320
04	<i>Tồn trữ, chiết nạp khí hóa lỏng</i>	4661

(Doanh nghiệp chỉ được hoạt động khi đã thực hiện đầy đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)

4. Vốn điều lệ:

20.000.000.000 đồng

(Bằng chữ : Hai mươi tỷ đồng chẵn)

- Mệnh giá cổ phần: **10.000 đồng/CP**

- Số cổ phần và giá trị vốn cổ phần đã góp: **2.000.000 cổ phần**

Trị giá: 20.000.000.000 đồng (Bằng chữ : Hai mươi tỷ đồng chẵn)

5. Danh sách cổ đông sáng lập:

STT	Tên Cổ đông	Nơi đăng ký HKTT đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại CP	Số CP	Giá trị CP (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND/ Số GCN ĐKKD
01	Công ty CP đầu khí An Pha S.G	Phòng 2.5 D & 2.6A, tầng 2, tòa nhà Etown, 364 Cộng Hòa, P.13, Q. Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	CP Phổ thông	1.100.000	11.000	55	4103002232
02	Nguyễn Hoàng Bình	53 Nguyễn Văn Cừ, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	CP Phổ thông	150.000	1.500	7,5	241025034
03	Lê Văn Dũng	122 Nguyễn Văn Cừ, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	CP Phổ thông	50.000	500	2,5	240031938
04	Nguyễn Tiến Phụng	53 Nguyễn Văn Cừ, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	CP Phổ thông	700.000	7.000	35	240056793

6. Người đại diện theo pháp luật của công ty:

Chức danh: **Giám đốc**

Họ và tên: **LÊ VĂN DŨNG** (Nam)

Sinh ngày: **30/01/1960** Dân tộc: **Kinh** Quốc tịch: **Việt Nam**

Chứng minh nhân dân số: **240 031 938**

Ngày cấp: **03/8/2005** Nơi cấp: **Công an tỉnh Đắk Lắk**

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Số 122 Nguyễn Văn Cừ, phường Tân Lập, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk**

Chỗ ở hiện tại: **Số 122 Nguyễn Văn Cừ, phường Tân Lập, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk**

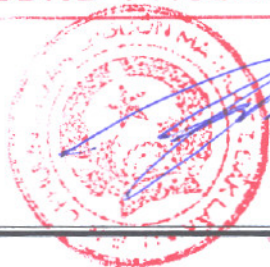
Chữ ký: _____

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

SỐ CHỨNG THỰC: 2305 QUYỀN SỐ 02 UBND/SCT/SGT

Ngày 12 tháng 11 năm 2011

UBND PHƯỜNG TỰ AN



PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Sơn

TRƯỞNG PHÒNG



Đinh Xuân Hà

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CÔNG TY CỔ PHẦN
Số : **4103002232****

*Đăng ký lần đầu, ngày 02 tháng 04 năm 2004
Đăng ký thay đổi lần thứ: 4, ngày 01 tháng 03 năm 2007*

1. Tên công ty viết bằng tiếng Việt:

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ

AN PHA S.G

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

**AN PHA S.G PETROL JOINT STOCK
COMPANY**

Tên công ty viết tắt:

AN PHA S.G PETROL J.S CO.

2. Địa chỉ trụ sở chính : *Phòng 2.5D & 2.6A Tầng 2, tòa nhà Etown, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình*

Điện thoại : **08 8127155/56**

Fax : **08 8127762**

3. Ngành, nghề kinh doanh : *Mua bán khí hóa lỏng, vật tư-thiết bị dầu khí. Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt. Kinh doanh vận tải. Kinh doanh vận tải sản phẩm dầu khí theo đường bộ, đường biển. Chiết nạp sản phẩm dầu khí (không chiết nạp tại trụ sở). Lắp đặt, bảo dưỡng các công trình ngành dầu khí. Cho thuê kho bãi, phương tiện vận tải chuyên dụng ngành dầu khí đường bộ, đường thủy. Mua bán gỗ, vật liệu xây dựng, máy móc-thiết bị ngành công-nông nghiệp và xây dựng (trừ kinh doanh máy in), hàng gia dụng. Gia công, mua bán vải, hàng dệt may (trừ tẩy nhuộm). Mua bán sắt thép, vật tư thiết bị hàng hải. Phá dỡ tàu cũ. Dịch vụ sửa chữa tàu thuyền (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện). Sản xuất vật liệu xây dựng-xà phòng và chất tẩy rửa-chế biến và sản xuất các sản phẩm từ gỗ (không sản xuất tại trụ sở). Mua bán phương tiện vận tải.].*

(Doanh nghiệp phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật)

4. Vốn điều lệ : **126,000,000,000 đ (Một trăm hai mươi sáu tỷ đồng).**

Trong đó: Hiện kim: 126,000,000,000 đồng

5. Vốn pháp định:

6. Danh sách cổ đông sáng lập:

Số TT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (nghìn đồng)	Tỷ lệ góp vốn (%)	Số Giấy chứng minh nhân dân
1	Nguyễn Thị Thu Nga	74/13 Bàu Cát 1, Phường 14, Quận Tân Bình	Cổ phần phổ thông	1,022,000	10,200,000	8.10	023721011
2	Lê Xuân Hoàng	806 A5, Khu đô thị Đại Kim, Định Công, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội	Cổ phần phổ thông	797,660	7,976,600	6.33	131286255
3	Nguyễn Hồng Hiệp	D10 Phường Quỳnh Lôi, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	Cổ phần phổ thông	344,440	3,444,400	2.73	011667117
4	Trần Việt Tiến	1/6 Đường số 1, Phường 5, Quận Gò Vấp	Cổ phần phổ thông	262,860	2,628,600	2.09	023665036

7. Người đại diện theo pháp luật của công ty:

Chức danh: **Tổng giám đốc**

Họ và tên : **TRẦN MINH LOAN**

(Nam)

Sinh ngày: **30/10/1957**

Dân tộc: **Kinh**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Số chứng minh nhân dân số : **024016570**

Ngày cấp : **05/04/2002** Nơi cấp : **CA TP. Hồ Chí Minh**

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú : **74/13 Bàu Cát 1, Phường 14, Quận Tân Bình**

Chỗ ở hiện tại : **74/13 Bàu Cát 1, Phường 14, Quận Tân Bình**

Chữ ký:

Chúng thực bản sao
đúng với bản chính

Trưởng phòng đăng ký kinh doanh

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Phó Trưởng Phòng

Số chứng thực Quyển số .. SCTM:

Ngày **02-11-07** tháng năm 200.....

Phó Chủ tịch UBND Phường 14 Q. Tân Bình

Lê Thanh Bình

Nguyễn Phan Bảo Khuyên

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÓ HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN
Số : **071431**

Đăng ký lần đầu, ngày 14 tháng 04 năm 1999
Đăng ký thay đổi lần thứ: 11, ngày 05 tháng 11 năm 2007

1. Tên công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ -
THƯƠNG MẠI GIA ĐÌNH**

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: **GIADINH TRADING CO., LTD**

2. Địa chỉ trụ sở chính : **Khu phố 4 Lã Xuân Oai, Phường Tăng Nhơn Phú A,
Quận 9**

3. Ngành, nghề kinh doanh : *Mua bán : vỏ bình gas, phụ tùng, máy móc, thiết bị, vật tư, hóa chất, vỏ bồn chứa gas, bếp gas, gas. Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo hành và bảo trì máy móc, thiết bị do công ty bán ra. Đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa. Vận tải hàng hóa đường bộ sử dụng xe vận tải chuyên dùng để chở gas (lpg). Chiết nạp gas (LPG). Mua bán, sản xuất sơn và dầu nhờn. Tồn trữ và cho thuê kho tồn trữ khí đốt hóa lỏng (LPG) (không hoạt động tại trụ sở). Đại lý kinh doanh xăng, dầu./.*

(doanh nghiệp phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật)

4. Vốn điều lệ : **20.000.000.000 đ (Hai mươi tỷ đồng).**

Trong đó: Hiện kim: 20.000.000.000 đồng

5. Vốn pháp định: /

6. Danh sách thành viên góp vốn:

Số TT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (nghìn đồng)	Phần vốn góp (%)	Số Giấy chứng minh nhân dân (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác)/ Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Số Quyết định thành lập
1	Công ty cổ phần dầu khí An pha S.G - Đại diện: Trần Minh Loan	74/13 Bàu Cát 1, phường 14, quận Tân Bình	19.800.000	99,00	024016570

2	Nguyễn Thị Thu Nga	74/13 Bàu Cát 1, phường 14, quận Tân Bình	100.000	0,50	023721011
3	Trương Hữu Phước	1591 Phạm Thế Hiển, phường 6, quận 8	100.000	0,50	300940293

7. Người đại diện theo pháp luật của công ty:

Chức danh: *Giám đốc*

Họ và tên : **TRƯƠNG HỮU PHƯỚC** (Nam)

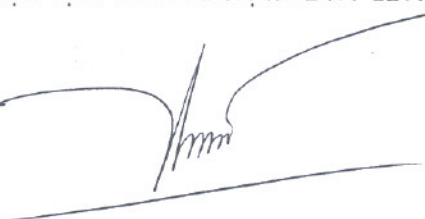
Sinh ngày: *1977* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Chứng minh nhân dân số : *300940293*

Ngày cấp : *21/07/1995* Nơi cấp : *CA tỉnh Long An*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú : *1591 Phạm Thế Hiển, phường 6, quận 8*

Chỗ ở hiện tại : *1591 Phạm Thế Hiển, phường 6, quận 8*

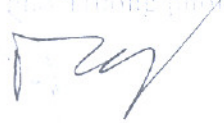
Chữ ký: 

8. Tên, địa chỉ chi nhánh :

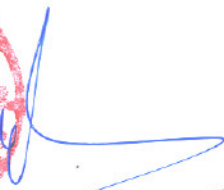
- Xí nghiệp Gas GĐ

Địa chỉ Khu 4 Lã Xuân Oai, , Phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9

 **Trưởng phòng đăng ký kinh doanh**
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



Trương Hữu Phước

Chứng thực bản sao
đúng với bản chính,
Số chứng thực *2112* Quyền số *1*.....SCT/BS
Ngày *14* tháng *11* năm 2007
PHÓ CHỦ TỊCH UBND P. LINH TÂY



Nguyễn Thị Hồng Dung

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH SƠN LA
PHÒNG ĐĂNG KÝ KD&ĐMDN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số: **24.03.000129**

Đăng ký lần đầu, ngày 06 tháng 4 năm 2007.

1. Tên Công ty viết bằng tiếng Việt:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THỦY ĐIỆN ANPHA

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ANPHA HYDRO ELECTRIC INVESTMENT
JOINT STOCK COMPANY

Tên Công ty viết tắt: ANPHA - EL,JSC.

2. Địa chỉ trụ sở chính: *Số 214, đường Tô Hiệu, tổ 6, phường Tô Hiệu, thị xã
Sơn La, tỉnh Sơn La.*

3. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
01	<i>Sản xuất, kinh doanh điện năng;</i>	3510
02	<i>Sản xuất vật liệu xây dựng;</i>	0180
03	<i>Xây dựng các công trình trung, hạ áp và trạm biến áp đến 35 Kv;</i>	4321
04	<i>Xuất nhập khẩu, kinh doanh thiết bị công nghiệp điện, điện tử;</i>	-
05	<i>Xây dựng công trình dân dụng;</i>	4100
06	<i>Xây dựng công trình giao thông;</i>	4210
07	<i>Xây dựng công trình thủy lợi;</i>	4290
08	<i>Xây dựng công trình công nghiệp;</i>	-
09	<i>Xây dựng công trình thủy điện;</i>	4290
10	<i>Dịch vụ thương mại.</i>	-

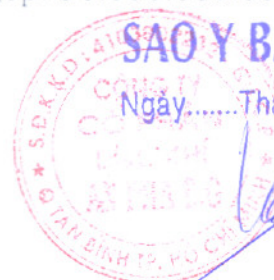
4. Vốn điều lệ: **150.000.000.000 đồng** (Một trăm năm mươi tỷ đồng chẵn).

- Mệnh giá cổ phần: 10.000đ

- Số cổ phần đã góp: 3.000.000; Giá trị cổ phần đã góp: 30.000.000.000đ

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày.....Tháng.....Năm.....



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Minh Loan

5. Danh sách cổ đông sáng lập:

Số TT-Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức.	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (Tr.đồng)	Tỷ lệ góp vốn (%)	Số CMND đối với cá nhân; Số Giấy CNĐKKD đối với tổ chức.
1. Công ty Cổ phần Dầu khí Anpha S.G	Phòng 2.5D & 2.6A tầng 2, tòa nhà Etown, 364 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh.	Phổ thông	1.650.000	16.500	55	41.03.002232
2. Ông: Vũ Ngọc An	Số 8B, tổ 26A, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.	Phổ thông	840.000	8.400	28	012282443
3. Công ty Cổ phần Kinh doanh hàng công nghiệp Nam Định	Số 298 Trần Hưng Đạo, Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.	Phổ thông	300.000	3.000	10	07.03.000019
4. Ông: Doãn Thanh Mịch	Tổ 37, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.	Phổ thông	210.000	2.100	7	011784834

6. Người đại diện theo pháp luật của Công ty:

Chức danh: **Tổng giám đốc**

Họ và tên: **LÊ XUÂN HOÀNG** - Nam

Sinh ngày: **20/5/1975** - Dân tộc: **Kinh** - Quốc tịch: **Việt Nam**

Chứng minh nhân dân số: **012921015**

Ngày cấp: **08/9/2006** - Nơi cấp: **Công an thành phố Hà Nội**

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Phòng 806 A5 Phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.**

Chỗ ở hiện tại: **Phòng 806 A5 Khu đô thị Đại Kim, Phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.**

Chữ ký:

CHỨNG NHÂN BẢN SAO NÀY ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
TRƯỞNG PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH
 Số: **212** . Quyền . **01** VÀ ĐỔI MỚI DOANH NGHIỆP
 Ngày: **17** . tháng . **4** . . năm **2007**



PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 1 TỈNH SƠN LA
CÔNG CHỨNG VIỆN

Võ Văn Nguộn

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ AN PHA S.G
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2005

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha S.G (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2005.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha S.G được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002232 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 4 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 15 tháng 9 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 23 tháng 11 năm 2004.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 11A, Tú Xương, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu là 15.000.000.000 đồng. Trong suốt quá trình hoạt động vốn điều lệ được bổ sung thêm và đến ngày 31/12/2005, tổng số vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 11 năm 2004 là 30.000.000.000 đồng.

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Mua bán khí hoá lỏng, vật tư thiết bị dầu khí;
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt;
- Kinh doanh vận tải; Kinh doanh vận tải sản phẩm dầu khí theo đường bộ, đường biển;
- Chiết nạp các sản phẩm dầu khí;
- Lắp đặt và bảo dưỡng các công trình ngành dầu khí;
- Cho thuê kho bãi, phương tiện vận tải chuyên dụng ngành dầu khí đường bộ, đường thủy;
- Mua bán gỗ, vật liệu xây dựng, máy móc - thiết bị ngành công – nông nghiệp và xây dựng (trừ kinh doanh máy in), hàng gia dụng;
- Gia công, mua bán vải, hàng dệt may (trừ tẩy nhuộm);
- Mua bán sắt thép, vật tư thiết bị hàng hải;
- Phá dỡ tàu cũ, dịch vụ sửa chữa tàu thuyền;
- Sản xuất vật liệu xây dựng – xà phòng và chất tẩy rửa - chế biến và sản xuất các sản phẩm từ gỗ (không sản xuất tại trụ sở).

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2005 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 5 đến trang 22 kèm theo.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc tại ngày 31/12/2005.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm hoạt động và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Bà Nguyễn Thị Thu Nga	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Lê Xuân Hoàng	Thành viên
Ông Trần Hà	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Minh Loan	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2005 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Minh Loan

Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 01 năm 2007

Số. /VAE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2005 của Công ty Cổ phần Dầu khí Anpha S.G

Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha S.G

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2005 cùng với báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha S.G (gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính kèm theo được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 02 và trang 03, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Báo cáo tài chính năm 2004 của Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha S.G đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam

Số liệu của Công ty Cổ phần Dầu khí Anpha dùng để hợp nhất báo cáo tài chính được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2005 của Công ty Cổ phần Dầu khí Anpha đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2005 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 06 bản bằng tiếng Việt, Công ty Cổ phần Dầu khí Anpha S.G giữ 04 bản, Công ty Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 02 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Trần Quốc Tuấn
Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0148/KTV
Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (VAE)
Hà nội, ngày 29 tháng 01 năm 2007

Nguyễn Thị Hồng Vân
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0822/KTV

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31/12/2005

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2005	31/12/2004
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+130+140+150)	100		34.597.764.603	18.000.095.423
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	1.950.424.352	1.590.129.215
1. Tiền	111		1.950.424.352	1.590.129.215
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu	130	4.2	28.624.008.028	15.192.816.619
1. Phải thu khách hàng	131		24.627.504.263	11.364.759.255
2. Trả trước cho người bán	132		3.572.112.617	3.595.192.873
5. Các khoản phải thu khác	138		424.391.148	232.864.491
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
III- Hàng tồn kho	140		1.201.341.694	5.611.000
1. Hàng tồn kho	141	4.3	1.201.341.694	5.611.000
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
IV- Tài sản ngắn hạn khác	150		2.821.990.529	1.211.538.589
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.4	257.262.921	47.662.970
2. Các khoản thuế phải thu	152	4.5	2.564.727.608	1.163.875.619
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		47.383.306.786	32.460.231.233
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II- Tài sản cố định	220		36.847.230.072	26.074.553.963
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	36.453.577.640	15.777.431.565
- Nguyên giá	222		41.135.203.249	16.849.864.538
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.681.625.609)	(1.072.432.973)
3. Tài sản cố định vô hình	227		18.022.268	-
- Nguyên giá	228		19.082.400	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.060.132)	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.7	375.630.164	10.297.122.398
III- Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
V- Tài sản dài hạn khác	260		10.536.076.714	6.385.677.270
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.9	10.536.076.714	6.385.677.270
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		81.981.071.389	50.460.326.656

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 21 tháng 12 năm 2005

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2005	31/12/2004
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+320)	300		40.335.445.056	25.317.568.187
I- Nợ ngắn hạn	310		19.840.445.056	25.317.568.187
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	4.10	11.945.171.644	14.300.000.000
2. Phải trả người bán	312		5.988.602.335	10.473.707.905
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4.11	1.529.620.972	371.400.730
5. Phải trả người lao động	315		35.384.866	167.179.672
6. Chi phí phải trả	316		6.865.440	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.12	334.799.799	5.279.880
II- Nợ dài hạn	320		20.495.000.000	-
4. Vay và nợ dài hạn	324	4.13	20.495.000.000	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		35.531.662.421	25.142.758.469
I- Vốn chủ sở hữu	410		35.531.662.421	25.142.758.469
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	4.14	30.000.000.000	24.279.634.693
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.531.662.421	863.123.776
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	421		-	-
C- LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500		6.113.963.912	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300+400+500)	440		81.981.071.389	50.460.326.656

TP Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 01 năm 2007

Kế toán trưởng



Vũ Văn Thắng

Tổng Giám đốc



Trần Minh Loan

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính
Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2005

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2005	Từ 02/4/2004 đến 31/12/2004
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		165.790.741.978	75.576.311.656
2 Các khoản giảm trừ	03		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	4.15	165.790.741.978	75.576.311.656
4 Giá vốn hàng bán	11	4.16	155.409.767.907	72.649.969.557
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp	20		10.380.974.071	2.926.342.099
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.17	137.635.598	31.773.579
7 Chi phí tài chính	22	4.18	1.630.358.505	440.922.104
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.550.317.491	-
8 Chi phí bán hàng	24		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	4.19	2.892.375.242	1.262.227.218
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.995.875.922	1.254.966.356
11 Thu nhập khác	31	4.20	31.500.000	-
12 Chi phí khác	32	4.20	-	-
13 Lợi nhuận khác	40		31.500.000	-
15 Tổng lợi nhuận kê toán trước thuế	60		6.027.375.922	1.254.966.356
15 Thuế thu nhập doanh nghiệp	61	4.21	1.299.973.365	374.742.580
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh	70		4.727.402.557	880.223.776
18 Lợi ích của Cổ đông thiểu số	71	4.22	16.464.912	-
19 Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông của Công ty mẹ	72		4.710.937.645	-

TP Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 01 năm 2007

Kế toán trưởng



Vũ Văn Thắng

Tổng Giám đốc



Trần Minh Loan

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2005	Từ 02/4/2004 đến 31/12/2004
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	153.537.798.432	61.519.839.728
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(152.811.626.566)	(64.386.588.312)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(3.632.279.222)	(843.962.076)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(1.514.357.491)	(430.705.542)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(592.477.648)	(7.110.480)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.813.914.853	3.430.667.342
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(5.043.436.592)	(2.239.751.932)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(6.242.464.234)	(2.957.611.272)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(62.439.473.712)	(33.531.894.206)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	39.580.103.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(13.900.000.000)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	41.593.132	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(36.717.777.580)	(33.531.894.206)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	32.803.037.427	23.779.634.693
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(7.082.672.120)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	91.620.016.689	28.397.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(74.019.845.045)	(14.097.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	43.320.536.951	38.079.634.693
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	360.295.137	1.590.129.215
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.590.129.215	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.950.424.352	1.590.129.215

TP Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 01 năm 2007

Kế toán trưởng



Vũ Văn Thắng

Tổng Giám đốc



Trần Minh Loan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha S.G được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002232 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 4 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 15 tháng 9 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 23 tháng 11 năm 2004.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 11A, Tú Xương, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu là 15.000.000.000 đồng. Trong suốt quá trình hoạt động vốn điều lệ được bổ sung thêm và đến ngày 31/12/2005, tổng số vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 11 năm 2004 là 30.000.000.000 đồng.

Các công ty con

Công ty đang đầu tư vốn vào Cổ phần Dầu khí An Pha.

Địa chỉ: phòng 307, Hà Nội Tower, 49 Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội;

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 69,5%;

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 69,5%.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:.

- Mua bán khí hoá lỏng, vật tư thiết bị dầu khí;
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt;
- Kinh doanh vận tải; Kinh doanh vận tải sản phẩm dầu khí theo đường bộ, đường biển;
- Chiết nạp các sản phẩm dầu khí;
- Lắp đặt và bảo dưỡng các công trình ngành dầu khí;
- Cho thuê kho bãi, phương tiện vận tải chuyên dụng ngành dầu khí đường bộ, đường thủy;
- Mua bán gỗ, vật liệu xây dựng, máy móc - thiết bị ngành công – nông nghiệp và xây dựng (trừ kinh doanh máy in), hàng gia dụng;
- Gia công, mua bán vải, hàng dệt may (trừ tẩy nhuộm);
- Mua bán sắt thép, vật tư thiết bị hàng hải;
- Phá dỡ tàu cũ, dịch vụ sửa chữa tàu thuyền;
- Sản xuất vật liệu xây dựng – xà phòng và chất tẩy rửa - chế biến và sản xuất các sản phẩm từ gỗ (không sản xuất tại trụ sở).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam, và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính/ Kỳ kế toán năm

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Áp dụng các Chuẩn mực kế toán mới

Trong năm 2005, lần đầu tiên Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (“VAS”), cụ thể như sau:

VAS 17	Thuế thu nhập doanh nghiệp
VAS 23	Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán
VAS 29	Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót.

Việc áp dụng các Chuẩn mực Kế toán mới này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính kỳ này và kỳ kế toán trước của Công ty.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem Thuyết minh số 3.22) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời gian đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được: Là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm sử dụng (năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	5 - 12
Thiết bị văn phòng	3 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Tài sản khác	3 - 12

3.4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

3.5 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm:

Chi phí sửa chữa lớn các tàu được ước tính phân bổ trong khoảng thời gian là 05 năm.

Tiền mua gas để đẩy khí Nitơ trong bồn gas được ước tính phân bổ trong 3 năm.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê 15.000 m2 đất đã trả trước cho Công ty TNHH Liên doanh TNHH Phát triển Đình Vũ. Tiền thuê đất được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất là 44 năm.

3.6 Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hay sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Lãi tiền vay phát sinh từ các khoản vay khác được hạch toán vào Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thông báo lãi của Ngân hàng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.8 Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

3.9 Thuế

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty mẹ được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi 20% đối với hoạt động kinh doanh vận tải biển trong 10 năm kể từ năm 2005 (năm thứ 2 sau năm bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh), được miễn thuế TNDN trong 02 năm kể từ năm 2005 và được miễn giảm 50% số thuế phải nộp trong 03 năm kể từ năm 2007 theo điểm 5, Mục II, Danh mục A ban hành kèm Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp và Công văn trả lời về ưu đãi thuế TNDN đối với vận tải đường biển số 11491/BTC-CST ngày 13/9/2005 của Vụ chính sách chế độ thuế - Bộ tài chính.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty mẹ căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2005	31/12/2004
	VND	VND
Tiền mặt	31.930.607	651.440.738
Tiền gửi ngân hàng	1.918.493.745	938.688.477
- Ngân hàng Công thương Việt Nam-CN Tân	100.145.632	29.809.257
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Tân	46.893.016	279.832.056
- Ngân hàng MSB thành phố Hồ Chí Minh	1.667.320.659	629.047.164
- Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam CN Hải Phòng	1.406.707	-
- Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam-CN Tân	1.334.042	-
- Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - CN Hà	100.380.279	-
- Ngân hàng Kỹ thương Việt Nam-CN Hoàn	1.013.410	-
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	1.950.424.352	1.590.129.215

4.2 Các khoản phải thu ngắn hạn

	31/12/2005	31/12/2004
	VND	VND
Phải thu khách hàng	24.627.504.263	11.364.759.255
Trả trước cho người bán	3.572.112.617	3.595.192.873
Phải thu khác	424.391.148	232.864.491
- Tạm ứng	336.069.123	117.547.134
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	70.004.800	100.000.000
+ Ký quỹ NH NN&PTNT mở BL thanh toán	-	100.000.000
+ Ký quỹ thuê văn phòng tại Etown	54.511.000	-
+ Ký quỹ thuê văn phòng tại Tower Hà Nội	15.493.800	-
- Các khoản phải thu khác	18.317.225	15.317.357
Cộng	28.624.008.028	15.192.816.619

4.3 Hàng tồn kho

	31/12/2005	31/12/2004
	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	504.414.620	-
- Dầu tồn trên tàu Neptune	88.214.500	-
- Dầu tồn trên tàu Việt An	416.200.120	-
Hàng hoá	696.927.074	5.611.000
- Gỗ các loại	696.927.074	5.611.000
Cộng giá gốc hàng tồn kho:	1.201.341.694	5.611.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN,
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

4.4 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2005	31/12/2004
	VND	VND
Phí bảo hiểm tàu Neptune	61.413.516	21.779.986
Phí bảo hiểm tàu Việt An	47.038.658	25.882.984
Bảo hiểm xe du lịch	11.126.360	-
Bảo hiểm xe Camry 2.4G	5.494.545	
Tiền thuê kho của Công ty TNHH Trần Hồng Quân	132.189.842	
Cộng	257.262.921	47.662.970

4.5 Các khoản thuế phải thu

	31/12/2005	31/12/2004
	VND	VND
Thuế GTGT được khấu trừ	2.564.727.608	1.163.875.619
Cộng	2.564.727.608	1.163.875.619

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp)

4.6 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	<i>Đơn vị tính: đồng.</i> Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2005	-	-	16.780.715.768	69.148.770	16.849.864.538
Tăng trong kỳ	5.608.157.372	16.560.144.973	1.750.966.727	366.069.639	24.285.338.711
Đầu tư XDCB hoàn thành	5.608.157.372	16.560.144.973	1.750.966.727	366.069.639	24.285.338.711
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2005	5.608.157.372	16.560.144.973	18.531.682.495	435.218.409	41.135.203.249
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2005	-	-	1.063.415.284	9.017.689	1.072.432.973
Tăng trong kỳ	236.340.108	665.587.727	2.597.991.574	109.273.227	3.609.192.636
Khấu hao trong kỳ	236.340.108	665.587.727	2.597.991.574	109.273.227	3.609.192.636
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2005	236.340.108	665.587.727	3.661.406.858	118.290.916	4.681.625.609
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2005	-	-	15.717.300.484	60.131.081	15.777.431.565
Tại 31/12/2005	5.371.817.264	15.894.557.246	14.870.275.637	316.927.493	36.453.577.640

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại thời điểm 31/12/2005 là: 36.136.650.147 đồng bao gồm giá trị còn lại của kho Đình Vũ, tàu biển Việt An và tàu Neptune.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp)

4.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm kế toán đang được sử dụng tại Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha. Tài sản này có nguyên giá là 19.082.400 đồng, khấu hao lũy kế đến thời điểm 31/12/2005 là: 1.060.132 đồng.

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2005	31/12/2004
	VND	VND
Chi phí quản lý kho Đình Vũ	254.219.182	2.570.100
Xây dựng Bồn gas 554m ³ - 275 tấn	58.459.718	2.574.890.666
Xây dựng kho gas Đình Vũ	52.139.016	1.096.586.214
Cộng	375.630.164	10.297.122.398

4.9 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2005	31/12/2004
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	6.385.677.270	-
Tăng trong kỳ	4.794.563.305	6.385.677.270
Giảm trong kỳ	644.163.861	-
<i>Đã kết chuyển vào CP SXKD trong kỳ</i>	<i>644.163.861</i>	-
Số dư cuối kỳ	10.536.076.714	6.385.677.270
Chi tiết số dư cuối kỳ		
Tiền thuê đất kho Đình Vũ	8.434.930.909	6.385.677.270
Chi phí sửa chữa lớn tàu Neptune	737.872.407	-
Chi phí sửa chữa lớn tàu Việt An	1.113.465.678	-
Chi phí mua gas để đẩy khí Nitơ trong Bồn gas	249.807.720	-

4.10 Vay ngắn hạn

	31/12/2005	31/12/2004
	VND	VND
Tổ chức tín dụng	11.945.171.644	14.300.000.000
Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Tân Bình	9.400.000.000	8.000.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - CN TP. Hồ Chí Minh	2.545.171.644	6.300.000.000
Cá nhân	-	-
Cộng	11.945.171.644	14.300.000.000

Các khoản vay của Công ty được đảm bảo bằng các tàu vận tải của Công ty có giá trị trên sổ sách kế toán tại thời điểm 31/12/2005 là 13.924.648.800 đồng (tàu Neptune và tàu Việt An). Công ty không có khoản vay nào quá hạn hoặc phải xin gia hạn thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp)

4.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2005	31/12/2004
	VND	VND
Thuế phải nộp nhà nước	1.526.440.342	367.632.100
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa	7.875.121	-
Thuế hàng nhập khẩu	446.237.404	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.072.327.817	367.632.100
Các khoản phải nộp khác	3.180.630	3.768.630
Các khoản phải nộp khác	3.180.630	3.768.630
Cộng	1.529.620.972	371.400.730

4.12 Phải trả phải nộp khác

	31/12/2005	31/12/2004
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	5.896.960	-
Bảo hiểm xã hội	27.614.200	5.279.880
Bảo hiểm y tế	4.178.310	-
Cho cá nhân - Ông Phước vay vốn	292.672.120	-
Thuế thu nhập cá nhân	4.430.569	-
Các khoản phải trả phải nộp khác	7.640	-
Cộng	334.799.799	5.279.880

4.13 Vay dài hạn

	31/12/2005	31/12/2004
	VND	VND
Tổ chức tín dụng	20.495.000.000	-
Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - CN Hải Phòng (*)	20.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP DN ngoài quốc doanh VN (**)	495.000.000	-
Cá nhân	-	-
Cộng	20.495.000.000	-

(*): Vay để đầu tư mua sắm "Kho gas Đình Vũ - Hải Phòng" theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 242/2005/HĐ ngày 29/9/2005. Thời hạn vay kể từ ngày nhận món vay đầu tiên là 54 tháng. Lãi suất áp dụng cho 06 tháng đầu tính từ ngày ký hợp đồng tín dụng là 10,8%/năm, các kỳ tiếp theo điều chỉnh theo lãi suất; lãi suất 6 tháng bắt đầu từ ngày 30/3/2006 đến 29/9/2006 là 0,95%, 6 tháng tiếp theo Ngân hàng tự điều chỉnh lãi suất theo mặt bằng lãi suất tại thời điểm. Toàn bộ giá trị của Dự án để làm tài sản đảm bảo nợ vay.

(*): Vay để đầu tư mua xe Camry 2.4G theo Hợp đồng tín dụng trung hạn ngày 10/8/2005. Thời hạn vay và trả nợ là 48 tháng kể từ ngày nhận khoản nợ đầu tiên. Mức lãi suất cho vay thả nổi, định kỳ thay đổi lãi suất mỗi năm 1 lần, tính từ ngày vay. Lãi suất vay năm đầu tiên 1,02%/tháng (tính trên 30 ngày/tháng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp)

4.14 Vốn chủ sở hữu

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 23/11/2004		Vốn đã góp			
			Tại 31/12/2005		Tại 31/12/2004	
	(VND)	%	(VND)	%	(VND)	%
Cổ đông sáng lập	12.150.000.000	40,50	17.250.000.000	57,50	11.287.279.033	46,49
Bà Nguyễn Thị Thu Nga	6.000.000.000	20,00	6.000.000.000	20,00	4.100.000.000	16,89
Ông Trần Hà	3.000.000.000	10,00	4.000.000.000	13,33	2.915.000.000	12,01
Ông Trần Việt Tiến	1.050.000.000	3,50	1.450.000.000	4,83	1.422.279.033	5,86
Ông Lê Xuân Hoàng	1.050.000.000	3,50	3.900.000.000	13,00	1.400.000.000	5,77
Ông Nguyễn Hồng Hiệp	1.050.000.000	3,50	1.900.000.000	6,33	1.450.000.000	5,97
Cổ đông phổ thông	17.850.000.000	59,50	12.750.000.000	42,50	12.992.355.660	53,51
Cộng	30.000.000.000	100,00	30.000.000.000	100,00	24.279.634.693	100,00

4.15 Doanh thu

	Năm 2005	Từ 02/4/2004 đến 31/12/2004
	VND	VND
Doanh thu kinh doanh gas	117.848.837.166	62.781.648.809
Doanh thu kinh doanh vải, gỗ, khác	6.455.670.130	2.467.819.306
Doanh thu hoạt động kinh doanh hàng hoá khác	4.584.827.518	2.265.264.000
Doanh thu kinh doanh tàu Neptune	14.116.988.997	1.086.072.726
Doanh thu kinh doanh tàu Việt An	16.914.563.940	6.333.037.664
Doanh thu cho thuê kho	4.426.890.688	642.469.151
Doanh thu kinh doanh tàu đi thuê	1.254.768.062	-
Doanh thu thu phí giám định hàng	18.622.660	-
Doanh thu thu phí hàng qua cầu cảng	169.572.817	-
Cộng	165.790.741.978	75.576.311.656

4.16 Giá vốn hàng bán

	Năm 2005	Từ 02/4/2004 đến 31/12/2004
	VND	VND
Giá vốn kinh doanh gas	117.228.962.438	62.514.128.486
Giá vốn kinh doanh vải, gỗ, khác	6.325.123.997	2.380.021.506
Giá vốn hoạt động kinh doanh hàng hoá khác	4.268.891.311	2.314.528.995
Giá vốn kinh doanh tàu Neptune	10.880.356.102	518.920.776
Giá vốn kinh doanh tàu Việt An	11.733.212.110	4.492.290.298
Giá vốn cho thuê kho	3.710.040.084	430.079.496
Giá vốn kinh doanh tàu đi thuê	1.263.181.865	-
Cộng	155.409.767.907	72.649.969.557

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp)

4.17 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2005	Từ 02/4/2004
	VND	đến 31/12/2004
		VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, trái phiếu	41.593.132	16.919.174
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	83.370.444	2.239.757
Chiết khấu thanh toán hỗ trợ	12.672.022	12.614.648
Cộng	137.635.598	31.773.579

4.18 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2005	Từ 02/4/2004
	VND	đến 31/12/2004
		VND
Lãi tiền vay	1.550.317.491	430.705.542
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	80.041.014	10.216.562
Cộng	1.630.358.505	440.922.104

4.19 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2005	Từ 02/4/2004
	VND	đến 31/12/2004
		VND
Chi phí nhân viên quản lý	808.434.060	362.553.026
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	169.344.319	25.049.454
Chi phí CCDC quản lý	106.378.611	92.565.814
Chi phí khấu hao tài sản cố định	330.440.874	62.679.773
Chi phí về phí, lệ phí	17.564.700	14.043.177
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	498.594.705	265.359.558
Chi phí tiếp khách, hội nghị	90.126.952	124.514.233
Chi phí khác bằng tiền	261.977.709	232.062.183
Tiền phạt, chi phí không có hoá đơn	609.513.312	83.400.000
Cộng	2.892.375.242	1.262.227.218

4.20 Thu nhập khác - Chi phí khác

	Năm 2005	Từ 02/4/2004
	VND	đến 31/12/2004
		VND
Thu nhập khác	31.500.000	-
Tiền khách hàng hỗ trợ, thưởng	31.500.000	-
Chi phí khác	-	-
Tổng	31.500.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp)

4.21 Thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2005	Từ 02/4/2004 đến 31/12/2004
	VND	VND
CÔNG TY MẸ		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.957.132.265	1.254.966.356
Các khoản tăng thu nhập chịu thuế (*)	609.513.312	83.400.000
Các khoản giảm thu nhập chịu thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế	12.566.645.577	1.338.366.356
Hoạt động kinh doanh miễn thuế (**)	8.020.388.169	-
Thuế suất	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	1.604.077.634	-
Hoạt động kinh doanh chịu thuế	4.546.257.408	1.338.366.356
Thuế suất	28%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.272.952.075	374.742.580
CÔNG TY CON		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	81.004.607	-
Các khoản tăng thu nhập chịu thuế (*)	15.500.000	-
Các khoản giảm thu nhập chịu thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế	96.504.607	-
Thuế suất	28%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	27.021.290	-
Tổng thuế thu nhập phải nộp	1.299.973.365	374.742.580

(*): Chi phí không hợp lý hợp lệ cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm các khoản phạt và chi phí không có chứng từ hợp lệ theo quy định.

(**): Công ty mẹ được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi 20% đối với hoạt động kinh doanh vận tải biển trong 10 năm kể từ năm 2005 (năm thứ 2 sau năm bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh), được miễn thuế TNDN trong 02 năm kể từ năm 2005 và được miễn giảm 50% số thuế phải nộp trong 03 năm kể từ năm 2007 theo điểm 5, Mục II, Danh mục A ban hành kèm Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp và Công văn trả lời về ưu đãi thuế TNDN đối với vận tải đường biển số 11491/BTC-CST ngày 13/9/2005 của Vụ chính sách chế độ thuế - Bộ Tài chính.

Tổng lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2005 của Công ty mẹ là: 10.684.180.190 đồng, trong đó bao gồm cả phần lợi nhuận gộp từ hoạt động chuyển nhượng tài sản từ Công ty mẹ sang Công ty con là 6.218.028.569 đồng, phần lợi nhuận này được bù trừ khi thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp)

4.22 Lợi ích cổ đông thiểu số

	Năm 2005	T? 02/4/2004
	VND	đ?n 31/12/2004
	VND	VND
V?n góp c?a c? đông thi?u s?	6.100.000.000	
T? l? v?n góp c?a c? đông thi?u s?	30,50%	-
L?i nhu?n sau thu? c?a công ty con trong năm	53.983.317	-
T?m trích qu? khen thur?ng phúc l?i	82.000.000	-
L?i ích c?a c? đông thi?u s?	13.963.912	
Các kho?n đi?u ch?nh tăng	-	-
- Do gi?m tr? kh?u hao tài s?n chuy?n như?ng	-	
Các kho?n đi?u ch?nh gi?m	-	-
T?ng	6.113.963.912	-

5. THÔNG TIN KHÁC

5.1 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2004 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam – CPA Việt Nam. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước đã được phân loại lại để phù hợp với số liệu năm nay.

5.2 Số dư bằng không

Các chỉ tiêu không được trình bày trên Bảng cân đối kế toán có số dư bằng không, các chỉ tiêu có số liệu được giữ nguyên số thứ tự và mã số.

TP Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 01 năm 2007

Kế toán trưởng



Vũ Văn Thắng

Tổng Giám đốc



Trần Minh Loan

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ AN PHA S.G

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2005

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 20

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha S.G (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2005.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha S.G được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002232 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 4 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 15 tháng 9 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 23 tháng 11 năm 2004.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 11A, Tú Xương, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu là 15.000.000.000 đồng. Trong quá trình hoạt động vốn điều lệ được bổ sung thêm và đến ngày 31/12/2005, tổng số vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 11 năm 2004 là 30.000.000.000 đồng.

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Mua bán khí hoá lỏng, vật tư thiết bị dầu khí;
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt;
- Kinh doanh vận tải; Kinh doanh vận tải sản phẩm dầu khí theo đường bộ, đường biển;
- Chiết nạp các sản phẩm dầu khí;
- Lắp đặt và bảo dưỡng các công trình ngành dầu khí;
- Cho thuê kho bãi, phương tiện vận tải chuyên dụng ngành dầu khí đường bộ, đường thủy;
- Mua bán gỗ, vật liệu xây dựng, máy móc - thiết bị ngành công – nông nghiệp và xây dựng (trừ kinh doanh máy in), hàng gia dụng;
- Gia công, mua bán vải, hàng dệt may (trừ tẩy nhuộm);
- Mua bán sắt thép, vật tư thiết bị hàng hải;
- Phá dỡ tàu cũ, dịch vụ sửa chữa tàu thuyền;
- Sản xuất vật liệu xây dựng - xà phòng và chất tẩy rửa - chế biến và sản xuất các sản phẩm từ gỗ (không sản xuất tại trụ sở).

Trong năm 2005, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là mua bán và vận chuyển gas, cho thuê kho gas, cho thuê tàu biển, kinh doanh tàu biển, kinh doanh gỗ và quần áo,...

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2005 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trên Báo cáo tài chính từ trang 5 đến trang 20 kèm theo.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2005.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm hoạt động và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Bà Nguyễn Thị Thu Nga	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Lê Xuân Hoàng	Thành viên
Ông Trần Hà	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Minh Loan	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính của kỳ hoạt động, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Trần Minh Loan

Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2007

Số. /VAE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2005 của Công ty Cổ phần Dầu khí Anpha S.G

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha S.G**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2005 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha S.G (gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính kèm theo được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 02 và trang 03, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Báo cáo tài chính năm 2004 của Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha S.G đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2005 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 06 bản bằng tiếng Việt, Công ty Cổ phần Dầu khí Anpha S.G giữ 04 bản, Công ty Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 02 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Trần Quốc Tuấn
Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0148/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (VAE)

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2007

Nguyễn Thị Hồng Vân

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0822/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2005

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2005	31/12/2004
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+130+140+150)	100		31.582.646.280	18.000.095.423
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	1.823.789.914	1.590.129.215
1. Tiền	111		1.823.789.914	1.590.129.215
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Phải thu ngắn hạn	130	4.2	28.437.936.138	15.192.816.619
1. Phải thu khách hàng	131		24.555.198.951	11.364.759.255
2. Trả trước cho người bán	132		3.572.112.617	3.595.192.873
5. Các khoản phải thu khác	138		310.624.570	232.864.491
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
III- Hàng tồn kho	140		1.201.341.694	5.611.000
1. Hàng tồn kho	141	4.3	1.201.341.694	5.611.000
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
IV- Tài sản ngắn hạn khác	150		119.578.534	1.211.538.589
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.4	119.578.534	47.662.970
2. Các khoản thuế phải thu	152	4.5	-	1.163.875.619
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		30.021.221.187	32.460.231.233
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II- Tài sản cố định	220		14.269.883.102	26.074.553.963
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	14.004.851.672	15.777.431.565
- Nguyên giá	222		17.630.802.038	16.849.864.538
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.625.950.366)	(1.072.432.973)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.7	265.031.430	10.297.122.398
III- Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		13.900.000.000	-
1. Đầu tư vào công ty con	251	4.8	13.900.000.000	-
V- Tài sản dài hạn khác	260		1.851.338.085	6.385.677.270
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.9	1.851.338.085	6.385.677.270
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		61.603.867.467	50.460.326.656

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 21 tháng 12 năm 2005

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2005	31/12/2004
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+320)	300		20.093.263.501	25.317.568.187
I- Nợ ngắn hạn	310		20.093.263.501	25.317.568.187
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	4.10	11.945.171.644	14.300.000.000
2. Phải trả người bán	312		5.625.134.100	10.473.707.905
3. Người mua trả tiền trước	313		700.000.000	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4.11	1.505.079.760	371.400.730
5. Phải trả người lao động	315		(12.706.452)	167.179.672
6. Chi phí phải trả	316		6.865.440	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.12	323.719.009	5.279.880
II- Nợ dài hạn	330		-	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		41.510.603.966	25.142.758.469
I- Vốn chủ sở hữu	410		41.510.603.966	25.142.758.469
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	4.13	30.000.000.000	24.279.634.693
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		11.510.603.966	863.123.776
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	421		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300+400)	430		61.603.867.467	50.460.326.656

TP Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2007

Kế toán trưởng



Vũ Văn Thắng

Tổng Giám đốc



Trần Minh Loan

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2005

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2005	Từ 02/4/2004 đến 31/12/2004
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch	01		199.923.380.985	75.576.311.656
2 Các khoản giảm trừ	03		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	4.14	199.923.380.985	75.576.311.656
4 Giá vốn hàng bán	11	4.15	184.006.675.140	72.649.969.557
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.916.705.845	2.926.342.099
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.16	135.774.302	31.773.579
7 Chi phí tài chính	22	4.17	1.610.124.255	440.922.104
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.530.083.241	430.705.542
8 Chi phí bán hàng	24		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	4.17	2.516.723.627	1.262.227.218
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.925.632.265	1.254.966.356
11 Thu nhập khác	31	4.18	31.500.000	-
12 Chi phí khác	32	4.19	-	-
13 Lợi nhuận khác	40		31.500.000	-
14 Tổng lợi nhuận kê toán trước thuế	50		11.957.132.265	1.254.966.356
15 Thuế thu nhập doanh nghiệp	51	4.20	1.272.952.075	374.742.580
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.684.180.190	880.223.776

TP Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2007

Kế toán trưởng



Vũ Văn Thắng

Tổng Giám đốc



Trần Minh Loan

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

Mẫu số B 03 - DN

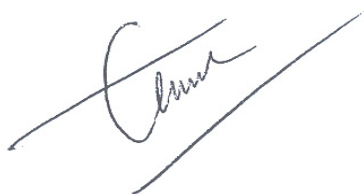
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2005	Từ 02/4/2004 đến 31/12/2004
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	151.009.516.212	61.519.839.728
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(149.004.399.749)	(64.386.588.312)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(3.632.279.222)	(843.962.076)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(1.494.123.241)	(430.705.542)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(592.477.648)	(7.110.480)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.807.903.853	3.430.667.342
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(5.043.227.124)	(2.239.751.932)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(4.949.086.919)	(2.957.611.272)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(23.902.624.169)	(33.531.894.206)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	39.580.103.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(13.900.000.000)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	39.731.836	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.817.210.667	(33.531.894.206)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	12.803.037.427	23.779.634.693
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(7.082.672.120)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	71.620.016.689	28.397.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(73.974.845.045)	(14.097.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	3.365.536.951	38.079.634.693
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	233.660.699	1.590.129.215
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.590.129.215	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.823.789.914	1.590.129.215

TP Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2007

Kế toán trưởng



Vũ Văn Thắng

Tổng Giám đốc



Trần Minh Loan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha S.G được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002232 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 4 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 15 tháng 9 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 23 tháng 11 năm 2004.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 11A, Tú Xương, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu là 15.000.000.000 đồng. Trong quá trình hoạt động vốn điều lệ được bổ sung thêm và đến ngày 31/12/2005, tổng số vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 11 năm 2004 là 30.000.000.000 đồng, được chia thành 600 cổ phần (mỗi cổ phần có mệnh giá là 50.000.000 đồng) và được sở hữu bởi các cổ đông pháp nhân và thể nhân sau đây:

	<u>Số cổ phần</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>
1. Bà Nguyễn Thị Thu Nga	120	20
2. Ông Trần Hà	60	10
3. Ông Trần Việt Tiến	21	3,5
4. Ông Lê Xuân Hoàng	21	3,5
5. Ông Nguyễn Hồng Hiệp	21	3,5
6. Các cổ đông khác	357	59,5

1.2 HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Mua bán khí hoá lỏng, vật tư thiết bị dầu khí;
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt
- Kinh doanh vận tải; Kinh doanh vận tải sản phẩm dầu khí theo đường bộ, đường biển;
- Chiết nạp các sản phẩm dầu khí;
- Lắp đặt và bảo dưỡng các công trình ngành dầu khí;
- Cho thuê kho bãi, phương tiện vận tải chuyên dụng ngành dầu khí đường bộ, đường thủy;
- Mua bán gỗ, vật liệu xây dựng, máy móc - thiết bị ngành công – nông nghiệp và xây dựng (trừ kinh doanh máy in), hàng gia dụng;
- Gia công, mua bán vải, hàng dệt may (trừ tẩy nhuộm);
- Mua bán sắt thép, vật tư thiết bị hàng hải;
- Phá dỡ tàu cũ, dịch vụ sửa chữa tàu thuyền;
- Sản xuất vật liệu xây dựng – xà phòng và chất tẩy rửa - chế biến và sản xuất các sản phẩm từ gỗ (không sản xuất tại trụ sở).

Trong năm 2005, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là mua bán và vận chuyển gas, cho thuê kho gas, cho thuê tàu biển, kinh doanh tàu biển, kinh doanh gỗ và quần áo,...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam, và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính/ Kỳ kế toán năm

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Áp dụng các Chuẩn mực kế toán mới

Trong năm 2005, lần đầu tiên Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (“VAS”), cụ thể như sau:.

VAS 17	Thuế thu nhập doanh nghiệp
VAS 23	Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán
VAS 29	Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót.

Việc áp dụng các Chuẩn mực Kế toán mới này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính kỳ này và kỳ kế toán trước của Công ty.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời gian đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được: Là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

3.3 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm sử dụng (năm)
Thiết bị văn phòng	3 – 10
Phương tiện vận tải	6 – 10

3.4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

3.5 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là các chi phí sửa chữa lớn các tàu của Công ty được ước tính phân bổ trong khoảng thời gian là 05 năm. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê ghi trong hợp đồng.

3.6 Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hay sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Lãi tiền vay phát sinh từ các khoản vay khác được hạch toán vào Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Đầu tư vào các công ty con

Các khoản góp vốn vào các công ty con là các khoản vốn góp chiếm tỷ lệ 50% trở lên trong tổng số vốn điều lệ của công ty con. Công ty mẹ có quyền chi phối các công ty con về các hoạt động của Công ty con. Phần vốn góp của Công ty vào các công ty con được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ.

Các khoản lợi nhuận nhận được từ hoạt động của các công ty con sẽ được ghi nhận vào Báo cáo riêng của Công ty mẹ khi có quyết định chính thức của Hội đồng Quản trị các công ty con về việc phân chia lợi nhuận.

3.8 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thông báo lãi của Ngân hàng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.9 Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

3.10 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi 20% đối với hoạt động kinh doanh vận tải biển trong 10 năm kể từ năm 2005 (năm thứ 2 sau năm bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh), được miễn thuế TNDN trong 02 năm kể từ năm 2005 và được miễn giảm 50% số thuế phải nộp trong 03 năm kể từ năm 2007 theo điểm 5, Mục II, Danh mục A ban hành kèm Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp và Công văn trả lời về ưu đãi thuế TNDN đối với vận tải đường biển số 11491/BTC-CST ngày 13/9/2005 của Vụ chính sách chế độ thuế - Bộ Tài chính..

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2005	31/12/2004
	VND	VND
Tiền mặt	9.430.607	651.440.738
Tiền gửi ngân hàng	1.814.359.307	938.688.477
- Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam-CN Tân	100.145.632	29.809.257
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam-CN Tân Bình	46.893.016	279.832.056
- Ngân hàng MSB thành phố Hồ Chí Minh	1.667.320.659	629.047.164
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	1.823.789.914	1.590.129.215

4.2 Các khoản phải thu ngắn hạn

	31/12/2005	31/12/2004
	VND	VND
Phải thu khách hàng	24.555.198.951	11.364.759.255
Trả trước cho người bán	3.572.112.617	3.595.192.873
Phải thu khác	310.624.570	232.864.491
<i>Tạm ứng</i>	<i>222.324.144</i>	<i>117.547.134</i>
<i>Ký quỹ, ký cược ngắn hạn</i>	<i>70.004.800</i>	<i>100.000.000</i>
- Ký quỹ NH NN&PTNT mở BL thanh toán	-	100.000.000
- Ký quỹ thuê văn phòng tại Etown	54.511.000	-
- Ký quỹ thuê văn phòng tại Tower Hà Nội	15.493.800	-
<i>Phải thu khác</i>	<i>18.295.626</i>	<i>15.317.357</i>
- Tiền thuế GTGT kê khai tháng 1/2005	-	1.132.927
- Bảo hiểm Dầu khí (tồn thất 1 bồn gas)	-	14.184.430
- Phải thu khác	18.295.626	-
Cộng	28.437.936.138	15.192.816.619

4.3 Hàng tồn kho

	31/12/2005	31/12/2004
	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	504.414.620	-
- Dầu tồn trên tàu Neptune	88.214.500	-
- Dầu tồn trên tàu Việt An	416.200.120	-
Hàng hoá	696.927.074	5.611.000
- Gỗ các loại	696.927.074	5.611.000
- Quần áo các loại	-	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho:	1.201.341.694	5.611.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp)

4.4 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2005 VND	31/12/2004 VND
Phí bảo hiểm tàu Neptune	61.413.516	21.779.986
Phí bảo hiểm tàu Việt An	47.038.658	25.882.984
Bảo hiểm xe du lịch	11.126.360	-
Cộng	119.578.534	47.662.970

4.5 Các khoản thuế phải thu

	31/12/2005 VND	31/12/2004 VND
Thuế GTGT được khấu trừ	-	1.163.875.619
Cộng	-	1.163.875.619

4.6 Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: đồng. Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2005	16.780.715.768	69.148.770	16.849.864.538
Tăng trong năm	746.892.000	34.045.500	780.937.500
Mua trong năm	746.892.000	34.045.500	780.937.500
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2005	17.527.607.768	103.194.270	17.630.802.038
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2005	1.063.415.284	9.017.689	1.072.432.973
Tăng trong năm	2.521.543.684	31.973.709	2.553.517.393
Khấu hao trong năm	2.521.543.684	31.973.709	2.553.517.393
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2005	3.584.958.968	40.991.398	3.625.950.366
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2005	15.717.300.484	60.131.081	15.777.431.565
Tại 31/12/2005	13.942.648.800	62.202.872	14.004.851.672

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp)

4.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2005	31/12/2004
	VND	VND
Mua container 40"	-	26.190.476
Mua tàu gas Việt Phong	-	3.972.379.213
Chi phí quản lý kho Hải Phòng	254.219.182	2.570.100
Mua 03 bồn gas 115 tấn (253m3) - kho Đình Vũ	-	2.574.890.666
Mua 01 bồn gas 295 tấn (495m3) - kho Đình Vũ	-	1.096.586.214
Hạng mục xây lắp kho gas Đình Vũ	-	1.383.816.098
Trạm biến áp & HT điện 250KVA kho Đình Vũ	-	110.893.636
Trạm bơm gas + PCCC + ống - kho Đình Vũ	-	1.064.352.185
Xây dựng kho gas Long An	-	65.443.810
Mua 01 bồn gas 275 tấn (554m3) - kho Đình Vũ	10.812.248	-
Cộng	265.031.430	10.297.122.398

4.8 Đầu tư vào công ty con

	31/12/2005	31/12/2004
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha	13.900.000.000	-
Cộng	13.900.000.000	-

Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha là Công ty con của Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha S.G;

Địa chỉ: phòng 307, Hà Nội Tower, 49 Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội;

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 69,5%;

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 69,5%.

4.9 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2005	31/12/2004
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	6.385.677.270	-
Tăng trong kỳ	4.388.855.585	6.385.677.270
Giảm trong kỳ	8.923.194.770	-
<i>Đã kết chuyển vào CP SXKD trong kỳ</i>	<i>8.923.194.770</i>	<i>-</i>
Số dư cuối kỳ	1.851.338.085	6.385.677.270
Chi tiết số dư cuối kỳ		
Tiền thuê đất kho Đình Vũ	-	6.385.677.270
Chi phí sửa chữa lớn tàu Neptune	737.872.407	-
Chi phí sửa chữa lớn tàu Việt An	1.113.465.678	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp)

4.10 Vay ngắn hạn

	31/12/2005	31/12/2004
	VND	VND
Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Tân Bình	9.400.000.000	8.000.000.000
Ngân hàng MSB thành phố Hồ Chí Minh	2.545.171.644	6.300.000.000
Cộng	11.945.171.644	14.300.000.000

Các khoản vay của Công ty được đảm bảo bằng các tàu vận tải của Công ty có giá trị trên sổ sách kế toán tại thời điểm 31/12/2005 là 13.924.648.800 đồng (tàu Neptune và tàu Việt An). Công ty không có khoản vay nào quá hạn hoặc phải xin gia hạn thanh toán.

4.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2005	31/12/2004
	VND	VND
Thuế phải nộp nhà nước	1.502.219.052	367.632.100
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa	7.875.121	-
Thuế hàng nhập khẩu	446.237.404	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.048.106.527	367.632.100
Các khoản phải nộp khác	2.860.708	3.768.630
Các khoản phải nộp khác	2.860.708	3.768.630
Cộng	1.505.079.760	371.400.730

4.12 Phải trả phải nộp khác

	31/12/2005	31/12/2004
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	4.576.960	-
Bảo hiểm xã hội	19.133.200	5.279.880
Bảo hiểm y tế	2.906.160	-
Cho cá nhân - Ông Phước vay vốn	292.672.120	-
Thuế thu nhập cá nhân	4.430.569	-
Cộng	323.719.009	5.279.880

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp)

4.13 Vốn chủ sở hữu

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 23/11/2004		Vốn đã góp			
			Tại 31/12/2005		Tại 31/12/2004	
	(VND)	%	(VND)	%	(VND)	%
Cổ đông sáng lập	12.150.000.000	40,50	17.250.000.000	57,50	11.287.279.033	46,49
Bà Nguyễn Thị Thu Nga	6.000.000.000	20,00	6.000.000.000	20,00	4.100.000.000	16,89
Ông Trần Hà	3.000.000.000	10,00	4.000.000.000	13,33	2.915.000.000	12,01
Ông Trần Việt Tiến	1.050.000.000	3,50	1.450.000.000	4,83	1.422.279.033	5,86
Ông Lê Xuân Hoàng	1.050.000.000	3,50	3.900.000.000	13,00	1.400.000.000	5,77
Ông Nguyễn Hồng Hiệp	1.050.000.000	3,50	1.900.000.000	6,33	1.450.000.000	5,97
Cổ đông phổ thông	17.850.000.000	59,50	12.750.000.000	42,50	12.992.355.660	53,51
Cộng	30.000.000.000	100,00	30.000.000.000	100,00	24.279.634.693	100,00

4.14 Doanh thu

	Năm 2005	Từ 02/4/2004 đến 31/12/2004
	VND	VND
Doanh thu kinh doanh gas	117.848.837.166	62.781.648.809
Doanh thu kinh doanh vải, gỗ, khác	6.455.670.130	2.467.819.306
Doanh thu kinh doanh hàng hoá khác	-	2.265.264.000
Doanh thu hoạt động chuyển nhượng tài sản	41.959.674.502	-
Doanh thu kinh doanh tàu Neptune	14.116.988.997	1.086.072.726
Doanh thu kinh doanh tàu Việt An	16.914.563.940	6.333.037.664
Doanh thu cho thuê kho	1.372.878.188	642.469.151
Doanh thu kinh doanh tàu đi thuê	1.254.768.062	-
Cộng	199.923.380.985	75.576.311.656

4.15 Giá vốn hàng bán

	Năm 2005	Từ 02/4/2004 đến 31/12/2004
	VND	VND
Giá vốn kinh doanh gas	117.228.962.438	62.514.128.486
Giá vốn kinh doanh vải, gỗ, khác	6.325.123.997	2.380.021.506
Giá vốn kinh doanh hàng hoá khác	-	2.314.528.995
Giá vốn hoạt động chuyển nhượng tài sản	35.425.709.726	-
Giá vốn kinh doanh tàu Neptune	10.880.356.102	518.920.776
Giá vốn kinh doanh tàu Việt An	11.733.212.110	4.492.290.298
Giá vốn cho thuê kho	1.150.128.902	430.079.496
Giá vốn kinh doanh tàu đi thuê	1.263.181.865	-
Cộng	184.006.675.140	72.649.969.557

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp)

4.16 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2005	Từ 02/4/2004 đến 31/12/2004
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, trái phiếu	39.731.836	16.919.174
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	83.370.444	2.239.757
Chiết khấu thanh toán hỗ trợ	12.672.022	12.614.648
Cộng	135.774.302	31.773.579

4.17 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2005	Từ 02/4/2004 đến 31/12/2004
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.530.083.241	430.705.542
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	80.041.014	10.216.562
Cộng	1.610.124.255	440.922.104

4.18 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2005	Từ 02/4/2004 đến 31/12/2004
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	737.298.075	362.553.026
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	118.507.490	25.049.454
Chi phí CCDC quản lý	106.378.611	92.565.814
Chi phí khấu hao tài sản cố định	279.653.749	62.679.773
Chi phí về phí, lệ phí	7.627.700	14.043.177
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	366.209.923	265.359.558
Chi phí tiếp khách, hội nghị	90.126.952	124.514.233
Chi phí khác bằng tiền	201.407.815	232.062.183
Tiền phạt, chi phí không có hoá đơn	609.513.312	83.400.000
Cộng	2.516.723.627	1.262.227.218

4.19 Thu nhập khác - Chi phí khác

	Năm 2005	Từ 02/4/2004 đến 31/12/2004
	VND	VND
Thu nhập khác	31.500.000	-
Tiền khách hàng hỗ trợ, thưởng	31.500.000	-
Chi phí khác	-	-
Tổng	31.500.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp)

4.20 Thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2005	Từ 02/4/2004 đến 31/12/2004
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.957.132.265	1.254.966.356
Các khoản tăng thu nhập chịu thuế (*)	609.513.312	83.400.000
Các khoản giảm thu nhập chịu thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế	12.566.645.577	1.338.366.356
Hoạt động kinh doanh miễn thuế (**)	8.020.388.169	-
Thuế suất	20%	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	1.604.077.634	-
Hoạt động kinh doanh chịu thuế	4.546.257.408	1.338.366.356
Thuế suất	28%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.272.952.075	374.742.580

(*): Chi phí không hợp lý hợp lệ cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm các khoản phạt và chi phí không có chứng từ hợp lệ theo quy định.

(**): Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi 20% đối với hoạt động kinh doanh vận tải biển trong 10 năm kể từ năm 2005 (năm thứ 2 sau năm bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh), được miễn thuế TNDN trong 02 năm kể từ năm 2005 và được miễn giảm 50% số thuế phải nộp trong 03 năm kể từ năm 2007 theo điểm 5, Mục II, Danh mục A ban hành kèm Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp và Công văn trả lời về ưu đãi thuế TNDN đối với vận tải đường biển số 11491/BTC-CST ngày 13/9/2005 của Vụ Chính sách chế độ thuế - Bộ Tài chính.

Tổng lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2005 của Công ty mẹ là: 10.684.180.190 đồng, trong đó bao gồm cả phần lợi nhuận gộp từ hoạt động chuyển nhượng tài sản từ Công ty mẹ sang Công ty con là 6.218.028.569 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. THÔNG TIN KHÁC

5.1 Thông tin các bên liên quan

	Năm 2005 VND	Từ 02/4/2004 đến 31/12/2004 VND
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha	37.374.846.984	-
- Bán Kho gas Đình Vũ	28.432.708.355	-
- Chuyển nhượng chi phí thuê khu đất 15.000 m2 tại KCN Đình Vũ	8.536.430.909	-
- Bán gas phục vụ việc đẩy khí gas trong các bồn	405.707.720	-
Cộng	37.374.846.984	
Giá vốn		
Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha	31.156.818.415	-
- Giá vốn bán Kho gas Đình Vũ	22.214.679.786	-
- Chuyển nhượng chi phí thuê khu đất 15.000 m2 tại KCN Đình Vũ	8.536.430.909	-
- Giá vốn bán gas phục vụ việc đẩy khí gas trong các bồn	405.707.720	-
Cộng	31.156.818.415	
Số dư với các bên liên quan	31/12/2005 VND	31/12/2004 VND
Người mua trả tiền trước		
Công ty CP Dầu khí An Pha	700.000.000	-
Cộng	700.000.000	-

5.2 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2004 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam – CPA Việt Nam. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước đã được phân loại lại để phù hợp với số liệu năm nay.

TP Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm
2007

Kế toán trưởng



Vũ Văn Thắng

Tổng Giám đốc



Trần Minh Loan

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ AN PHA S.G

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số 11A, Tú Xương, phường 7, quận 3, TP Hồ Chí Minh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2005

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ AN PHA S.G

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

TP Hồ Chí Minh - Tháng 01 năm 2007

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha S.G (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2006.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha S.G được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002232 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 4 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 15 tháng 9 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 23 tháng 11 năm 2004.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 11A, Tú Xương, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu là 15.000.000.000 đồng. Trong suốt quá trình hoạt động vốn điều lệ được bổ sung thêm và đến ngày 31/12/2005, tổng số vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 11 năm 2004 là 30.000.000.000 đồng.

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Mua bán khí hoá lỏng, vật tư thiết bị dầu khí;
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt;
- Kinh doanh vận tải; Kinh doanh vận tải sản phẩm dầu khí theo đường bộ, đường biển;
- Chiết nạp các sản phẩm dầu khí;
- Lắp đặt và bảo dưỡng các công trình ngành dầu khí;
- Cho thuê kho bãi, phương tiện vận tải chuyên dụng ngành dầu khí đường bộ, đường thủy;
- Mua bán gỗ, vật liệu xây dựng, máy móc - thiết bị ngành công – nông nghiệp và xây dựng (trừ kinh doanh máy in), hàng gia dụng;
- Gia công, mua bán vải, hàng dệt may (trừ tẩy nhuộm);
- Mua bán sắt thép, vật tư thiết bị hàng hải;
- Phá dỡ tàu cũ, dịch vụ sửa chữa tàu thuyền;
- Sản xuất vật liệu xây dựng – xà phòng và chất tẩy rửa - chế biến và sản xuất các sản phẩm từ gỗ (không sản xuất tại trụ sở).

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 5 đến trang 22 kèm theo.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc tại ngày 31/12/2006.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm hoạt động và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Bà Nguyễn Thị Thu Nga	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Lê Xuân Hoàng	Thành viên
Ông Trần Hà	Thành viên
Ông Vũ Hồng Minh	Thành viên
Ông Vũ Đại Bách	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Minh Loan	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ hoạt động, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Minh Loan
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2007

Số. /VAE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2006 của công ty Cổ phần Dầu khí Anpha S.G

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha S.G**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 cùng với báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha S.G (gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính kèm theo được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 02 và trang 03, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Số liệu của Công ty Cổ phần Dầu khí Anpha dùng để hợp nhất Báo cáo tài chính được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2006 của Công ty Cổ phần Dầu khí Anpha đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 06 bản bằng tiếng Việt, Công ty Cổ phần Dầu khí Anhpha S.G giữ 04 bản, Công ty Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 02 bản. Các bản có giá trị pháp lý như sau.



Trần Quốc Tuấn

Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0148/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (VAE)

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2007

Nguyễn Thị Hồng Vân

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0822/KTV

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31/12/2006

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2006	31/12/2005
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+130+140+150)	100		69.274.241.194	34.597.764.603
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	9.086.994.087	1.950.424.352
1. Tiền	111		9.086.994.087	1.950.424.352
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		13.228.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	4.2	13.228.000.000	-
III- Phải thu ngắn hạn	130	4.3	43.867.314.747	28.217.934.105
1. Phải thu khách hàng	131		41.042.654.808	24.627.504.263
2. Trả trước cho người bán	132		1.662.730.781	3.572.112.617
5. Các khoản phải thu khác	138		1.161.929.158	18.317.225
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
III- Hàng tồn kho	140		1.257.408.324	1.201.341.694
1. Hàng tồn kho	141	4.4	1.257.408.324	1.201.341.694
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
IV- Tài sản ngắn hạn khác	150		1.834.524.036	3.228.064.452
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.5	164.522.314	257.262.921
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		729.707.316	2.564.727.608
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	4.6	534.268.336	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		406.026.070	406.073.923
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260+270)	200		61.234.967.241	47.383.306.786
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II- Tài sản cố định	220		48.747.817.749	36.847.230.072
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	48.736.156.273	36.453.577.640
- Nguyên giá	222		59.719.313.894	41.135.203.249
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.983.157.621)	(4.681.625.609)
3. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	11.661.476	18.022.268
- Nguyên giá	228		19.082.400	19.082.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.420.924)	(1.060.132)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.7	-	375.630.164
III- Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
V Lợi thế thương mại	260		-	-
VI- Tài sản dài hạn khác	270		12.487.149.492	10.536.076.714
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	4.10	12.487.149.492	10.536.076.714
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100+200)	280		130.509.208.435	81.981.071.389

Các Thuyết minh từ trang 9 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính.

Mẫu số B 01 - DN

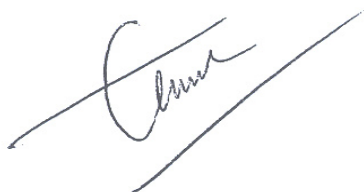
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2006	31/12/2005
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+320)	300		86.414.096.914	40.335.445.056
I- Nợ ngắn hạn	310		76.033.041.423	19.833.579.616
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	4.11	38.484.002.018	11.945.171.644
2. Phải trả người bán	312		31.776.135.613	5.988.602.335
3. Người mua trả tiền trước	313		3.797.748.547	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4.12	1.332.943.936	1.529.620.972
5. Phải trả người lao động	315		547.055.433	35.384.866
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.13	95.155.876	334.799.799
II- Nợ dài hạn	330		10.381.055.491	20.501.865.440
4. Vay và nợ dài hạn	334	4.14	10.359.992.161	20.495.000.000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		21.063.330	6.865.440
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		32.875.076.882	35.531.662.421
I- Vốn chủ sở hữu	410		32.875.076.882	35.531.662.421
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	4.15	30.000.000.000	30.000.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.875.076.882	5.531.662.421
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	421		-	-
C- LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500		11.220.034.639	6.113.963.912
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		130.509.208.435	81.981.071.389

TP Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2007

Kế toán trưởng



Vũ Văn Thắng

Tổng Giám đốc



Trần Minh Loan

Các Thuyết minh từ trang 9 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính.

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2006

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2006	Năm 2005
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		346.871.609.619	165.790.741.978
2 Các khoản giảm trừ	03		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	4.16	346.871.609.619	165.790.741.978
4 Giá vốn hàng bán	11	4.17	335.461.560.458	155.409.767.907
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.410.049.161	10.380.974.071
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.18	1.173.867.916	137.635.598
7 Chi phí tài chính	22	4.19	6.336.963.424	1.630.358.505
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>23</i>		<i>5.556.528.169</i>	<i>1.550.317.491</i>
8 Chi phí bán hàng	24	4.20	292.982.165	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	4.21	3.344.863.396	2.892.375.242
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.609.108.092	5.995.875.922
11 Thu nhập khác	31	4.22	436.363.636	31.500.000
12 Chi phí khác	32	4.22	333.333.344	-
13 Lợi nhuận khác	40		103.030.292	31.500.000
14 Phần lợi nhuận trong Công ty liên kết, liên doanh	50		-	-
15 Tổng lợi nhuận kê toán trước thuế	60		2.712.138.384	6.027.375.922
15 Thuế thu nhập doanh nghiệp	61	4.23	116.498.088	1.299.973.365
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		2.595.640.296	4.727.402.557
18 Lợi ích của Cổ đông thiểu số	71	4.24	103.569.727	16.464.912
19 Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông của Công ty mẹ	72		2.492.070.569	4.710.937.645
20 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	73		831	1.570

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính trên trên mệnh giá 10.000 đồng/1 cổ phiếu.

TP Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2007

Kế toán trưởng



Vũ Văn Thắng

Tổng Giám đốc



Trần Minh Loan

Các Thuyết minh từ trang 9 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính.

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2006	Năm 2005
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	402.641.999.164	153.537.798.432
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(336.739.299.741)	(152.811.626.566)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(5.617.006.889)	(3.632.279.222)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(6.361.012.241)	(1.514.357.491)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.645.094.863)	(592.477.648)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	11.192.933.757	3.813.914.853
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(26.882.343.662)	(5.043.436.592)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	36.590.175.525	(6.242.464.234)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn	21	(20.722.361.416)	(62.439.473.712)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn	22	480.000.000	39.580.103.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(16.146.373.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.918.373.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(5.000.000.000)	(13.900.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.431.727.699	41.593.132
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(37.038.633.717)	(36.717.777.580)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	11.428.000.000	32.803.037.427
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(11.428.000.000)	(7.082.672.120)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	173.614.384.352	91.620.016.689
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(157.210.561.817)	(74.019.845.045)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.818.794.608)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	7.585.027.927	43.320.536.951
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	7.136.569.735	360.295.137
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.950.424.352	1.590.129.215
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	9.086.994.087	1.950.424.352

TP Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2007

Kế toán trưởng



Vũ Văn Thắng

Tổng Giám đốc



Trần Minh Loan

Các Thuyết minh từ trang 9 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha S.G được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002232 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 4 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 15 tháng 9 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 23 tháng 11 năm 2004.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 11A, Tú Xương, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu là 15.000.000.000 đồng. Trong suốt quá trình hoạt động vốn điều lệ được bổ sung thêm và đến ngày 31/12/2005, tổng số vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 11 năm 2004 là 30.000.000.000 đồng.

Các công ty con

Công ty đang đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha.

Địa chỉ: phòng 307, Hà Nội Tower, 49 Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội;

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 63 %;

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 63 %.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:.

- Mua bán khí hoá lỏng, vật tư thiết bị dầu khí;
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt;
- Kinh doanh vận tải; Kinh doanh vận tải sản phẩm dầu khí theo đường bộ, đường biển;
- Chiết nạp các sản phẩm dầu khí;
- Lắp đặt và bảo dưỡng các công trình ngành dầu khí;
- Cho thuê kho bãi, phương tiện vận tải chuyên dụng ngành dầu khí đường bộ, đường thủy;
- Mua bán gỗ, vật liệu xây dựng, máy móc - thiết bị ngành công – nông nghiệp và xây dựng (trừ kinh doanh máy in), hàng gia dụng;
- Gia công, mua bán vải, hàng dệt may (trừ tẩy nhuộm);
- Mua bán sắt thép, vật tư thiết bị hàng hải;
- Phá dỡ tàu cũ, dịch vụ sửa chữa tàu thuyền;
- Sản xuất vật liệu xây dựng – xà phòng và chất tẩy rửa - chế biến và sản xuất các sản phẩm từ gỗ (không sản xuất tại trụ sở).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam, và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Áp dụng các Chuẩn mực kế toán mới

Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng:

Trong năm nay, Công ty lần đầu tiên áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (“VAS”), cụ thể như sau:

Chuẩn mực số 18	Các khoản dự phòng và nợ tiềm tàng
Chuẩn mực số 30	Lãi trên cổ phiếu

Việc áp dụng các Chuẩn mực kế toán mới này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính kỳ này và kỳ kế toán trước của Công ty.

Việc áp dụng các chuẩn mực kế toán này không ảnh hưởng đến việc phân loại số dư đầu kỳ của Báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem Thuyết minh số 4.24) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời gian đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được: Là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm sử dụng (năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10
Máy móc, thiết bị	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 6
Phương tiện vận tải	6 - 10

3.4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.5 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm:

Chi phí sửa chữa lớn các tàu được ước tính phân bổ trong khoảng thời gian là 05 năm.

Tiền mua gas để đẩy khí Nitơ trong bồn gas được ước tính phân bổ trong 3 năm

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê 15.000 m2 đất đã trả trước cho Công ty TNHH Liên doanh TNHH Phát triển Đình Vũ. Tiền thuê đất được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất là 44 năm.

3.6 Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hay sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Lãi tiền vay phát sinh từ các khoản vay khác được hạch toán vào Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thông báo lãi của Ngân hàng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.8 Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

3.9 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty mẹ được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi 20% đối với hoạt động kinh doanh vận tải biển trong 10 năm kể từ năm 2005 (năm thứ 2 sau năm bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh), được miễn thuế TNDN trong 02 năm kể từ năm 2005 và được miễn giảm 50% số thuế phải nộp trong 03 năm kể từ năm 2007 theo điểm 5, Mục II, Danh mục A ban hành kèm Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 do Chính phủ ban hành và Công văn trả lời về ưu đãi thuế TNDN đối với vận tải đường biển số 11491/BTC-CST ngày 13/9/2005 của Vụ Chính sách Chế độ thuế - Bộ Tài chính.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty mẹ căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2006	31/12/2005
	VND	VND
Tiền mặt	1.328.673.911	31.930.607
Tiền gửi ngân hàng	7.758.320.176	1.918.493.745
- Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam-CN Tân Bình	12.630.768	100.145.632
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam-CN Tân Bình	7.713.203	46.893.016
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải tp Hồ Chí Minh	307.646.552	1.667.320.659
- Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam-CN Hải Phòng	7.419.036.171	1.406.707
- Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam-CN Tân Bình	6.186.625	1.334.042
- Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam-CN Hà Nội	4.068.511	100.380.279
- Ngân hàng Kỹ thương Việt Nam-CN Hoàn Kiếm	1.038.346	1.013.410
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	9.086.994.087	1.950.424.352

4.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2006	31/12/2005
	VND	VND
Chứng khoán ngắn hạn	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác	13.228.000.000	-
- Cho bà Nguyễn Thị Thu Nga vay	7.140.000.000	-
- Cho ông Vũ Đại Bách vay	2.088.000.000	-
- Cho các cá nhân khác vay	4.000.000.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-
Cộng	13.228.000.000	-

4.3 Các khoản phải thu ngắn hạn

	31/12/2006	31/12/2005
	VND	VND
Phải thu khách hàng	41.042.654.808	24.627.504.263
Trả trước cho người bán	1.662.730.781	3.572.112.617
Phải thu khác	1.161.929.158	18.317.225
- Bảo hiểm xã hội	3.285.810	-
- Bảo hiểm Dầu khí (tổn thất 1 bồn gas)	1.158.555.747	18.295.626
- Các khoản phải thu khác	87.601	21.599
Cộng	43.867.314.747	28.217.934.105

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (Tiếp)

4.4 Hàng tồn kho

	31/12/2006	31/12/2005
	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	765.320.000	504.414.620
- Dầu tồn trên tàu Neptune	459.616.000	88.214.500
- Dầu tồn trên tàu Việt An	160.696.000	416.200.120
- Dầu tồn trên tàu Việt Trung	145.008.000	
Hàng hoá	492.088.324	696.927.074
- Gỗ các loại	-	696.927.074
- Gas	492.088.324	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho:	1.257.408.324	1.201.341.694

4.5 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2006	31/12/2005
	VND	VND
Phí bảo hiểm tàu Neptune	28.172.862	61.413.516
Phí bảo hiểm tàu Việt An	33.354.378	47.038.658
Phí bảo hiểm tàu Việt Trung	30.756.023	-
Bảo hiểm xe du lịch	-	11.126.360
Bảo hiểm xe Camry 2.4G	5.066.363	5.494.545
Công ty TNHH Trần Hồng Quân	-	132.189.842
Nội thất văn phòng	3.710.250	-
Sử dụng đường ống Đình Vũ	18.599.238	-
Tiền thuê VP quý 1/2007	44.863.200	-
Cộng	164.522.314	257.262.921

4.6 Thuế và các khoản phải thu nhà nước

	31/12/2006	31/12/2005
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	534.268.336	-
Cộng	534.268.336	-

4.7 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2006	31/12/2005
	VND	VND
- Tạm ứng	326.501.270	336.069.123
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	79.524.800	70.004.800
+ Ký quỹ thuê văn phòng tại Etown	54.511.000	54.511.000
+ Ký quỹ thuê văn phòng tại Tower Hà Nội	15.493.800	15.493.800
+ Công ty Kỹ nghệ Que hàn - mượn vỏ bình gas	2.520.000	-
+ Công ty Thông tin Điện tử Hàng hải Việt Nam	2.000.000	-
+ Trung tâm thông tin di động khu vực 2	5.000.000	-
Cộng	406.026.070	406.073.923

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (Tiếp)

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2006	31/12/2005
	VND	VND
Chi phí quản lý kho Đình Vũ	-	254.219.182
Xây dựng Bồn gas 554m ³ - 275 tấn	-	58.459.718
Xây dựng kho gas Đình Vũ	-	52.139.016
Cộng	-	375.630.164

4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm máy kế toán đang được sử dụng tại Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha. Tài sản này có nguyên giá là 19.082.400 đồng, khấu hao lũy kế đến thời điểm 31/12/2005 và 31/12/2006 lần lượt là: 1.060.132 đồng và 7.420.924 đồng.

4.10 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2006	31/12/2005
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	10.536.076.714	6.385.677.270
Tăng trong kỳ	2.981.325.340	4.794.563.305
Giảm trong kỳ	1.030.252.562	644.163.861
<i>Đã kết chuyển vào CP SXKD trong kỳ</i>	<i>1.030.252.562</i>	<i>644.163.861</i>
Số dư cuối kỳ	12.487.149.492	10.536.076.714
Chi tiết số dư cuối kỳ		
Tiền thuê đất kho Đình Vũ	9.268.833.409	8.434.930.909
Chi phí sửa chữa lớn tàu Neptune	770.732.407	737.872.407
Chi phí sửa chữa lớn tàu Việt An	890.895.678	1.113.465.678
Chi phí sửa chữa lớn tàu Việt Trung	1.136.319.004	-
Chi phí mua gas để đẩy khí Nitơ trong Bồn gas	153.111.720	249.807.720
Chi phí sửa hệ thống cân xe Bồn gas 40 tấn	63.600.000	-
Chi phí sửa chữa thiết bị LPG công nghiệp	123.783.172	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (Tiếp)

4.11 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2006	5.608.157.372	16.560.144.973	18.531.682.495	435.218.409	41.135.203.249
Tăng trong kỳ	333.608.340	5.099.389.314	13.586.941.266	64.171.725	19.084.110.645
Mua trong kỳ	-	-	-	64.171.725	64.171.725
Đầu tư XDCB hoàn thành	333.608.340	5.099.389.314	13.586.941.266	-	24.119.328.234
Giảm trong kỳ	-	-	500.000.000	-	500.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	500.000.000	-	500.000.000
Số dư tại 31/12/2006	5.941.765.712	21.659.534.287	31.618.623.761	499.390.134	59.719.313.894
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2006	236.340.108	665.587.727	3.661.406.858	118.290.916	4.681.625.609
Tăng trong kỳ	386.623.496	2.197.432.074	3.743.672.144	140.470.953	6.468.198.668
Khấu hao trong kỳ	386.623.496	2.197.432.074	3.743.672.144	140.470.953	6.468.198.668
Tăng khác (*)	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	166.666.656	-	166.666.656
Thanh lý, nhượng bán	-	-	166.666.656	-	166.666.656
Số dư tại 31/12/2006	622.963.604	2.863.019.801	7.238.412.346	258.761.869	10.983.157.621
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2006	5.371.817.264	15.894.557.246	14.870.275.637	316.927.493	36.453.577.640
Tại 31/12/2006	5.318.802.108	18.796.514.486	24.380.211.415	240.628.265	48.736.156.273

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (Tiếp)

4.11 Tài sản cố định hữu hình (Tiếp)

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại thời điểm 31/12/2006 là: 48.288.260.389 đồng bao gồm giá trị còn lại của kho Đình Vũ, tàu biển Việt An và tàu Neptune, Việt Trung và các phương tiện vận tải khác.

4.12 Vay ngắn hạn

	31/12/2006 VND	31/12/2005 VND
Tổ chức tín dụng	35.890.839.684	11.945.171.644
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam-CN Tân Bình	14.858.012.032	-
Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Tân Bình	-	9.400.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng hải TP. Hồ Chí Minh	18.432.426.252	2.545.171.644
Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - CN Hải Phòng	2.600.401.400	-
Cá nhân	2.593.162.334	-
Ông Trương Tín	300.000.000	-
Ông Vũ Văn Thắng	100.000.000	-
Bà Vũ Thị Hồng Loan	87.099.000	-
Ông Trần Minh Anh	606.063.334	-
Ông Chu Hữu Tuyển	500.000.000	-
Ông Đỗ Trọng Miên	1.000.000.000	-
Cộng	38.484.002.018	11.945.171.644

Các khoản vay của Công ty được đảm bảo bằng các tàu vận tải của Công ty có giá trị trên sổ sách kế toán tại thời điểm 31/12/2006 là 48.288.260.389 đồng (tàu Neptune và tàu Việt An, tàu Việt Trung và giá trị kho Đình Vũ). Công ty không có khoản vay nào quá hạn hoặc phải xin gia hạn thanh toán.

4.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2006 VND	31/12/2005 VND
Thuế phải nộp nhà nước	1.298.366.588	1.526.440.342
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa	818.055.775	7.875.121
Thuế hàng nhập khẩu	426.532.725	446.237.404
Thuế thu nhập doanh nghiệp	53.778.088	1.072.327.817
Các khoản phải nộp khác	34.577.348	3.180.630
Các khoản phải nộp khác	34.577.348	3.180.630
Cộng	1.332.943.936	1.529.620.972

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (Tiếp)

4.14 Phải trả phải nộp khác

	31/12/2006	31/12/2005
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	14.337.920	5.896.960
Bảo hiểm xã hội	44.428.600	27.614.200
Bảo hiểm y tế	12.989.160	4.178.310
Cho cá nhân - Ông Phước vay vốn	-	292.672.120
Thuế thu nhập cá nhân	34.293	4.430.569
Dư có tài khoản tạm ứng	23.353.608	
Các khoản phải trả phải nộp khác	12.295	7.640
Cộng	95.155.876	334.799.799

4.15 Vay dài hạn

	Năm 2006	Năm 2005
	VND	VND
Tổ chức tín dụng	10.359.992.161	20.495.000.000
Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - CN Hải Phòng (*)	10.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP các DN ngoài quốc doanh VN (**)	359.992.161	495.000.000
Cá nhân	-	-
Tổng	10.359.992.161	20.495.000.000

(*): Vay để đầu tư mua sắm "Kho gas Đình Vũ - Hải Phòng" theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 242/2005/HĐ ngày 29/9/2005. Thời hạn vay kể từ ngày nhận món vay đầu tiên là 54 tháng. Lãi suất áp dụng cho 06 tháng đầu tính từ ngày ký hợp đồng tính dụng là 10,8%/năm, các kỳ tiếp theo điều chỉnh theo lãi suất; lãi suất 6 tháng bắt đầu từ ngày 30/3/2006 đến 29/9/2006 là 0,95%, 6 tháng tiếp theo Ngân hàng tự điều chỉnh lãi suất theo mặt bằng lãi suất tại thời điểm.

Hình thức bảo đảm tiền vay: Toàn bộ giá trị của Dự án để làm tài sản đảm bảo nợ vay.

(**): Vay để đầu tư mua xe Camry 2.4G theo Hợp đồng tín dụng trung hạn ngày 10/8/2005. Thời hạn vay và trả nợ là 48 tháng kể từ ngày nhận khoản nợ đầu tiên. Mức lãi suất cho vay thả nổi, định kỳ thay đổi lãi suất mỗi năm 1 lần, tính từ ngày vay. Lãi suất vay năm đầu tiên 1,02%/tháng (tính trên 30 ngày/tháng).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (Tiếp)

4.16 Vốn chủ sở hữu

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 23/11/2004		Vốn đã góp			
			Tại 31/12/2006		Tại 31/12/2005	
	(VND)	%	(VND)	%	(VND)	%
Cổ đông sáng lập	12.150.000.000	40,50	17.950.000.000	67,97	17.250.000.000	57,50
Bà Nguyễn Thị Thu Nga	6.000.000.000	20,00	10.200.000.000	43,80	6.000.000.000	20,00
Ông Trần Hà	3.000.000.000	10,00	-	-	4.000.000.000	13,33
Ông Trần Việt Tiến	1.050.000.000	3,50	1.450.000.000	4,83	1.450.000.000	4,83
Ông Lê Xuân Hoàng	1.050.000.000	3,50	4.400.000.000	13,00	3.900.000.000	13,00
Ông Nguyễn Hồng Hiệp	1.050.000.000	3,50	1.900.000.000	6,33	1.900.000.000	6,33
Cổ đông phổ thông	17.850.000.000	59,50	12.050.000.000	32,03	12.750.000.000	42,50
Cộng	30.000.000.000	100,00	30.000.000.000	100,00	30.000.000.000	100,00

4.17 Doanh thu

	Năm 2006 VND	Năm 2005 VND
Doanh thu kinh doanh gas	304.199.249.447	117.848.837.166
Doanh thu kinh doanh vải, gỗ, khác	2.253.707.591	6.455.670.130
Doanh thu hoạt động chuyển nhượng tài sản	410.000.000	4.584.827.518
Doanh thu kinh doanh tàu Neptune	12.923.464.536	14.116.988.997
Doanh thu kinh doanh tàu Việt An	14.496.414.099	16.914.563.940
Doanh thu kinh doanh tàu Việt Trung	8.587.120.246	
Doanh thu cho thuê kho	3.722.815.649	4.426.890.688
Doanh thu kinh doanh tàu đi thuê	-	1.254.768.062
Doanh thu thu phí giám định hàng	26.005.835	18.622.660
Doanh thu thu phí hàng qua cầu cảng	252.832.216	169.572.817
Cộng	346.871.609.619	165.790.741.978

4.18 Giá vốn hàng bán

	Năm 2006 VND	Năm 2005 VND
Giá vốn kinh doanh gas	293.500.627.696	117.228.962.438
Giá vốn kinh doanh vải, gỗ, khác	2.219.578.382	6.325.123.997
Giá vốn hoạt động chuyển nhượng tài sản	5.260.409.157	4.268.891.311
Giá vốn kinh doanh tàu Neptune	11.711.565.303	10.880.356.102
Giá vốn kinh doanh tàu Việt An	12.409.255.304	11.733.212.110
Giá vốn kinh doanh tàu Việt Trung	7.671.886.194	-
Giá vốn cho thuê kho	2.688.238.422	3.710.040.084
Giá vốn kinh doanh tàu đi thuê	-	1.263.181.865
Cộng	335.461.560.458	155.409.767.907

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (Tiếp)

4.19 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2006 VND	Năm 2005 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, trái phiếu	1.127.736.651	41.593.132
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	43.653.131	83.370.444
Chiết khấu thanh toán hỗ trợ	-	12.672.022
Thu hỗ trợ hao hụt gas tàu - Sojitz	2.478.134	-
Cộng	1.173.867.916	137.635.598

4.20 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2006 VND	Năm 2005 VND
Lãi tiền vay	5.556.528.169	1.550.317.491
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	780.435.255	80.041.014
Cộng	6.336.963.424	1.630.358.505

4.21 Chi phí bán hàng

	Năm 2006 VND	Năm 2005 VND
Phí giám định gas	4.903.225	-
Cước vận chuyển	277.316.645	-
Chi phí khác	10.762.295	-
Tổng	292.982.165	-

4.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2006 VND	Năm 2005 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.105.660.757	808.434.060
Chi phí nguyên vật liệu, CCDC quản lý	192.131.442	275.722.930
Chi phí khấu hao tài sản cố định	389.084.801	330.440.874
Chi phí về phí, lệ phí	15.740.200	17.564.700
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	649.177.217	498.594.705
Chi phí tiếp khách, hội nghị	136.461.455	90.126.952
Chi phí khác bằng tiền	234.807.797	261.977.709
Tiền phạt, chi phí không có hoá đơn	621.799.727	609.513.312
Cộng	3.344.863.396	2.892.375.242

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (Tiếp)

4.23 Thu nhập khác - Chi phí khác

	Năm 2006 VND	Năm 2005 VND
Thu nhập khác	436.363.636	31.500.000
Tiền khách hàng hỗ trợ, thưởng	-	31.500.000
Nhượng bán tài sản cố định	436.363.636	
Chi phí khác	333.333.344	-
Giá trị còn lại của tài sản cố định	333.333.344	
Tổng	103.030.292	31.500.000

4.24 Thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2006 VND	Năm 2005 VND
CÔNG TY MẸ		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.090.333.360	11.957.132.265
Các khoản tăng thu nhập chịu thuế (*)	621.799.727	609.513.312
Các khoản giảm thu nhập chịu thuế	217.267.808	-
Thu nhập chịu thuế	2.494.865.279	12.566.645.577
Hoạt động kinh doanh miễn thuế (**)	3.757.108.104	8.020.388.169
Thuế suất	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	-	1.604.077.634
Hoạt động kinh doanh chịu thuế	(1.262.242.825)	4.546.257.408
Thuế suất	28%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	1.272.952.075
CÔNG TY CON		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	401.814.601	81.004.607
Các khoản tăng thu nhập chịu thuế (*)	14.250.000	15.500.000
Các khoản giảm thu nhập chịu thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế	416.064.601	96.504.607
Thuế suất	28%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	116.498.088	27.021.290
Tổng thuế thu nhập phải nộp	116.498.088	1.299.973.365

(*): Chi phí không hợp lý hợp lệ cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm các khoản phạt và chi phí không có chứng từ hợp lệ theo quy định.

(**): Công ty mẹ được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi 20% đối với hoạt động kinh doanh vận tải biển trong 10 năm kể từ năm 2005 (năm thứ 2 sau năm bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh), được miễn thuế TNDN trong 02 năm kể từ năm 2005 và được miễn giảm 50% số thuế phải nộp trong 03 năm kể từ năm 2007 theo điểm 5, Mục II, Danh mục A ban hành kèm Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp và Công văn trả lời về ưu đãi thuế TNDN đối với vận tải đường biển số 11491/BTC-CST ngày 13/9/2005 của Vụ chính sách chế độ thuế - Bộ Tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (Tiếp)

4.25 Lợi ích của cổ đông thiểu số

	Năm 2006 VND	Năm 2005 VND
Lợi ích cổ đông thiểu số được chia từ KQHĐSXKD năm trước	16.464.912	-
Vốn góp của cổ đông thiểu số	11.100.000.000	6.100.000.000
Tỷ lệ vốn góp của cổ đông thiểu số	37,0%	30,5%
Lợi nhuận sau thuế của công ty con trong năm	285.316.513	45.783.317
Chi quỹ khen thưởng phúc lợi	5.398.331	-
Lợi ích của cổ đông thiểu số	103.569.727	13.963.912
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Do giảm trừ khấu hao tài sản chuyển nhượng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng	11.220.034.639	6.113.963.912

5. THÔNG TIN KHÁC

5.1 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2005 đã được kiểm toán độc lập. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước đã được phân loại lại để phù hợp với số liệu năm nay.

5.2 Số dư bằng không

Các chỉ tiêu không được trình bày trên Bảng cân đối kế toán có số dư bằng không, các chỉ tiêu có số liệu được giữ nguyên số thứ tự và mã số.

TP Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2007

Kế toán trưởng



Vũ Văn Thắng

Tổng Giám đốc



Trần Minh Loan

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ AN PHA S.G
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 21

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha S.G (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha S.G (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002232 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 4 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 15 tháng 9 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 23 tháng 11 năm 2004.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 11A, Tú Xương, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu là 15.000.000.000 đồng. Trong quá trình hoạt động vốn điều lệ được bổ sung thêm và đến ngày 31/12/2006, tổng số vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 11 năm 2004 là 30.000.000.000 đồng.

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Mua bán khí hoá lỏng, vật tư thiết bị dầu khí;
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt;
- Kinh doanh vận tải; Kinh doanh vận tải sản phẩm dầu khí theo đường bộ, đường biển;
- Chiết nạp các sản phẩm dầu khí;
- Lắp đặt và bảo dưỡng các công trình ngành dầu khí;
- Cho thuê kho bãi, phương tiện vận tải chuyên dụng ngành dầu khí đường bộ, đường thủy;
- Mua bán gỗ, vật liệu xây dựng, máy móc - thiết bị ngành công – nông nghiệp và xây dựng (trừ kinh doanh máy in), hàng gia dụng;
- Gia công, mua bán vải, hàng dệt may (trừ tẩy nhuộm);
- Mua bán sắt thép, vật tư thiết bị hàng hải;
- Phá dỡ tàu cũ, dịch vụ sửa chữa tàu thuyền;
- Sản xuất vật liệu xây dựng – xà phòng và chất tẩy rửa - chế biến và sản xuất các sản phẩm từ gỗ (không sản xuất tại trụ sở).

Trong năm 2006, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là mua bán và vận chuyển gas, cho thuê kho gas, cho thuê tàu biển, kinh doanh tàu biển, kinh doanh gỗ và quần áo,...

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trên Báo cáo tài chính từ trang 05 đến trang 21 kèm theo.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và Định giá Việt Nam - (VAE)

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Bà Nguyễn Thị Thu Nga	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Lê Xuân Hoàng	Thành viên
Ông Trần Hà	Thành viên
Ông Vũ Hồng Minh	Thành viên
Ông Vũ Đại Bách	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Minh Loan	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2006 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Minh Loan
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2007

Số. /VAE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN **Về Báo cáo tài chính năm 2006 của Công ty Cổ phần Dầu khí Anpha S.G**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dầu khí Anpha S.G**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 cùng với báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Dầu khí Anpha S.G (gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính kèm theo được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 02 và trang 03, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Báo cáo tài chính năm 2005 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 06 bản bằng tiếng Việt, Công ty Cổ phần Dầu khí Anpha S.G giữ 04 bản, Công ty Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 02 bản. Các bản có giá trị pháp lý như sau.



Trần Quốc Tuấn
Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0148/KTV
Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (VAE)

Hà nội, ngày 29 tháng 01 năm 2007

Nguyễn Thị Hồng Vân

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0822/KTV

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2006

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2006	31/12/2005
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+130+140+150)	100		49.404.201.834	31.582.646.280
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	1.439.948.445	1.823.789.914
1. Tiền	111		1.439.948.445	1.823.789.914
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		17.971.142.318	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	4.2	17.971.142.318	-
III- Phải thu ngắn hạn	130	4.3	27.720.996.394	28.145.607.194
1. Phải thu khách hàng	131		24.682.452.058	24.555.198.951
2. Trả trước cho người bán	132		1.662.720.781	3.572.112.617
5. Các khoản phải thu khác	138		1.375.823.555	18.295.626
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
III- Hàng tồn kho	140		765.320.000	1.201.341.694
1. Hàng tồn kho	141	4.4	765.320.000	1.201.341.694
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
IV- Tài sản ngắn hạn khác	150		1.506.794.677	411.907.478
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.5	92.283.263	119.578.534
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		613.470.940	-
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	4.6	534.268.336	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	4.7	266.772.138	292.328.944
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		45.332.707.930	30.021.221.187
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II- Tài sản cố định	220		23.634.760.841	14.269.883.102
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	23.634.760.841	14.004.851.672
- Nguyên giá	222		30.766.124.120	17.630.802.038
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.131.363.279)	(3.625.950.366)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.8	-	265.031.430
III- Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		18.900.000.000	13.900.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	4.10	18.900.000.000	13.900.000.000
V- Tài sản dài hạn khác	260		2.797.947.089	1.851.338.085
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	2.797.947.089	1.851.338.085
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		94.736.909.764	61.603.867.467

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31/12/2006

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2006	31/12/2005
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+320)	300		56.249.527.546	20.093.263.501
I- Nợ ngắn hạn	310		56.234.122.666	20.086.398.061
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	4.12	34.883.600.618	11.945.171.644
2. Phải trả người bán	312		15.742.505.468	5.625.134.100
3. Người mua trả tiền trước	313		3.796.704.729	700.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4.13	1.278.234.470	1.505.079.760
5. Phải trả người lao động	315		471.698.731	(12.706.452)
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.14	61.378.650	323.719.009
II- Nợ dài hạn	330		15.404.880	6.865.440
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		15.404.880	6.865.440
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		38.487.382.218	41.510.603.966
I- Vốn chủ sở hữu	410		38.487.382.218	41.510.603.966
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	4.15	30.000.000.000	30.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	4.16	8.487.382.218	11.510.603.966
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	421		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	430		94.736.909.764	61.603.867.467

TP Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2007

Kế toán trưởng



Vũ Văn Thắng

Tổng Giám đốc



Trần Minh Loan

Mẫu số B 02 - DN

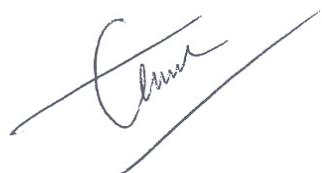
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2006

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2006	Năm 2005
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch	01		192.091.996.927	199.923.380.985
2 Các khoản giảm trừ	03		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	4.17	192.091.996.927	199.923.380.985
4 Giá vốn hàng bán	11	4.18	186.584.703.428	184.006.675.140
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.507.293.499	15.916.705.845
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.19	2.062.747.279	135.774.302
7 Chi phí tài chính	22	4.20	3.118.946.716	1.610.124.255
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.804.675.236	1.530.083.241
8 Chi phí bán hàng	24		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	4.21	2.463.790.994	2.516.723.627
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.987.303.068	11.925.632.265
11 Thu nhập khác	31	4.22	436.363.636	31.500.000
12 Chi phí khác	32	4.22	333.333.344	-
13 Lợi nhuận khác	40		103.030.292	31.500.000
14 Tổng lợi nhuận kê toán trước thuế	50		2.090.333.360	11.957.132.265
15 Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	4.23	-	1.272.952.075
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.090.333.360	10.684.180.190

TP Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2007

Kế toán trưởng



Vũ Văn Thắng

Tổng Giám đốc



Trần Minh Loan

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2006	Năm 2005
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	201.484.735.718	151.009.516.212
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(164.684.892.753)	(149.004.399.749)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(4.916.192.055)	(3.632.279.222)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(2.804.675.236)	(1.494.123.241)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.582.374.863)	(592.477.648)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	8.460.902.805	3.807.903.853
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(14.050.506.076)	(5.043.227.124)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	21.906.997.540	(4.949.086.919)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(15.198.641.086)	(23.902.624.169)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản	22	480.000.000	39.580.103.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(25.074.933.500)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24	7.103.791.182	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(5.000.000.000)	(13.900.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.279.310.029	39.731.836
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(36.410.473.375)	1.817.210.667
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	2.747.300.000	12.803.037.427
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(2.747.300.000)	(7.082.672.120)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	124.269.629.478	71.620.016.689
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(101.331.200.504)	(73.974.845.045)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.818.794.608)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	14.119.634.366	3.365.536.951
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(383.841.469)	233.660.699
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.823.789.914	1.590.129.215
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.439.948.445	1.823.789.914

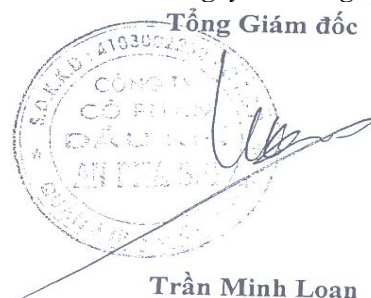
Kế toán trưởng

TP Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2007



Vũ Văn Thắng

Tổng Giám đốc



Trần Minh Loan

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha S.G được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002232 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 4 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 15 tháng 9 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 23 tháng 11 năm 2004.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 11A, Tú Xương, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu là 15.000.000.000 đồng. Trong quá trình hoạt động vốn điều lệ được bổ sung thêm và đến ngày 31/12/2005, tổng số vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 11 năm 2004 là 30.000.000.000 đồng., được chia thành 600 cổ phần (mỗi cổ phần có mệnh giá là 50.000.000 đồng) và được sở hữu bởi các cổ đông sau đây:

	<u>Số cổ phần</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>	<u>Loại cổ đông</u>
1. Bà Nguyễn Thị Thu Nga	120	20	Sáng lập
2. Ông Trần Hà	60	10	Sáng lập
3. Ông Trần Việt Tiến	21	3,5	Sáng lập
4. Ông Lê Xuân Hoàng	21	3,5	Sáng lập
5. Ông Nguyễn Hồng Hiệp	21	3,5	Sáng lập
6. Các cổ đông khác	357	59,5	Phổ thông

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Mua bán khí hoá lỏng, vật tư thiết bị dầu khí;
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt;
- Kinh doanh vận tải; Kinh doanh vận tải sản phẩm dầu khí theo đường bộ, đường biển;
- Chiết nạp các sản phẩm dầu khí;
- Lắp đặt và bảo dưỡng các công trình ngành dầu khí;
- Cho thuê kho bãi, phương tiện vận tải chuyên dụng ngành dầu khí đường bộ, đường thủy;
- Mua bán gỗ, vật liệu xây dựng, máy móc - thiết bị ngành công – nông nghiệp và xây dựng (trừ kinh doanh máy in), hàng gia dụng;
- Gia công, mua bán vải, hàng dệt may (trừ tẩy nhuộm);
- Mua bán sắt thép, vật tư thiết bị hàng hải;
- Phá dỡ tàu cũ, dịch vụ sửa chữa tàu thuyền;
- Sản xuất vật liệu xây dựng – xà phòng và chất tẩy rửa - chế biến và sản xuất các sản phẩm từ gỗ (không sản xuất tại trụ sở).

Trong năm 2006, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là mua bán và vận chuyển gas, kinh doanh tàu biển, kinh doanh gỗ và quần áo,...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam, và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Áp dụng các Chuẩn mực kế toán mới

Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng:

Trong năm nay, Công ty lần đầu tiên áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (“VAS”), cụ thể như sau:

Chuẩn mực số 18	Các khoản dự phòng và nợ tiềm tàng
Chuẩn mực số 30	Lãi trên cổ phiếu

Việc áp dụng các Chuẩn mực kế toán mới này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính kỳ này và kỳ kế toán trước của Công ty.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp)

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời gian đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được: Là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

3.3 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm sử dụng (năm)
Thiết bị văn phòng	3 - 6
Phương tiện vận tải	6 – 10

3.4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.6 Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hay sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Lãi tiền vay phát sinh từ các khoản vay khác được hạch toán vào Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp)

3.5 Đầu tư vào các công ty con

Các khoản góp vốn vào các công ty con là các khoản vốn góp chiếm tỷ lệ 50% trở lên trong tổng số vốn điều lệ của công ty con. Công ty mẹ có quyền chi phối các công ty con về các hoạt động của Công ty con.

Phần vốn góp của Công ty Cổ phần Dầu khí Anpha S.G vào ông ty con được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ.

Các khoản lợi nhuận nhận được từ hoạt động của các công ty con sẽ được ghi nhận vào Báo cáo riêng của Công ty mẹ khi có quyết định chính thức của Hội đồng Quản trị các công ty con về việc phân chia lợi nhuận.

3.7 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thông báo lãi của Ngân hàng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.8 Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

3.9 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi 20% đối với hoạt động kinh doanh vận tải biển trong 10 năm kể từ năm 2005 (năm thứ 2 sau năm bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh), được miễn thuế TNDN trong 02 năm kể từ năm 2005 và được miễn giảm 50% số thuế phải nộp trong 03 năm kể từ năm 2007 theo điểm 5, Mục II, Danh mục A ban hành kèm Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp và Công văn trả lời về ưu đãi thuế TNDN đối với vận tải đường biển số 11491/BTC-CST ngày 13/9/2005 của Vụ Chính sách Chế độ thuế - Bộ Tài chính.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2006	31/12/2005
	VND	VND
Tiền mặt	1.052.560.945	9.430.607
Tiền gửi ngân hàng	387.387.500	1.814.359.307
- Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam-CN Tân Bình	12.630.768	100.145.632
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam-CN Tân Bình	7.713.203	46.893.016
- Ngân hàng MSB thành phố Hồ Chí Minh	307.646.552	1.667.320.659
- Ngân hàng Kỹ thương thành phố Hồ Chí Minh	59.396.977	
Cộng	1.439.948.445	1.823.789.914

4.2 Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2006	31/12/2005
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác	17.971.142.318	-
- Cho Công ty CP Dầu khí An Pha vay	4.743.142.318	-
- Cho bà Nguyễn Thị Thu Nga vay	7.140.000.000	-
- Cho ông Vũ Đại Bách vay	2.088.000.000	-
- Cho các cá nhân khác vay	4.000.000.000	-
Cộng	17.971.142.318	-

Công ty cho Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha vay vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo các hợp đồng vay vốn và không tính lãi; đối với các cá nhân Công ty cho vay theo các hợp đồng vay vốn tín dụng với lãi suất là 1,5%/tháng.

4.3 Các khoản phải thu ngắn hạn

	31/12/2006	31/12/2005
	VND	VND
Phải thu khách hàng	24.682.452.058	24.555.198.951
Trả trước cho người bán	1.662.720.781	3.572.112.617
Phải thu ngắn hạn khác	1.375.823.555	18.295.626
- Bảo hiểm Dầu khí	1.158.555.747	18.295.626
- Cổ tức được chia từ Công ty con	217.267.808	-
Cộng	27.720.996.394	28.145.607.194

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp)

4.4 Hàng tồn kho

	31/12/2006	31/12/2005
	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	765.320.000	504.414.620
- Dầu tồn trên tàu Neptune	459.616.000	88.214.500
- Dầu tồn trên tàu Việt An	160.696.000	416.200.120
- Dầu tồn trên tàu Việt Trung	145.008.000	-
Hàng hoá	-	696.927.074
Cộng giá gốc hàng tồn kho:	765.320.000	1.201.341.694

4.5 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2006	31/12/2005
	VND	VND
Phí bảo hiểm tàu Neptune	28.172.862	61.413.516
Phí bảo hiểm tàu Việt An	33.354.378	47.038.658
Phí bảo hiểm tàu Việt Trung	30.756.023	-
Bảo hiểm xe du lịch	-	11.126.360
Cộng	92.283.263	119.578.534

4.6 Thuế và các khoản phải thu ngân sách nhà nước

	31/12/2006	31/12/2005
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	534.268.336	-
Cộng	534.268.336	-

4.7 Tài sản ngắn hạn khác

	Năm 2006	Năm 2005
	VND	VND
- Tạm ứng	202.741.138	222.324.144
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	64.031.000	70.004.800
+ Ký quỹ thuê văn phòng tại Etown	54.511.000	54.511.000
+ Ký quỹ thuê văn phòng tại Tower Hà Nội	-	15.493.800
+ Công ty Kỹ nghệ Que hàn - mượn vỏ bình gas	2.520.000	-
+ Công ty Thông tin Điện tử Hàng hải Việt Nam	2.000.000	-
+ Trung tâm thông tin di động khu vực 2	5.000.000	-
Cộng	266.772.138	292.328.944

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp)

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2006	31/12/2005
	VND	VND
Chi phí quản lý kho Hải Phòng	-	254.219.182
Mua 01 bồn gas 275 tấn (554m3) - kho Đình Vũ	-	10.812.248
Cộng	-	265.031.430

4.9 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: đồng.

	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2006	17.527.607.768	103.194.270	17.630.802.038
Tăng trong kỳ	13.586.941.266	48.380.816	13.635.322.082
Mua trong kỳ	13.586.941.266	48.380.816	13.635.322.082
Giảm trong kỳ	500.000.000	-	500.000.000
Thanh lý, nhượng bán	500.000.000	-	500.000.000
Số dư tại 31/12/2006	30.614.549.034	151.575.086	30.766.124.120
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2006	3.584.958.968	40.991.398	3.625.950.366
Tăng trong kỳ	3.625.924.676	46.154.893	3.672.079.569
Khấu hao trong kỳ	3.625.924.676	46.154.893	3.672.079.569
Giảm trong kỳ	166.666.656	-	166.666.656
Thanh lý, nhượng bán	166.666.656	-	166.666.656
Số dư tại 31/12/2006	7.044.216.988	87.146.291	7.131.363.279
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2006	13.942.648.800	62.202.872	14.004.851.672
Tại 31/12/2006	23.570.332.046	64.428.795	23.634.760.841

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp)

4.10 Đầu tư vào công ty con

	31/12/2006	31/12/2005
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha	18.900.000.000	13.900.000.000
Cộng	18.900.000.000	13.900.000.000

Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha là Công ty con của Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha S.G;
Địa chỉ: phòng 307, Hà Nội Tower, 49 Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội;
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 63 %;
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 63 %.

4.11 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2006	31/12/2005
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	1.851.338.085	6.385.677.270
Tăng trong kỳ	1.563.319.004	4.388.855.585
Giảm trong kỳ	616.710.000	8.923.194.770
<i>Đã kết chuyển vào CP SXKD trong kỳ</i>	<i>616.710.000</i>	<i>8.923.194.770</i>
Số dư cuối kỳ	2.797.947.089	1.851.338.085
Chi tiết số dư cuối kỳ		
Chi phí sửa chữa lớn tàu Neptune	770.732.407	737.872.407
Chi phí sửa chữa lớn tàu Việt An	890.895.678	1.113.465.678
Chi phí sửa chữa lớn tàu Việt Trung	1.136.319.004	-

4.12 Vay ngắn hạn

	31/12/2006	31/12/2005
	VND	VND
Tổ chức tín dụng	33.290.438.284	11.945.171.644
Ngân hàng NN&PTNT -CN Tân Bình	-	9.400.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam-CN Tân Bình	18.432.426.252	2.545.171.644
Ngân hàng Kỹ thương Việt Nam - TP Hồ Chí Minh	14.858.012.032	-
Cá nhân	1.593.162.334	-
Tưởng Tín	300.000.000	-
Vũ Văn Thắng	100.000.000	-
Vũ Thị Hồng Loan	87.099.000	-
Trần Minh Anh	606.063.334	-
Chu Hữu Tuyển	500.000.000	-
Cộng	34.883.600.618	11.945.171.644

Các khoản vay tổ chức tín dụng của Công ty được đảm bảo bằng các tàu vận tải của Công ty có giá trị trên sổ sách kế toán tại thời điểm 31/12/2006 là 23.570.332.046 đồng (tàu Neptune và tàu Việt An). Công ty không có khoản vay nào quá hạn hoặc phải xin gia hạn thanh toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp)

4.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2006 VND	31/12/2005 VND
Thuế phải nộp nhà nước	1.244.588.500	1.502.219.052
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa	818.055.775	7.875.121
Thuế hàng nhập khẩu	426.532.725	446.237.404
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.048.106.527
Các khoản phải nộp khác	33.645.970	2.860.708
Các khoản phải nộp khác	33.645.970	2.860.708
Cộng	1.278.234.470	1.505.079.760

4.14 Phải trả phải nộp khác

	31/12/2006 VND	31/12/2005 VND
Kinh phí công đoàn	10.269.920	4.576.960
Bảo hiểm xã hội	44.428.600	19.133.200
Bảo hiểm y tế	6.680.130	2.906.160
Cho cá nhân - Ông Phước vay vốn	-	292.672.120
Thuế thu nhập cá nhân	-	4.430.569
Cộng	61.378.650	323.719.009

4.15 Vốn chủ sở hữu

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 23/11/2004		Vốn đã góp			
			Tại 31/12/2006		Tại 31/12/2005	
	(VND)	%	(VND)	%	(VND)	%
Cổ đông sáng lập	12.150.000.000	40,50	17.950.000.000	59,83	17.250.000.000	57,50
Bà Nguyễn Thị Thu Nga	6.000.000.000	20,00	10.200.000.000	34,00	6.000.000.000	20,00
Ông Trần Hà	3.000.000.000	10,00	-	-	4.000.000.000	13,33
Ông Trần Việt Tiến	1.050.000.000	3,50	1.450.000.000	4,83	1.450.000.000	4,83
Ông Lê Xuân Hoàng	1.050.000.000	3,50	4.400.000.000	14,67	3.900.000.000	13,00
Ông Nguyễn Hồng Hiệp	1.050.000.000	3,50	1.900.000.000	6,33	1.900.000.000	6,33
Cổ đông phổ thông	17.850.000.000	59,50	12.050.000.000	40,17	12.750.000.000	42,50
Cộng	30.000.000.000	100,00	30.000.000.000	100,00	30.000.000.000	100,00

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp)

4.16 Lợi nhuận chưa phân phối

	Năm 2006	Năm 2005
	VND	VND
Số dư đầu niên độ kế toán	11.510.603.966	880.223.776
Lãi (lỗ) từ hoạt động SXKD trong năm	2.090.333.360	10.684.180.190
Phân phối cổ tức cho các cổ đông	5.066.655.108	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	46.900.000	53.800.000
Số dư cuối niên độ kế toán	8.487.382.218	11.510.603.966

Năm 2006, Công ty chia cổ tức lợi nhuận cho các cổ đông từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh kỳ hoạt động từ 02/4/2004 đến 31/12/2004 và năm 2005 theo Quyết định của Hội đồng quản trị ngày 12 tháng 01 năm 2006.

4.17 Doanh thu

	Năm 2006	Năm 2005
	VND	VND
Doanh thu kinh doanh gas	148.669.483.788	117.848.837.166
Doanh thu kinh doanh vải, gỗ, khác	2.253.707.591	6.455.670.130
Doanh thu hoạt động chuyển nhượng tài sản	5.161.806.667	41.959.674.502
Doanh thu kinh doanh tàu Neptune	12.923.464.536	14.116.988.997
Doanh thu kinh doanh tàu Việt An	14.496.414.099	16.914.563.940
Doanh thu kinh doanh tàu Việt Trung	8.587.120.246	-
Doanh thu cho thuê kho	-	1.372.878.188
Doanh thu kinh doanh tàu đi thuê	-	1.254.768.062
Cộng	192.091.996.927	199.923.380.985

4.18 Giá vốn hàng bán

	Năm 2006	Năm 2005
	VND	VND
Giá vốn kinh doanh gas	147.611.932.988	117.228.962.438
Giá vốn kinh doanh vải, gỗ, khác	2.219.578.382	6.325.123.997
Giá vốn hoạt động chuyển nhượng tài sản	4.960.485.257	35.425.709.726
Giá vốn kinh doanh tàu Neptune	11.711.565.303	10.880.356.102
Giá vốn kinh doanh tàu Việt An	12.409.255.304	11.733.212.110
Giá vốn kinh doanh tàu Việt Trung	7.671.886.194	-
Giá vốn cho thuê kho	-	1.150.128.902
Giá vốn kinh doanh tàu đi thuê	-	1.263.181.865
Cộng	186.584.703.428	184.006.675.140

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp)

4.19 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2006	Năm 2005
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, trái phiếu	1.801.826.340	39.731.836
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	43.653.131	83.370.444
Chiết khấu thanh toán hỗ trợ	-	12.672.022
Cổ tức lợi nhuận được chia từ Công ty con	217.267.808	-
Cộng	2.062.747.279	135.774.302

4.20 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2006	Năm 2005
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.804.675.236	1.530.083.241
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	314.271.480	80.041.014
Cộng	3.118.946.716	1.610.124.255

4.21 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2006	Năm 2005
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	881.266.897	737.298.075
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	90.563.223	224.886.101
Chi phí khấu hao tài sản cố định	263.083.697	279.653.749
Chi phí về phí, lệ phí	8.172.200	7.627.700
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	344.798.277	366.209.923
Chi phí tiếp khách, hội nghị	136.461.455	90.126.952
Chi phí khác bằng tiền	117.645.518	201.407.815
Tiền phạt, chi phí không có hoá đơn	621.799.727	609.513.312
Cộng	2.463.790.994	2.516.723.627

4.22 Thu nhập khác - Chi phí khác

	Năm 2006	Năm 2005
	VND	VND
Thu nhập khác	436.363.636	31.500.000
Tiền khách hàng hỗ trợ, thưởng	-	31.500.000
Thu thanh lý TSCĐ	436.363.636	-
Chi phí khác	333.333.344	-
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	333.333.344	-
Tổng lợi nhuận khác	103.030.292	31.500.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp)

4.23 Thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2006	Năm 2005
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.090.333.360	11.957.132.265
Các khoản tăng thu nhập chịu thuế (*)	621.799.727	609.513.312
Các khoản giảm thu nhập chịu thuế (**)	217.267.808	-
Thu nhập chịu thuế	2.494.865.279	12.566.645.577
Hoạt động kinh doanh miễn thuế (***)	3.757.108.104	8.020.388.169
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	751.421.621	1.604.077.634
Hoạt động kinh doanh chịu thuế	(1.262.242.825)	4.546.257.408
Thuế suất	28%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	1.272.952.075

(*): Chi phí không hợp lý hợp lệ cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm các khoản phạt và chi phí không có chứng từ hợp lệ theo quy định.

(**): Lợi nhuận được chia từ Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha năm 2005 và năm 2006.

(***): Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi 20% đối với hoạt động kinh doanh vận tải biển trong 10 năm kể từ năm 2005 (năm thứ 2 sau năm bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh), được miễn thuế TNDN trong 02 năm kể từ năm 2005 và được miễn giảm 50% số thuế phải nộp trong 03 năm kể từ năm 2007 theo điểm 5, Mục II, Danh mục A ban hành kèm Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp và Công văn trả lời về ưu đãi thuế TNDN đối với vận tải đường biển số 11491/BTC-CST ngày 13/9/2005 của Vụ Chính sách Chế độ thuế - Bộ Tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. THÔNG TIN KHÁC

5.1 Thông tin các bên liên quan

	Năm 2006 VND	Năm 2005 VND
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha	67.191.951.987	37.374.846.984
- Bán Kho gas Đình Vũ	5.161.806.667	28.432.708.355
- Chuyển nhượng chi phí thuê khu đất 15.000 m ² tại KCN Đình Vũ	-	8.536.430.909
- Bán gas	62.030.145.320	405.707.720
Cộng	67.191.951.987	37.374.846.984
Giá vốn		
Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha	66.549.383.132	31.156.818.415
- Giá vốn bán Kho gas Đình Vũ	4.960.485.257	22.214.679.786
- Chuyển nhượng chi phí thuê khu đất 15.000 m ² tại KCN Đình Vũ	-	8.536.430.909
- Giá vốn bán gas	61.588.897.875	405.707.720
Cộng	66.549.383.132	31.156.818.415
Phải thu khách hàng		
Công ty CP Dầu khí An Pha	22.520.670.096	-
Cộng	22.520.670.096	-
Người mua trả tiền trước		
Công ty CP Dầu khí An Pha	-	700.000.000
Cộng	-	700.000.000
Đầu tư ngắn hạn		
Cho Công ty CP Dầu khí An Pha vay	4.743.142.318	-
Cộng	4.743.142.318	-

5.2 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2005 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam - CPA VIETNAM. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước đã được phân loại lại để phù hợp với số liệu năm nay.

TP Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2007

Kế toán trưởng



Vũ Văn Thắng

Tổng Giám đốc



Trần Minh Loan

Phòng 2.5D & 2.6 A, tầng 2, Etown
Số 264 Công Hoà, Q. Tân Bình, TP HCM
Điện thoại: 8127155 FAX: 8127762

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**TẠI NGÀY: 30 Tháng 9 Năm 2007**

Nội dung	Mã	TM	Số cuối kỳ 30-Sep-07	Số đầu năm 1-Jan-07
A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)			123,843,513,591	69,274,241,194
I - Tiền và các khoản tương đương tiền			28,951,789,141	9,086,994,087
1. Tiền			28,951,789,141	9,086,994,087
2. Các khoản tương đương tiền			-	-
II - Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			-	13,228,000,000
1. Đầu tư ngắn hạn			-	13,228,000,000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)			-	-
III - Các khoản phải thu ngắn hạn			69,430,946,002	43,867,314,747
1. Phải thu khách hàng			64,529,415,801	41,042,654,808
2. Trả trước cho người bán			3,140,075,905	1,662,730,781
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng XD			-	-
5. Các khoản phải thu khác			1,761,454,296	1,161,929,158
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi(*)			-	-
IV - Hàng tồn kho			8,483,538,249	1,257,408,324
1. Hàng tồn kho			8,483,538,249	1,257,408,324
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho(*)			-	-
V - Tài sản ngắn hạn khác			16,977,240,199	1,834,524,036
1. Chi phí trả trước ngắn hạn			5,143,466,652	164,522,314
2. Thuế GTGT được khấu trừ			6,967,782,568	729,707,316
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước			534,268,336	534,268,336
4. Tài sản ngắn hạn khác			4,331,722,643	406,026,070
B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)			355,502,266,939	61,234,967,241
I - Các khoản phải thu dài hạn			-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng			-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ			-	-
4. Phải thu dài hạn khác			-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			-	-
II - Tài sản cố định			98,286,478,243	48,747,817,749
1. Tài sản cố định hữu hình			68,783,817,724	48,736,156,273
- Nguyên giá			101,930,263,544	59,719,313,894
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)			(33,146,445,820)	(10,983,157,621)
2. Tài sản cố định thuê tài chính			95,794,169	-

Nội dung	Mã	TM	Số cuối kỳ 30-Sep-07	Số đầu năm 1-Jan-07
- Nguyên giá			328,437,146	
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)			(232,642,977)	
3. Tài sản cố định vô hình			8,226,890,882	11,661,476
- Nguyên giá			8,239,082,400	19,082,400
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)			(12,191,518)	(7,420,924)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			21,179,975,468	
III - Bất động sản đầu tư			3,034,707,000	-
- Nguyên giá			3,034,707,000	
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)			-	
IV - Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			8,921,664,500	-
1. Đầu tư vào công ty con			-	
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh			4,700,000,000	
3. Đầu tư dài hạn khác			4,221,664,500	
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn(*)			-	
V - Lợi thế thương mại			88,768,256,786	
VI. Tài sản dài hạn khác			156,491,160,410	12,487,149,492
1. Chi phí trả trước dài hạn			143,606,394,410	12,487,149,492
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại			-	
3. Tài sản dài hạn khác			12,884,766,000	
Tổng tài sản			479,345,780,530	130,509,208,435
A. Nợ phải trả (300=310+330)			448,543,667,557	119,289,173,796
I - Nợ ngắn hạn			307,652,669,778	86,414,096,914
1. Vay và nợ ngắn hạn			230,827,183,190	76,033,041,423
2. Phải trả người bán			96,234,746,074	38,484,002,018
3. Người mua trả tiền trước			119,240,624,014	31,776,135,613
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước			1,899,354,221	3,797,748,547
5. Phải trả người lao động			6,599,871,230	1,332,943,936
6. Chi phí phải trả			1,311,425,248	547,055,433
7. Phải trả nội bộ			246,174,701	
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD			-	
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác			-	
10. Dự phòng phải trả, ngắn hạn			5,294,987,702	95,155,876
II - Nợ dài hạn			-	
1. Phải trả dài hạn người bán			76,825,486,588	10,381,055,491
2. Phải trả dài hạn nội bộ			-	
3. Phải trả dài hạn khác			-	
4. Vay và nợ dài hạn			67,439,391,558	
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			9,370,431,700	10,359,992,161
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm			-	
7. Dự phòng phải trả dài hạn			15,663,330	21,063,330
B. Vốn chủ sở hữu (400=410+430)			-	
I - Vốn chủ sở hữu			140,890,997,779	32,875,076,882

Nội dung	Mã	TM	Số cuối kỳ 30-Sep-07	Số đầu năm 1-Jan-07
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu			140,813,299,470	32,875,076,882
2. Thặng dư vốn cổ phần			93,496,600,000	30,000,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu			27,894,980,000	
4. Cổ phiếu quỹ (*)			-	
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			-	
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			-	
7. Quỹ đầu tư phát triển			-	
8. Quỹ dự phòng tài chính			423,024,978	
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			163,352,891	
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối			-	
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB			18,835,341,601	2,875,076,882
II - Nguồn kinh phí và quỹ khác			-	
1. Quỹ khen thưởng phúc lợi			77,698,309	-
2. Nguồn kinh phí			77,698,309	
3. Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ			-	
C. Lợi ích của cổ đông thiểu số			-	
Tổng nguồn vốn			30,802,112,973	11,220,034,639
			479,345,780,530	130,509,208,435

Các chỉ tiêu ngoài bảng

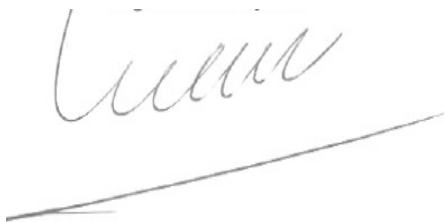
1. Tài sản thuê ngoài

- Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công
- Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược
- Nợ khó đòi đã xử lý
- Ngoại tệ các loại
- Dự toán chi sự nghiệp dự án

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



HUỲNH BỬU TUẤN



TRẦN MINH LOAN

Phòng 2.5 D và 2.6 A Tầng 2 E.Town
364 Cộng Hoà, Q, Tân Bình TP HCM
Điện thoại: 8127155 FAX: 812 7762

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/06
Thông tư số 21/2006/TT-BTC và thông tư số
Thông tư số 23/2005/TT-BTC

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT ĐẾN 30/09/2007 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2007

Chỉ tiêu	Mã	TM	Kỳ này 30-Sep-07	Năm 2006 31-Dec-06
1	2	3	4	5
1 Doanh thu bán hàng & cung cấp DV	01		872,760,686,164	346,871,609,619
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		776,345,461	
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10		871,984,340,703	346,871,609,619
4 Giá vốn hàng bán	11		831,348,844,676	335,461,560,458
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng, cung cấp dịch vụ	20		40,635,496,027	11,410,049,161
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21		1,760,297,171	1,173,867,916
7 Chi phí hoạt động tài chính	22		4,077,897,726	6,336,963,424
Trong đó lãi vay	23		3,910,506,342	5,556,528,169
8 Chi phí bán hàng	24		18,621,996,267	292,982,165
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8,536,562,237	3,344,863,396
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11,159,336,968	2,609,108,092
11 Thu nhập khác	31		19,929,557,791	436,363,636
12 Chi phí khác	32		6,462,948,340	333,333,344
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		13,466,609,451	103,030,292
14 Phần Lợi nhuận, lỗ trong công ty liên kết, LD	50			
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (60=30+40)	60		24,625,946,419	2,712,138,384
16 Thuế thu nhập doanh nghiệp	61		5,417,340,681	116,498,088
17 Lợi nhuận sau thuế TNDN (70=60-61)	70		19,208,605,738	2,595,640,296
17. Lợi ích của Cổ đông thiểu số	71		4,608,368,401	103,569,727
17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	72		14,600,237,337	2,492,070,569
18 Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	73		14,600,237,337	2,492,070,569
19 Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ của Công ty mẹ	74		7,861,095	3,000,000
20 Lãi cơ bản trên cổ phiếu trình bày trên cơ sở hợp nhất thông	75		1,857	831
Dự kiến EPS cho cả năm 2007			2.741	

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ngày 30 Tháng 9 Năm 2007

TỔNG GIÁM ĐỐC

HUỲNH BỬU TUẤN

TRẦN MINH LOAN

Phòng 2.5D & 2.6 A, tầng 2, Etown
Số 264 Công Hoà, Q. Tân Bình, TP HCM
Điện thoại: 8127155 FAX: 8127762

Mẫu B 01-DN/HN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 và thông tư số 23/2005/TT-BTC
ngày 30/03/2005 của Bộ trưởng BTC

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01/01 tới 30/09/2007

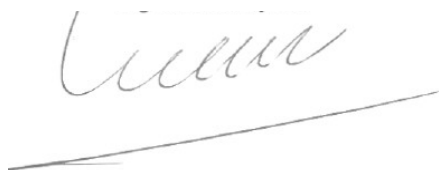
ĐV Tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Mã số	T. M	Quý III	Năm trước
	1	2	3	4	5
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp DV và DT khác	01		1,188,247,347,156	402,641,999,164
2	Tiền chi trả cho người cung cấp HH, DV	02		(1,084,953,674,113)	(336,739,299,741)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03		(13,628,331,229)	(5,617,006,889)
4	Tiền chi trả lãi vay	04		(4,413,521,225)	(6,361,012,241)
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập Doanh nghiệp	05		(2,063,043,615)	(1,645,094,863)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		83,009,446,324	11,192,933,757
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(104,142,067,553)	(26,882,343,662)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD	20		62,056,155,745	36,590,175,525
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1	Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(45,282,866,536)	(20,722,361,416)
2	Tiền thu từ TL, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		0	480,000,000
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	(16,146,373,000)
4	Tiền thu hồi cho vay, bán các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	2,918,373,000
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(137,994,749,286)	(5,000,000,000)
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		21,771,142,318	0
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		74,637,684	1,431,727,699
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(161,431,835,820)	(37,038,633,717)
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1	Tiền thu từ phát hành CP, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		129,592,039,992	11,428,000,000
2	Tiền trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã P	32		(3,595,902,869)	(11,428,000,000)
3	Tiền thu vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		232,504,177,516	173,614,384,352
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(237,848,587,551)	(157,210,561,817)
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	0
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(13,367,194,830)	(8,818,794,608)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		107,284,532,258	7,585,027,927
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		7,908,852,183	7,136,569,735
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		21,042,936,958	1,950,424,352
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy ước	61			
	Tiền và tương đương tiền cuối năm (50+60+61)	70	VII.34	28,951,789,141	9,086,994,087

Ngày 30 tháng 09 năm 2007

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



HUỲNH BỬU TUẤN



TRẦN MINH LOAN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha S.G được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002232 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 4 năm 2004. Đăng ký thay đổi lần 4 ngày 01/03/2007.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Lầu 2 Tòa nhà Etown , số 364 Đường Cộng Hòa, P. 13 Quận tân Bình, TP HCM.

Tổng số vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu là 15.000.000.000 đồng. Trong suốt quá trình hoạt động vốn điều lệ được bổ sung thêm và đến ngày 30/09/2007, tổng số vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01tháng 03năm 2007 là 126.000.000.000 đồng.

Các công ty con

1- Công ty đang đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha.

Địa chỉ: phòng 307, Hà Nội Tower, 49 Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội;

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 93 %;

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 93 %.

2- Công ty đang đầu tư vốn vào Công ty TNHH DV TM Gia Đình

Địa chỉ: Khu phố 4, Đường Lã Xuân Oai – F. Tăng Nhơn Phú A – Q.9 – TP HCM

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 99 %;

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 99%.

3- Công ty đang đầu tư vốn vào Công ty TNHH L.P.G Minh Thông

Số 02/34 Ấp Trường Đức – Xã Trường Đông - Huyện Hoà Thành - Tỉnh Tây

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51 %;

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51 %.

4- Công ty đang đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha Tây Nguyên

Thôn 8 Xã Hoà Phú, Thành Phố Ban Ma Thuột, Tỉnh Daklak

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 55 %;

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 55 %.

5- Công ty đang đầu tư vốn vào Công ty TNHH Khí Đốt Gia Định

Lô 14 Khu Công Nghiệp Sài Đồng B – F. Sài Đồng – Q. Long Biên – TP Hà Nội

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 60 %;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 60 %.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:.

- Mua bán khí hoá lỏng, vật tư thiết bị dầu khí;
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt;
- Kinh doanh vận tải; Kinh doanh vận tải sản phẩm dầu khí theo đường bộ, đường biển;
- Chiết nạp các sản phẩm dầu khí;
- Lắp đặt và bảo dưỡng các công trình ngành dầu khí;
- Cho thuê kho bãi, phương tiện vận tải chuyên dụng ngành dầu khí đường bộ, đường thủy;
- Mua bán gỗ, vật liệu xây dựng, máy móc - thiết bị ngành công – nông nghiệp và xây dựng (trừ kinh doanh máy in), hàng gia dụng;
- Gia công, mua bán vải, hàng dệt may (trừ tẩy nhuộm);
- Mua bán sắt thép, vật tư thiết bị hàng hải;
- Phá dỡ tàu cũ, dịch vụ sửa chữa tàu thuyền;
- Sản xuất vật liệu xây dựng – xà phòng và chất tẩy rửa - chế biến và sản xuất các sản phẩm từ gỗ (không sản xuất tại trụ sở).

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam, và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Áp dụng các Chuẩn mực kế toán mới

Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Hình thức kế toán áp dụng:

Trong năm nay, Công ty lần đầu tiên áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (“VAS”), cụ thể như sau:

Chuẩn mực số 18	Các khoản dự phòng và nợ tiềm tàng
Chuẩn mực số 30	Lãi trên cổ phiếu

Việc áp dụng các Chuẩn mực kế toán mới này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính kỳ này và kỳ kế toán trước của Công ty.

Việc áp dụng các chuẩn mực kế toán này không ảnh hưởng đến việc phân loại số dư đầu kỳ của Báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 09 năm. 2007 Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem Thuyết minh số 4.24) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời gian đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được: Là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm sử dụng (năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10
Máy móc, thiết bị	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 6
Phương tiện vận tải	6 - 10

3.4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.5 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm:

Chi phí sửa chữa lớn các tàu được ước tính phân bổ trong khoảng thời gian là 05 năm.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê 8.278m² đất đã trả trước cho Công ty TNHH Liên doanh TNHH Phát triển Đình Vũ. Tiền thuê đất được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất là 44 năm.

3.6 Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hay sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Lãi tiền vay phát sinh từ các khoản vay khác được hạch toán vào Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thông báo lãi của Ngân hàng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.8 Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

3.9 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty mẹ được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi 20% đối với hoạt động kinh doanh vận tải biển trong 10 năm kể từ năm 2005 (năm thứ 2 sau năm bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh), được miễn thuế TNDN trong 02 năm kể từ năm 2005 và được miễn giảm 50% số thuế phải nộp trong 03 năm kể từ năm 2007 theo điểm 5, Mục II, Danh mục A ban hành kèm Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 do Chính phủ ban hành và Công văn trả lời về ưu đãi thuế TNDN đối với vận tải đường biển số 11491/BTC-CST ngày 13/9/2005 của Vụ Chính sách Chế độ thuế - Bộ Tài chính.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty mẹ căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	9/30/2007	12/31/2006
Tiền mặt	9,502,666,097	1,328,673,911
Tiền gửi ngân hàng	19,449,123,044	7,758,320,176
Ngân hàng Ngoại thương Việt nam - CN Tân Bình	32,509,377	12,630,768
Ngân Hàng NN & PT Nông thôn - CN Tân Bình	1,028,559,174	7,713,203
Ngân Hàng TMCP Hàng Hải - TP HCM	223,509,389	307,646,552
Ngân Hàng ĐT & PT Việt nam - CN Hải Phòng	7,815,061,040	7,419,036,171
Ngân hàng Ngoại thương Việt nam - CN Tân Bình	85,494,465	6,186,625
Ngân hàng Ngoại thương Việt nam - CN Thành Công	7,813,066,782	
Ngân hàng Ngoại thương Việt nam - CN Hà Nội	326,690,859	4,068,511
Ngân hàng Đầu tư PT - Smart @CC	2,123,174,561	
Ngân Hàng Kỹ Thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm	1,057,397	1,038,346
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
	28,951,789,141	9,086,994,087

4.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	9/30/2007	12/31/2006
Chứng khoán ngắn hạn	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác	-	13,228,000,000
Cho Bà Nguyễn Thị Thu Nga vay	-	7,140,000,000
Cho Ông Vũ Đại Bách vay	-	2,088,000,000
Cho Các nhân khác vay	-	4,000,000,000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-
	-	13,228,000,000

4.3 Các khoản phải thu ngắn hạn

	9/30/2007	12/31/2006
Phải thu khách hàng	64,529,415,801	41,042,654,808
Trả trước cho người bán	3,140,075,905	1,662,730,781
Phải thu khác	1,761,454,296	1,161,929,158
Bảo hiểm xã hội		3,285,810
Bảo hiểm dầu khí	1,158,555,747	1,158,555,747
Phí bảo hiểm tổn thất tàu Việt Trung	47,133,000	-
Các khoản phải thu khác	555,765,549	87,601
	69,430,946,002	43,867,314,747

4.4 Hàng tồn kho

	9/30/2007	12/31/2006
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2,121,109,019	765,320,000
Dầu tồn trên tàu Neptune	324,536,060	459,616,000
Dầu tồn trên tàu Việt An	611,380,062	160,696,000
Dầu tồn trên tàu Việt trung	418,197,738	145,008,000
Dầu tồn trên tàu Việt Mỹ	766,995,159	-
Hàng hóa	6,362,429,230	492,088,324
Gỗ các loại	-	-
Gas	6,362,429,230	492,088,324
Cộng giá gốc hàng tồn kho	8,483,538,249	1,257,408,324

4.5 Chi phí trả trước ngắn hạn

	9/30/2007	12/31/2006
Phí bảo hiểm tàu Naptune	21,791,700	28,172,862
Phí bảo hiểm tàu Việt An	143,886,203	33,354,378

Phí bảo hiểm tàu Việt Trung	79,135,229	30,756,023
Bảo hiểm xe du lịch Camry 2.4 G	-	5,066,363
Nội thất văn phòng	-	3,710,250
Sử dụng đường ống Đình Vũ	26,592,059	18,599,238
Thuê văn phòng	59,360,040	44,863,200
Phí bảo hiểm tàu Việt Mỹ	158,588,811	-
Lương tháng 13 của An Pha S.G	135,100,000	-
Phí sửa chữa tàu Việt Trung	29,850,507	-
Phí kiểm toán	95,383,700	-
Lãi vay	1,022,739,173	-
Chi phí vận chuyển	287,829,588	-
Đăng ký ISO	49,325,300	-
Phí BH kho gas	22,167,000	-
Thuê trạm chiết nạp	260,000,000	-
Phí kiểm định vỏ bình, sơn	2,424,417,921	-
Chi phí khác	327,299,421	-
Cộng	5,143,466,652	164,522,314

4.6 Thuế và các khoản phải thu nhà nước

	9/30/2007	12/31/2006
Thuế thu nhập nộp thừa	534,268,336	534,268,336
Cộng	534,268,336	534,268,336

4.7 Tài sản ngắn hạn khác

	9/30/2007	12/31/2006
Tạm ứng	700,119,343	326,501,270
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3,631,603,300	79,524,800
Ký quỹ thuê văn phòng E town	69,100,000	54,511,000
Ký quỹ thuê văn phòng E town Hà Nội	53,609,300	15,493,800
C.ty kỹ nghệ que hàn - mượn vỏ bình	2,520,000	2,520,000
C.ty thông tin Điện tử Hàng Hải Việt nam	2,000,000	2,000,000
Trung tâm thông tin di động khu vực 2	5,000,000	5,000,000
Bảo lãnh thanh toán gas	3,450,000,000	-
Bưu điện Bến Lức	10,000,000	
Mai Linh Taxi	3,000,000	
Ký quỹ cho Ree (C.ty Gia Đình)	36,374,000	
	4,331,722,643	406,026,070

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	9/30/2007	12/31/2006
Chi phí mua, sử tàu Việt Mỹ	21,179,975,468	0
Cộng	21,179,975,468	-

4.9 Tài sản cố định vô hình

Bao gồm phần mềm kế toán đang được sử dụng tại Công ty cổ phần Dầu khí An Pha. Tài sản này nguyên giá là 19.082.400 đ

4.10- Chi phí trả trước dài hạn

	9/30/2007	12/31/2006
Số dư đầu kỳ	12,487,149,492	10,536,076,714
Tăng trong kỳ	148,966,203,236	2,981,325,340
Giảm trong kỳ	17,846,958,318	1,030,252,562
Đã kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	<i>17,846,958,318</i>	<i>1,030,252,562</i>
Số dư cuối kỳ	143,606,394,410	12,487,149,492
Chi tiết số dư cuối kỳ		

Thuê đất Đình Vũ	5,608,454,863	9,268,833,409
Chi phí sửa chữa tàu Naptune	659,141,207	770,732,407
Chi phí sửa chữa tàu Việt An	804,845,820	890,895,678
Chi phí sửa chữa tàu Việt Trung	1,102,801,735	1,136,319,004
Chi phí mua gas để đẩy khí nito trong bồn gas		153,111,720
Chi phí sử hệ thống cân xe bồn gas 40 tấn	43,800,000	63,600,000
Chi phí sửa chữa thiết bị LPG công nghiệp		123,783,172
Chi phí tai nạn tàu Naptune	395,473,593	-
Chi phí tai nạn tàu Việt Trung	80,327,917	-
Chi phí sửa chữa lớn kho ga Đình Vũ	167,238,892	-
Chi phí quảng cáo	145,400,000	-
Phí kiểm định HT kho Hải Phòng	32,035,416	-
Tiền đầu tư vỏ bình gas	134,566,874,967	-
Cộng	143,606,394,410	12,407,275,390
Tiền ký quỹ vỏ bình (C.ty Gia Định)	12,884,766,000	-

4.12 Vay ngắn hạn

	9/30/2007	12/31/2006
Tổ chức tín dụng	82,613,148,819	35,890,839,684
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Tân Bình	12,737,304,452	14,858,012,032
Ngân Hàng TM CP Hàng Hải Tp HCM	23,264,784,738	18,432,426,252
Ngân Hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam _ CN Hải Phòng	21,475,622,553	2,600,401,400
VIB Bank	25,135,437,076	-
Cá nhân	13,621,597,255	2,593,162,334
Ông Tường Tín	-	300,000,000
Ông Vũ Văn Thắng	-	100,000,000
Bà Vũ Thị Hồng Loan	-	87,099,000
Ông Trần Minh Loan	-	606,063,334
Ông Chu Hữu Tuyển	-	500,000,000
Ông Đỗ Trọng Miên	-	1,000,000,000
Ông Nguyễn Ngọc Khang	2,816,666,674	-
Ông Diệp Minh Thông	2,874,930,581	-
Ông Nguyễn Quyết	7,930,000,000	-
Cộng	96,234,746,074	38,484,002,018

4.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

	9/30/2007	12/31/2006
Thuế phải nộp nhà nước	6,599,871,230	1,298,366,588
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa	639,034,436	818,055,775
Thuế hàng nhập khẩu	1,946,173,612	426,532,725
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4,014,663,182	53,778,088
Các khoản phải nộp khác	-	34,577,348
Các khoản thuế khác		34,577,348
Cộng	6,599,871,230	1,332,943,936

4.14 Phải trả, phải nộp khác

	9/30/2007	12/31/2006
Kinh phí công đoàn	122,618,093	14,337,920
Bảo hiểm xã hội	178,874,220	44,428,600
Bảo hiểm y tế	40,556,144	12,989,160
Thuế thu nhập cá nhân	-	34,293
Dư có tài khoản tạm ứng	488,515,964	23,353,608
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	12,295
Tiền đầu tư CP PVGas (C.ty Gia Định)	3,636,730,000	-

Chiết khấu thanh toán phải trả	58,258,750	-
Nhận ký quỹ	3,000,000	-
Lãi vay phải trả	246,174,701	-
Phải trả khác	520,259,830	-
	5,294,987,702	95,155,876
4.15 Vay dài hạn		
	9/30/2007	12/31/2006
Tổ chức tín dụng	9,370,431,700	10,359,992,161
Ngân hàng ĐT & PT Việt nam - CN Hải Phòng	-	10,000,000,000
Ngân Hàng TMCP Các DN Ngoài Quốc Doanh VN	-	359,992,161
Ngân Hàng Hàng Hải	9,370,431,700	-
Cá nhân	9,370,431,700	10,359,992,161
4.17 Doanh thu		
	9/30/2007	12/31/2006
Doanh thu kinh doanh Gas	829,785,919,668	304,199,249,447
Doanh thu kinh doanh vải, gỗ	-	2,253,707,591
Doanh thu hoạt động chuyển nhượng tài sản	4,785,864,478	410,000,000
Doanh thu tàu Naptune	8,542,354,219	12,923,464,536
Doanh thu tàu Việt An	10,271,910,807	14,496,414,099
Doanh thu tàu Việt Trung	9,678,998,742	8,587,120,246
Doanh thu tàu Việt Mỹ	4,608,250,977	
Doanh thu cho thuê kho	3,202,315,409	3,722,815,649
Doanh thu chi phí giám định hàng	-	26,005,835
Doanh thu thu phí hàng qua cầu cảng	-	252,832,216
Kinh doanh chiết nạp	15,152,547	-
Dịch vụ vận chuyển đường bộ (gas)	685,531,162	-
Doanh thu khác	408,042,694	-
	871,984,340,703	346,871,609,619
18- Giá vốn hàng bán		
	9/30/2007	12/31/2006
Kinh doanh Gas	795,538,268,608	293,500,627,696
Kinh doanh vải, gỗ	-	2,219,578,382
Hoạt động chuyển nhượng tài sản	4,119,484,799	5,260,409,157
Tàu Naptune	9,137,950,704	11,711,565,303
Tàu Việt An	9,671,732,377	12,409,255,304
Tàu Việt Trung	8,802,660,126	7,671,886,194
Tàu Việt Mỹ	2,591,542,239	
Thu cho thuê kho	1,346,362,577	2,688,238,422
Chi phí giám định hàng	-	-
Chi phí hàng qua cầu cảng	-	-
Kinh doanh chiết nạp	23,442,888	-
Dịch vụ vận chuyển đường bộ (gas)	-	-
Doanh thu khác	117,400,358	-
	831,348,844,676	335,461,560,458
19- Doanh thu hoạt động tài chính		
	9/30/2007	12/31/2006
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, trái phiếu	1,760,297,171	1,127,736,651
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	43,653,131
Thu hỗ trợ hao hụt gas tàu - Sojitz	-	2,478,134
	1,760,297,171	1,173,867,916
20- Chi phí hoạt động tài chính		

	9/30/2007	12/31/2006
Lãi tiền vay	3,910,506,342	5,556,528,169
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	167,391,384	780,435,255
Cộng	4,077,897,726	6,336,963,424
21- Chi phí bán hàng		
	9/30/2007	12/31/2006
Phí giám định gas	-	4,903,225
Phí vận chuyển	-	277,316,645
Chi phí khác	-	10,762,295
Lương nhân viên	4,319,284,290	-
Chi phí vật liệu	1,940,269,080	-
Đồ dùng văn phòng	5,842,761,868	-
Khấu hao TSCĐ	3,176,944,863	-
Thuế và lệ phí	3,401,000	-
Dịch vụ mua ngoài	1,404,418,499	-
Chi khác bằng tiền	1,934,916,667	-
	18,621,996,267	292,982,165
4.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	9/30/2007	12/31/2006
Chi phí nhân viên	3,005,977,882	1,105,660,757
Chi phí nguyên vật liệu, CCDC quản lý	316,879,039	192,131,442
Chi phí khấu hao TSCĐ	617,471,035	389,084,801
Chi phí về phí, lệ phí	13,914,000	15,740,200
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	2,949,853,339	649,177,217
Chi phí tiếp khách hội nghị	408,571,051	136,461,455
Chi phí khác bằng tiền	1,223,895,891	234,807,797
Tiền phạt, chi phí không có hóa đơn	-	621,799,727
	8,536,562,237	3,344,863,396
4.23 Thu nhập khác - Chi phí khác		
	9/30/2007	12/31/2006
Thu nhập khác	19,929,557,791	436,363,636
Nhượng bán tài sản cố định	-	436,363,636
Phân bổ tiền ký quỹ	19,929,557,791	-
Chi phí khác	6,462,948,340	333,333,344
Giá trị còn lại của TSCĐ	-	333,333,344
Phân bổ chi phí vỏ bình gas	6,462,948,340	-
	13,466,609,451	103,030,292
4.24 Thuế thu nhập doanh nghiệp		
	9/30/2007	12/31/2006
CÔNG TY ME		
Tổng lợi nhuận trước thuế	1,325,025,532	2,090,333,360
Các khoản tăng thu nhập	-	621,799,727
Các khoản giảm thu nhập	-	217,267,808
Thu nhập chịu thuế	1,325,025,532	2,494,865,279
Hoạt động kinh doanh miễn thuế	-	3,757,108,104
Thuế suất	0%	0%
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	-	-
Hoạt động kinh doanh chịu thuế	-	(1,262,242,825)
Thuế suất	-	28%
Thuế thu nhập phải nộp	169,841,280	-
CÔNG TY CON		
Công ty CP Dầu khí An Pha		
Tổng lợi nhuận trước thuế	2,943,340,949	401,814,601
Các khoản tăng thu nhập	-	14,250,000

Các khoản giảm thu nhập	-	-
Thu nhập chịu thuế	2,943,340,949	416,064,601
Thuế suất	28%	28%
Thuế thu nhập phải nộp	824,877,467	116,498,088
Công ty TNHH DV TM Gia Đình		
Tổng lợi nhuận trước thuế	4,838,988,010	-
Các khoản tăng thu nhập	-	-
Các khoản giảm thu nhập	-	-
Thu nhập chịu thuế	4,838,988,010	-
Thuế suất	28%	28%
Thuế thu nhập phải nộp	255,712,520	-
Công ty TNHH Khí Đốt Gia Định		
Tổng lợi nhuận trước thuế	13,980,822,907	-
Các khoản tăng thu nhập	-	-
Các khoản giảm thu nhập	-	-
Thu nhập chịu thuế	13,980,822,907	-
Thuế suất	28%	28%
Thuế thu nhập phải nộp	3,914,630,414	-
Công ty TNHH DV TM Minh Thông		
Tổng lợi nhuận trước thuế	900,997,928	-
Các khoản tăng thu nhập	-	-
Các khoản giảm thu nhập	-	-
Thu nhập chịu thuế	900,997,928	-
Thuế suất	28%	28%
Thuế thu nhập phải nộp	252,279,000	-
Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha tây Nguyên		
Tổng lợi nhuận trước thuế	155319846	-
Các khoản tăng thu nhập	-	-
Các khoản giảm thu nhập	-	-
Thu nhập chịu thuế	155,319,846	-
Thuế suất	28%	28%
Thuế thu nhập phải nộp	-	-

4.25 Lợi ích của cổ đông thiểu số

	9/30/2007	12/31/2006
Lợi ích của Cổ đông thiểu số được chia từ KQHĐSXKD năm trước		16,464,912
Vốn góp của Cổ đông thiểu số	24,618,500,000	11,100,000,000
Tỷ lệ vốn góp của Cổ Đông thiểu số	26.33%	37%
Lợi nhuận sau thuế của công ty con trong năm	5,920,091,081	285,316,513
Chi quỹ khen thưởng phúc lợi	-	5,398,331
Lợi ích của Cổ đông thiểu số	6,183,612,973	103,569,727
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Do giảm trừ khấu hao TSCĐ chuyển nhượng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng	30,802,112,973	11,220,034,639

5. THÔNG TIN KHÁC

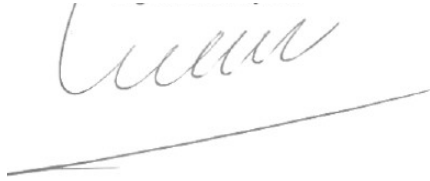
5.1 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2006 đã được kiểm toán độc lập

5.2 Số dư bằng không

Các chỉ tiêu không được trình bày trên bảng cân đối kế toán có số dư bằng không, các chỉ tiêu có số liệu được giữ nguyên số thứ tự và mã số

KẾ TOÁN TRƯỞNG



HUỲNH BỬU TUẤN

TP Hồ Chí Minh ngày 17/12/2007
TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN MINH LOAN

Công ty CP Dầu Khí An Pha S.G
 Phòng 2.5D & 2.6 A, tầng 2, Etown
 Số 264 Công Hoà, Q. Tân Bình, TP HCM
 Điện thoại: 8127155 FAX: 8127762

Mẫu B 01-DN/HN
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/03/2006 và thông tư số 23/2005/TT-BTC
 ngày 30/03/2005 của Bộ trưởng BTC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/09/2007

Đơn vị tính VNĐ

Nội dung	Sep-07	Y-2006
A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	20,664,191,840	49,404,201,834
I - Tiền và các khoản tương đương tiền	3,798,570,993	1,439,948,445
1. Tiền	3,798,570,993	1,439,948,445
2. Các khoản tương đương tiền	-	-
II - Các khoản đầu tư chính ngắn hạn	-	17,971,142,318
1. Đầu tư ngắn hạn	-	17,971,142,318
3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	-	-
III - Các khoản phải thu ngắn hạn	12,538,332,415	27,720,996,394
1. Phải thu khách hàng	4,096,284,084	24,682,452,058
2. Trả trước cho người bán	2,386,896,731	1,662,720,781
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng XD	-	-
5. Các khoản phải thu khác	6,055,151,600	1,375,823,555
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi(*)	-	-
IV - Hàng tồn kho	2,121,109,019	765,320,000
1. Hàng tồn kho	2,121,109,019	765,320,000
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho(*)	-	-
V - Tài sản ngắn hạn khác	2,206,179,413	1,506,794,677
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	663,684,695	92,283,263
2. Thuế GTGT được khấu trừ	666,540,340	613,470,940
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	534,268,336	534,268,336
4. Tài sản ngắn hạn khác	341,686,042	266,772,138
B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)	213,427,610,164	45,332,707,930
I - Các khoản phải thu dài hạn	-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	-	-
II - Tài sản cố định	41,986,868,757	23,634,760,841
1. Tài sản cố định hữu hình	20,812,873,389	23,634,760,841
- Nguyên giá	31,308,731,265	30,766,124,120
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	(10,495,857,876)	(7,131,363,279)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
- Nguyên giá	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	-	-
- Nguyên giá	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	21,173,995,368	-
III - Bất động sản đầu tư	-	-
- Nguyên giá	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	-	-

IV - Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	168,363,826,786	18,900,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	163,079,756,786	18,900,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	4,700,000,000	-
3. Đầu tư dài hạn khác	584,070,000	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn(*)	-	-
V. Tài sản dài hạn khác	3,076,914,621	2,797,947,089
1. Chi phí trả trước dài hạn	3,076,914,621	2,797,947,089
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	-	-
Tổng tài sản	234,091,802,004	94,736,909,764
A. Nợ phải trả (300=310+330)	103,621,550,534	56,249,527,546
I - Nợ ngắn hạn	99,051,113,954	56,234,122,666
1. Vay và nợ ngắn hạn	65,632,526,266	34,883,600,618
2. Phải trả người bán	21,832,153,802	15,742,505,468
3. Người mua trả tiền trước	1,021,878,318	3,796,704,729
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	675,726,151	1,278,234,470
5. Phải trả người lao động	637,504,484	471,698,731
6. Chi phí phải trả	138,404,100	-
7. Phải trả nội bộ	-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	9,112,920,833	61,378,650
10. Dự phòng phải trả, ngắn hạn	-	-
II - Nợ dài hạn	4,570,436,580	15,404,880
1. Phải trả dài hạn người bán	-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	-	-
4. Vay và nợ dài hạn	4,560,431,700	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	10,004,880	15,404,880
7. Dự phòng phải trả dài hạn	-	-
B. Vốn chủ sở hữu (400=410+430)	130,470,251,470	38,487,382,218
I - Vốn chủ sở hữu	130,470,251,470	38,487,382,218
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	93,496,600,000	30,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	27,894,980,000	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	9,078,671,470	8,487,382,218
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	-	-
II - Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-
1. Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
2. Nguồn kinh phí	-	-
3. Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	-	-
Tổng nguồn vốn	234,091,802,004	94,736,909,764

Các chỉ tiêu ngoài bảng

1. Tài sản thuê ngoài
2. Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược
4. Nợ khó đòi đã xử lý

- 5. Ngoại tệ các loại
 - 6. Dự toán chi sự nghiệp dự án
-

KẾ TOÁN TRƯỞNG



HÙYNH BỬU TUẤN

Ngày 30 tháng 09 năm 2007

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN MINH LOAN

Công ty CP Dầu Khí An Pha S.G
Phòng 2.5 D và 2.6 A Tầng 2 E.Town
364 Cộng Hoà, Q, Tân Bình TP HCM
Điện thoại: 8127155 FAX: 812 7762

Mẫu B 03-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

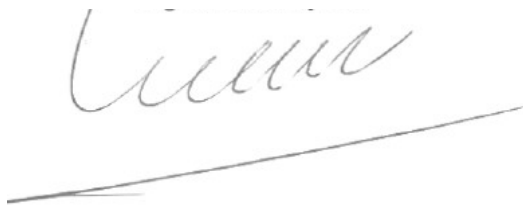
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/01/2007 đến ngày 30/09/2007

Đơn vị: 1.000đ

Nội dung	Mã	Tới 30-09-07	Năm 2006
1 Doanh thu bán hàng & cung cấp DV	01	247,572,894,237	192,091,996,927
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	247,572,894,237	192,091,997
4 Giá vốn hàng bán	11	242,827,611,991	186,584,703
5 Lợi nhuận gộp	20	4,745,282,246	5,507,293
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	967,863,078	2,062,747
7 Chi phí hoạt động tài chính	22	1,747,419,596	3,118,947
Lãi vay	23	1,642,222,923	-
8 Chi phí bán hàng	24	-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	2,640,700,196	2,463,791
10 Lợi nhuận thuần về hoạt động kinh doanh	30	1,325,025,532	1,987,303
11 Thu nhập khác	31	-	436,364
12 Chi phí khác	32	-	333,333
13 Lợi nhuận khác	40	-	103,030
14 Tổng lợi nhuận trước thuế	50	1,325,025,532	2,090,333
15 Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	169,841,280	534,268
16 Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	-	-
17 Lợi nhuận sau thuế	60	1,155,184,252	1,556,065
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-
Lợi ích của cổ đông thiểu số			

KÊ TOÁN TRƯỞNG



HUYNH BỬU TUAN

Ngày 30 tháng 09 năm 2007
TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN MINH LOAN

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ AN PHA S.G

Phòng 2.5D & 2.6A, Tầng 2, Toà nhà E.Town,

364 Cộng Hoà, Quận Tân Bình, Tp. HCM

ĐT: 08 8127155, FAX: 08 8127762

Mẫu số B 03 - DN

Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01/01 tới 30/09/2007

ĐV Tính: Đồng

hị tiêu	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp DV và DT khác			290,025,047,009	201,484,735,718
2 Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV			(225,032,304,270)	(164,684,892,753)
3 Tiền chi trả cho người lao động			(5,470,798,475)	(4,916,192,055)
4 Tiền chi trả lãi vay			(2,341,096,595)	(2,804,675,236)
5 Tiền chi nộp thuế thu nhập Doanh nghiệp			(271,635,504)	(1,582,374,863)
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			27,003,971,066	8,460,902,805
7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh			(56,624,341,937)	(25,346,186,894)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD			27,288,841,294	10,611,316,722
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1 Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TS dài hạn khác			(20,472,866,518)	(15,198,641,086)
2 Tiền thu từ TL, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác			0	480,000,000
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác			0	(29,374,373,000)
4 Tiền thu hồi cho vay, bán các công cụ nợ của đơn vị khác			0	18,399,472,000
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			(134,357,154,786)	(5,000,000,000)
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			19,771,142,318	0
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia			0	1,826,610,029
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư			(135,058,878,986)	(28,866,932,057)
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1 Tiền thu từ phát hành CP, nhận góp vốn của chủ sở hữu			91,541,580,000	2,200,000,000
2 Tiền trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã PH			(150,000,000)	(2,200,000,000)
3 Tiền thu vay ngắn hạn, dài hạn nhận được			102,611,411,712	124,269,629,478
4 Tiền chi trả nợ gốc vay			(83,310,436,472)	(101,579,061,004)
5 Tiền chi trả nợ thuê tài chính			0	0
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			(563,895,000)	(4,818,794,608)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính			110,128,660,240	17,871,773,866
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)			2,358,622,548	(383,841,469)
Tiền và tương đương tiền đầu năm			1,439,948,445	1,823,789,914
			0	0
Tiền và tương đương tiền cuối năm (50+60+61)		VII.34	3,798,570,993	1,439,948,445

KẾ TOÁN TRƯỞNG



HUYNH BUU TUAN

Ngày 30 tháng 09 năm 2007

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN MINH LOAN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha S.G được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002232 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 4 năm 2004. Đăng ký thay đổi lần 4 ngày 01/03/2007.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Lầu 2 Tòa nhà Etown , số 364 Đường Cộng Hòa, P. 13 Quận tân Bình, TP HCM.

Tổng số vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu là 15.000.000.000 đồng. Trong suốt quá trình hoạt động vốn điều lệ được bổ sung thêm và đến ngày 30/09/2007, tổng số vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 03 năm 2007 là 126.000.000.000 đồng.

-

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam, và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Áp dụng các Chuẩn mực kế toán mới

Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng:

Công ty hiện đang áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam ("VAS"), cụ thể như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Chuẩn mực số 18 Các khoản dự phòng và nợ tiềm tàng
Chuẩn mực số 30 Lãi trên cổ phiếu

Việc áp dụng các Chuẩn mực kế toán mới này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính kỳ này và kỳ kế toán trước của Công ty.

Việc áp dụng các chuẩn mực kế toán này không ảnh hưởng đến việc phân loại số dư đầu kỳ của Báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời gian đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được: Là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.3 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm sử dụng (năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10
Máy móc, thiết bị	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 6
Phương tiện vận tải	6 - 10

3.4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.5 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm:

Chi phí sửa chữa lớn các tàu được ước tính phân bổ trong khoảng thời gian là 05 năm.

3.6 Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hay sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Lãi tiền vay phát sinh từ các khoản vay khác được hạch toán vào Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.7 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thông báo lãi của Ngân hàng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.8 Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

3.9 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi 20% đối với hoạt động kinh doanh vận tải biển trong 10 năm kể từ năm 2005 (năm thứ 2 sau năm bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh), được miễn thuế TNDN trong 02 năm kể từ năm 2005 và được miễn giảm 50% số thuế phải nộp trong 03 năm kể từ năm 2007 theo điểm 5, Mục II, Danh mục A ban hành kèm Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 do Chính phủ ban hành và Công văn trả lời về ưu đãi thuế TNDN đối với vận tải đường biển số 11491/BTC-CST ngày 13/9/2005 của Vụ Chính sách Chế độ thuế - Bộ Tài chính.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	9/30/2007	12/31/2006
Tiền mặt	2,459,012,786	1,052,560,945
Tiền gửi ngân hàng	1,339,558,207	387,387,500
Ngân hàng Ngoại thương Việt nam - CN Tân Bình	85,494,465	12,630,768
Ngân Hàng NN & PT Nông thôn - CN Tân Bình	-	7,713,203
Ngân Hàng TMCP Hàng Hải - TP HCM	223,509,555	307,646,552
Ngân hàng Quốc Tế	400,007	-
Ngân Hàng Kỹ Thương Việt Nam - CN TP HCM	1,030,154,180	59,396,977
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	3,798,570,993	1,439,948,445

4.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	9/30/2007	12/31/2006
Chứng khoán ngắn hạn	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác	-	17,971,142,318
Cho Bà Nguyễn Thị Thu Nga vay	-	7,140,000,000
Cho Ông Vũ Đại Bách vay	-	2,088,000,000
Cho Các nhân khác vay	-	4,000,000,000
Cho C.ty CP Dầu khí An Pha vay	-	4,743,142,318
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-
Cộng	-	17,971,142,318

4.3 Các khoản phải thu ngắn hạn

	9/30/2007	12/31/2006
Phải thu khách hàng	4,096,284,084	24,682,452,058
Trả trước cho người bán	2,386,896,731	1,662,720,781
Phải thu khác	6,055,151,600	1,375,823,555
Bảo hiểm dầu khí	-	1,158,555,747
Cổ tức được chia từ công ty con	-	217,267,808
Tồn thất tàu Việt Trung	47,133,000	-
Cho Công ty TNHH TM DV Gia Đình tạm mượn	6,008,018,600	-
Cộng	12,538,332,415	27,720,996,394

4.4 Hàng tồn kho

	9/30/2007	12/31/2006
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2,121,109,019	765,320,000
Dầu tồn trên tàu Neptune	324,536,060	459,616,000
Dầu tồn trên tàu Việt An	611,380,062	160,696,000
Dầu tồn trên tàu Việt trung	418,197,738	145,008,000
Dầu tồn trên tàu Việt Mỹ	766,995,159	-
Hàng hóa	-	-
Gỗ các loại	-	-
Gas	-	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	2,121,109,019	765,320,000

4.5 Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>9/30/2007</u>	<u>12/31/2006</u>
Phí bảo hiểm tàu Naptune	21,791,700	28,172,862
Phí bảo hiểm tàu Việt An	143,886,203	33,354,378
Phí bảo hiểm tàu Việt Trung	79,135,229	30,756,023
Phí bảo hiểm tàu Việt Mỹ	158,588,811	-
Lương tháng 13	135,100,000	-
Phí vật tư tàu Việt Trung	29,850,507	-
Phí kiểm toán	74,383,700	-
Chi phí vật tư tàu Việt Mỹ	3,330,364	-
Chi phí khác	17,618,181	-
Cộng	<u>663,684,695</u>	<u>92,283,263</u>
	-	

4.6 Thuế và các khoản phải thu nhà nước

	<u>9/30/2007</u>	<u>12/31/2006</u>
Thuế thu nhập nộp thừa	534,268,336	534,268,336
Cộng	<u>534,268,336</u>	<u>534,268,336</u>

4.7 Tài sản ngắn hạn khác

	<u>9/30/2007</u>	<u>12/31/2006</u>
Tạm ứng	260,066,042	202,741,138
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	81,620,000	64,031,000
Ký quỹ thuê văn phòng E town	54,511,000	54,511,000
Phân viện KHKT Miền nam	14,589,000	-
C.ty kỹ nghệ que hàn - mượn vô bình	2,520,000	2,520,000
C.ty thông tin Điện tử Hàng Hải Việt nam	2,000,000	2,000,000
Trung tâm thông tin di động khu vực 2	5,000,000	5,000,000
Mai Linh Taxi	3,000,000	-
Cộng	<u>341,686,042</u>	<u>266,772,138</u>

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>9/30/2007</u>	<u>12/31/2006</u>
Chi phí mua, sử tàu Việt Mỹ	21,173,995,368	0
Cộng	<u>21,173,995,368</u>	<u>-</u>

4.10 Đầu tư vào công ty con

	<u>9/30/2007</u>	<u>12/31/2006</u>
Công ty cổ phần dầu khí An Pha	30,921,371,235	18,900,000,000
Công ty cổ phần dầu khí An Pha Tây Nguyên	11,000,000,000	-
Công ty TNHH DV TM Gia Đình	37,140,459,992	-
Công ty TNHH Khí Đốt Gia Định	69,748,759,009	-
Công ty TNHH DV TM L.P.G Minh Thông	14,269,166,550	-
Cộng	<u>163,079,756,786</u>	<u>18,900,000,000</u>

4.11 Đầu tư vào công ty liên kết

	<u>9/30/2007</u>	<u>12/31/2006</u>
Công ty Cổ phần Thuy điện An Pha	4,700,000,000	
Cộng	<u>4,700,000,000</u>	

4.12 Đầu tư cổ phiếu

	<u>9/30/2007</u>	<u>12/31/2006</u>
Công CP Khí Miền Nam	584,070,000	-

Cộng	584,070,000	-
-------------	--------------------	----------

4.13 Chi phí trả trước dài hạn

	9/30/2007	12/31/2006
Số dư đầu kỳ	2,797,947,089	1,851,338,085
Tăng trong kỳ	1,011,679,615	1,563,319,004
Giảm trong kỳ	732,712,083	616,710,000
Đã kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	732,712,083	616,710,000
Số dư cuối kỳ	3,076,914,621	2,797,947,089

Chi tiết số dư cuối kỳ

Chi phí sửa chữa tàu Naptune	659,141,207	770,732,407
Chi phí sửa chữa tàu Việt An	804,845,820	890,895,678
Chi phí sửa chữa tàu Việt Trung	1,102,801,735	1,136,319,004
Chi phí tai nạn tàu Naptune	395,473,593	
Chi phí tai nạn tàu Việt Trung	80,327,917	
Chi phí dự án kho nổi	34,324,349	

Cộng	3,076,914,621	2,797,947,089
-------------	----------------------	----------------------

4.14 Vay ngắn hạn

	9/30/2007	12/31/2006
Tổ chức tín dụng	57,702,526,266	33,290,438,284
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Tân Bình	12,737,304,452	14,858,012,032
Ngân Hàng TM CP Hàng Hải Tp HCM	19,829,784,738	18,432,426,252
VIB Bank	25,135,437,076	-
Cá nhân	7,930,000,000	1,593,162,334
Ông Tường Tín	-	300,000,000
Ông Vũ Văn Thắng	-	100,000,000
Bà Vũ Thị Hồng Loan	-	87,099,000
Ông Trần Minh Loan	-	606,063,334
Ông Chu Hữu Tuyển	-	500,000,000
Ông Nguyễn Quyết	7,930,000,000	-
Cộng	65,632,526,266	34,883,600,618

Các khoản vay tổ chức tín dụng của công ty được đảm bảo bằng các tàu vận tải biển của công ty có giá trị trên sổ sách kế toán tại thời điểm 30/09/2007 là: 38,417,533,778 đồng (Tàu Việt Mỹ, Việt An, Việt Trung)
Công ty không có khoản vay nào quá hạn hoặc phải xin gia hạn.

4.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

	9/30/2007	12/31/2006
Thuế phải nộp nhà nước	653,317,887	1,244,588,500
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa		818,055,775
Thuế hàng nhập khẩu	653,317,887	426,532,725
Thuế thu nhập doanh nghiệp		
Các khoản phải nộp khác	22,408,264	33,645,970
Các khoản thuế khác	22,408,264	33,645,970
Cộng	675,726,151	1,278,234,470

4.16 Phải trả, phải nộp khác

	9/30/2007	12/31/2006
Kinh phí công đoàn	10,269,920	10,269,920
Bảo hiểm xã hội	68,043,860	44,428,600
Bảo hiểm y tế	10,209,900	6,680,130

Thù lao thuế Thu nhập cá nhân	339,013	-
Dư có tài khoản tạm ứng	7,924,140	-
Nhận ký quỹ của tài xế xe	3,000,000	-
Tạm mượn của C.ty TNHH khí đốt Gia Định	9,000,000,000	-
Phải trả khác	13,134,000	-
Cộng	9,112,920,833	61,378,650

4.18 Lợi nhuận chưa phân phối

	9/30/2007	12/31/2006
Số dư đầu niên độ kế toán	8,487,382,218	11,510,603,966
Lãi (lỗ) từ hoạt động SCKD trong năm	1,155,184,252	2,090,333,360
Phân phối cổ tức cho cổ đông	563,895,000	5,066,655,108
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	46,900,000
Số dư cuối niên độ kế toán	9,078,671,470	8,487,382,218

4.19 Doanh thu

	9/30/2007	12/31/2006
Doanh thu kinh doanh Gas	214,426,379,492	148,669,483,788
Doanh thu kinh doanh vải, gỗ	-	2,253,707,591
Doanh thu hoạt động chuyển nhượng tài sản		5,161,806,667
Doanh thu tàu Naptune	8,542,354,219	12,923,464,536
Doanh thu tàu Việt An	10,271,910,807	14,496,414,099
Doanh thu tàu Việt Trung	9,678,998,742	8,587,120,246
Doanh thu tàu Việt Mỹ	4,608,250,977	-
Doanh thu khác	45,000,000	-
Cộng	247,572,894,237	192,091,996,927

4. 20 Giá vốn hàng bán

	9/30/2007	12/31/2006
Kinh doanh Gas	212,623,726,454	147,611,932,988
Kinh doanh vải, gỗ	-	2,219,578,382
Hoạt động chuyển nhượng tài sản		4,960,485,257
Tàu Naptune	9,137,950,704	11,711,565,303
Tàu Việt An	9,671,732,377	12,409,255,304
Tàu Việt Trung	8,802,660,126	7,671,886,194
Tàu Việt Mỹ	2,591,542,239	-
Doanh thu khác		-
Cộng	242,827,611,900	186,584,703,428

4.21 Doanh thu hoạt động tài chính

	9/30/2007	12/31/2006
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, trái phiếu	728,278,795	1,801,826,340
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	239,584,283	43,653,131
Cổ tức lợi nhuận được chia từ công ty con	-	217,267,808
Cộng	967,863,078	2,062,747,279

4.22 Chi phí hoạt động tài chính

	9/30/2007	12/31/2006
Lãi tiền vay	1,642,222,923	2,804,675,236
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	105,196,673	314,271,480
Cộng	1,747,419,596	3,118,946,716

4.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	9/30/2007	12/31/2006
Chi phí nhân viên	912,467,030	881,266,897
Chi phí nguyên vật liệu, CCDC quản lý	120,381,050	90,563,223
Chi phí khấu hao TSCĐ	200,466,036	263,083,697

Chi phí về phí, lệ phí	3,401,000	8,172,200
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	562,473,202	344,798,277
Chi phí tiếp khách hội nghị	130,272,932	136,461,455
Chi phí khác bằng tiền	711,238,946	117,645,518
Tiền phạt, chi phí không có hóa đơn	-	621,799,727
Cộng	2,640,700,196	2,463,790,994

4.24 Thu nhập khác - Chi phí khác

	9/30/2007	12/31/2006
Thu nhập khác	-	436,363,636
Nhượng bán tài sản cố định	-	436,363,636
Phân bổ tiền ký quỹ		-
Chi phí khác	-	333,333,344
Giá trị còn lại của TSCĐ	-	333,333,344
Phân bổ chi phí vô bình gas		-
Cộng	-	103,030,292

4.25 Thuế thu nhập doanh nghiệp

	9/30/2007	12/31/2006
Tổng lợi nhuận trước thuế	1,325,025,532	2,090,333,360
Các khoản tăng thu nhập	-	621,799,727
Các khoản giảm thu nhập	-	217,267,808
Thu nhập chịu thuế	1,325,025,532	2,494,865,279
Hoạt động kinh doanh miễn thuế	-	3,757,108,104
Thuế suất	0%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	-	751,421,621
Hoạt động kinh doanh chịu thuế	-	(1,262,242,825)
Thuế suất		28%
Thuế thu nhập phải nộp	169,841,280	-
(Phần miễn giảm thuế xem mục 3.9 phần trên)		

5. THÔNG TIN KHÁC

5.1 Thông tin liên quan các công ty con

	9/30/2007	12/31/2006
Bán hàng		
Công ty cổ phần dầu khí An Pha		67,191,951,987
Bán kho gas Đình Vũ	-	5,161,806,667
Bán gas		62,030,145,320
Cộng	-	67,191,951,987
Giá vốn		
Công ty cổ phần dầu khí An Pha		4,960,485,257
Bán kho gas Đình Vũ		61,588,897,875
Bán gas		
Cộng	-	66,549,383,132
Phải thu khách hàng		
		22,520,670,096
Cộng	-	22,520,670,096
Người mua trả tiền trước		
Công ty Cổ phần dầu khí An Pha	338,681,331	-
Công ty TNHH DV TM Gia Đình	683,196,987	-
Cộng	1,021,878,318	-

5.2 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2006 đã được kiểm

toán độc lập

5.3 Số dư bằng không

Các chỉ tiêu không được trình bày trên bảng cân đối kế toán có số dư bằng không, các chỉ tiêu có số liệu được giữ nguyên số thứ tự và mã số

KẾ TOÁN TRƯỞNG




Huỳnh Bửu Tuấn

TP Hồ Chí Minh ngày 17/12/2007
TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Minh Loan

AN PHA PETROL

Phòng 2.5D & 2.6 A, tầng 2, Etown

Số 264 Công Hoà, Q. Tân Bình, TP HCM

Điện thoại: 8127155 FAX: 8127762

Mẫu B 01-DN/HN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 và thông tư số 23/2005/TT-BTC

ngày 30/03/2005 của Bộ trưởng BTC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**TẠI NGÀY: 31 Tháng 12 Năm 2007**

Nội dung	Mã	TM	Số cuối kỳ	Số đầu năm
			31-Dec-07	1-Jan-07
A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	100		197,928,924,036	69,274,241,194
I - Tiền và các khoản tương đương tiền	110		67,479,570,658	9,086,994,087
1. Tiền	111		67,479,570,658	9,086,994,087
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	
II - Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		250,000,000	13,228,000,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		250,000,000	13,228,000,000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	
III - Các khoản phải thu ngắn hạn	130		91,426,608,112	43,867,314,747
1. Phải thu khách hàng	131		87,852,019,517	41,042,654,808
2. Trả trước cho người bán	132		3,288,597,436	1,662,730,781
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng XD	134		-	
5. Các khoản phải thu khác	135		285,991,159	1,161,929,158
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi(*)	139		-	
IV - Hàng tồn kho	140		14,326,414,823	1,257,408,324
1. Hàng tồn kho	141		14,326,414,823	1,257,408,324
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho(*)	149		-	
V - Tài sản ngắn hạn khác	150		24,446,330,443	1,834,524,036
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5,973,008,954	164,522,314
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		12,885,873,351	729,707,316
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		978,968,876	534,268,336
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		4,608,479,262	406,026,070
B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)	200		383,165,022,513	61,234,967,241
I - Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	
II - Tài sản cố định	220		101,809,308,803	48,747,817,749
1. Tài sản cố định hữu hình	221		87,921,816,419	48,736,156,273
- Nguyên giá	222		119,408,376,987	59,719,313,894

Nội dung	Mã	TM	Số cuối kỳ 31-Dec-07	Số đầu năm 1-Jan-07
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(31,486,560,568)	(10,983,157,621)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		82,109,288	-
- Nguyên giá	225		328,437,146	
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		(246,327,858)	
3. Tài sản cố định vô hình	227		13,799,402,996	11,661,476
- Nguyên giá	228		13,824,537,263	19,082,400
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(25,134,267)	(7,420,924)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		5,980,100	
III - Bất động sản đầu tư	240		3,034,707,000	-
- Nguyên giá	241		3,034,707,000	
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	242		-	
IV - Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		15,521,664,500	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		4,700,000,000	
3. Đầu tư dài hạn khác	258		10,821,664,500	
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn(*)	259		-	
V - Lợi thế thương mại	260		88,179,756,786	
VI. Tài sản dài hạn khác	270		174,619,585,424	12,487,149,492
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		162,168,079,424	12,487,149,492
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	
3. Tài sản dài hạn khác	268		12,451,506,000	
Tổng tài sản	270		581,093,946,549	130,509,208,435
Tổng nguồn vốn	440		581,093,946,549	130,509,208,435
A. Nợ phải trả (300=310+330)	300		315,689,275,487	86,414,096,914
I - Nợ ngắn hạn	310		240,344,946,345	76,033,041,423
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		98,506,068,031	38,484,002,018
2. Phải trả người bán	312		131,306,131,065	31,776,135,613
3. Người mua trả tiền trước	313		425,644,284	3,797,748,547
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314		3,324,970,578	1,332,943,936
5. Phải trả người lao động	315		1,399,914,771	547,055,433
6. Chi phí phải trả	316		425,626,720	
7. Phải trả nội bộ	317		-	
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	318		-	
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		4,956,590,896	95,155,876
10. Dự phòng phải trả, ngắn hạn	320		-	
II - Nợ dài hạn	330		75,344,329,142	10,381,055,491
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	
3. Phải trả dài hạn khác	333		70,958,353,312	
4. Vay và nợ dài hạn	334		4,372,000,000	10,359,992,161

Nội dung	Mã	TM	Số cuối kỳ 31-Dec-07	Số đầu năm 1-Jan-07
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		13,975,830	21,063,330
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	
B. Vốn chủ sở hữu (400=410+430)	400		234,329,730,411	32,875,076,882
I - Vốn chủ sở hữu	410		233,855,032,102	32,875,076,882
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		126,000,000,000	30,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		85,433,380,000	
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		642,624,978	
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		271,352,891	
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		21,507,674,233	2,875,076,882
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	
II - Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		474,698,309	-
1. Quỹ khen thưởng phúc lợi	431		474,698,309	
2. Nguồn kinh phí	432		-	
3. Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	433		-	
C. Lợi ích của cổ đông thiểu số	500		31,074,940,651	11,220,034,639
Tổng nguồn vốn			581,093,946,549	130,509,208,435

Các chỉ tiêu ngoài bảng

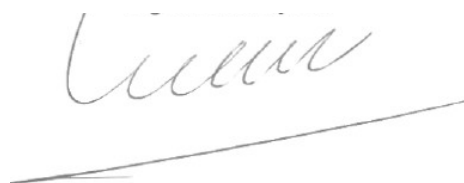
KT

- | | |
|---|-----|
| 1. Tài sản thuê ngoài | 001 |
| 2. Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công | 002 |
| 3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược | 003 |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý | 004 |
| 5. Ngoại tệ các loại | 007 |
| 6. Dự toán chi sự nghiệp dự án | 008 |

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



HUỲNH BỬU TUẤN



TRẦN MINH LOAN

Phòng 2.5 D và 2.6 A Tầng 2 E.Town
364 Cộng Hoà, Q, Tân Bình TP HCM
Điện thoại: 8127155 FAX: 812 7762

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/06
Thông tư số 21/2006/TT-BTC và thông tư số
Thông tư số 23/2005/TT-BTC

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT NĂM 2007

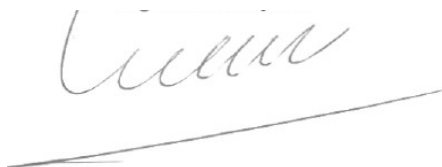
Chỉ tiêu	Mã	TM	Năm 2007 31-Dec-07	Năm 2006 31-Dec-06
1	2	3	4	5
1 Doanh thu bán hàng & cung cấp DV	01		1,293,548,479,875	346,871,609,619
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		873,335,627	
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10		1,292,675,144,248	346,871,609,619
4 Giá vốn hàng bán	11		1,230,187,123,981	335,461,560,458
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng, cung cấp dịch vụ	20		62,488,020,267	11,410,049,161
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21		2,846,367,474	1,173,867,916
7 Chi phí hoạt động tài chính	22		8,007,596,402	6,336,963,424
Trong đó lãi vay	23		7,436,891,036	5,556,528,169
8 Chi phí bán hàng	24		28,221,472,338	292,982,165
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		12,296,580,512	3,344,863,396
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16,808,738,489	2,609,108,092
11 Thu nhập khác	31		25,212,852,558	436,363,636
12 Chi phí khác	32		13,349,834,406	333,333,344
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		11,863,018,152	103,030,292
14 Phần Lợi nhuận, lỗ trong công ty liên kết, LD	50			
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (60=30+40)	60		28,671,756,641	2,712,138,384
16 Thuế thu nhập doanh nghiệp	61		5,979,592,181	116,498,088
17 Lợi nhuận sau thuế TNDN (70=60-61)	70		22,692,164,460	2,595,640,296
17. Lợi ích của Cổ đông thiểu số	71		4,686,052,019	103,569,727
17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	72		18,006,112,441	2,492,070,569
18 Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	73		18,006,112,441	2,492,070,569
19 Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ của Công ty mẹ	74		8,236,295	3,000,000
20 Lãi cơ bản trên cổ phiếu trình bày trên cơ sở hợp nhất thời	75		2,186	831
Dự kiến EPS cho cả năm 2007			2.741	

Ngày 18 Tháng 01 Năm 2008

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



HUỲNH BỬU TUẤN



TRẦN MINH LOAN

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ AN PHA S.G

Phòng 2.5D & 2.6 A, tầng 2, Etown
Số 264 Công Hoà, Q. Tân Bình, TP HCM
Điện thoại: 8127155 FAX: 8127762

Mẫu B 01-DN/HN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 và thông tư số 23/2005/TT-BTC
ngày 30/03/2005 của Bộ trưởng BTC

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2007

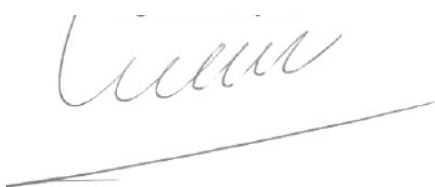
ĐV Tính: Đồng

STT	Chi tiêu	Mã số	T. M	Năm 2007	Năm 2006
	1	2	3	4	5
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp DV và DT khác	01		1,660,375,075,889	402,641,999,164
2	Tiền chi trả cho người cung cấp HH, DV	02		(1,523,943,482,897)	(336,739,299,741)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03		(17,051,504,363)	(5,617,006,889)
4	Tiền chi trả lãi vay	04		(6,582,787,054)	(6,361,012,241)
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập Doanh nghiệp	05		(3,813,977,228)	(1,645,094,863)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		168,614,147,580	11,192,933,757
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(206,148,433,071)	(26,882,343,662)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD	20		71,449,038,856	36,590,175,525
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1	Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(84,893,435,689)	(20,722,361,416)
2	Tiền thu từ TL, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		0	480,000,000
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(6,850,000,000)	(16,146,373,000)
4	Tiền thu hồi cho vay, bán các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	2,918,373,000
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(137,994,749,286)	(5,000,000,000)
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		21,771,142,318	0
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		74,637,684	1,431,727,699
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(207,892,404,973)	(37,038,633,717)
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1	Tiền thu từ phát hành CP, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		220,703,839,992	11,428,000,000
2	Tiền trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã P	32		(3,595,902,869)	(11,428,000,000)
3	Tiền thu vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		351,077,756,693	173,614,384,352
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(371,938,499,169)	(157,210,561,817)
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	0
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(13,367,194,830)	(8,818,794,608)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		182,879,999,817	7,585,027,927
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		46,436,633,700	7,136,569,735
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		21,042,936,958	1,950,424,352
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy ước	61			
	Tiền và tương đương tiền cuối năm (50+60+61)	70	VII.34	67,479,570,658	9,086,994,087

Ngày 17 tháng 01 năm 2008

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC




HUỲNH BỬU TUẤN

TRẦN MINH LOAN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha S.G được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002232 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 4 năm 2004. Đăng ký thay đổi lần 4 ngày 01/03/2007.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Lầu 2 Tòa nhà Etown , số 364 Đường Cộng Hòa, P. 13 Quận tân Bình, TP HCM.

Tổng số vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu là 15.000.000.000 đồng. Trong suốt quá trình hoạt động vốn điều lệ được bổ sung thêm và đến ngày 31/12/2007, tổng số vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 03 năm 2007 là 126.000.000.000 đồng.

Các công ty con

1- Công ty đang đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha.

Địa chỉ: phòng 307, Hà Nội Tower, 49 Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội;

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 93 %;

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 93 %.

2- Công ty đang đầu tư vốn vào Công ty TNHH DV TM Gia Đình

Địa chỉ: Khu phố 4, Đường Lã Xuân Oai – F. Tăng Nhơn Phú A – Q.9 – TP HCM

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 99 %;

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 99%.

3- Công ty đang đầu tư vốn vào Công ty TNHH L.P.G Minh Thông

Số 02/34 Ấp Trường Đức – Xã Trường Đông - Huyện Hoà Thành - Tỉnh Tây

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51 %;

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51 %.

4- Công ty đang đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha Tây Nguyên

Thôn 8 Xã Hoà Phú, Thành Phố Ban Ma Thuột, Tỉnh Daklak

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 55 %;

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 55 %.

5- Công ty đang đầu tư vốn vào Công ty TNHH Khí Đốt Gia Định

Lô 14 Khu Công Nghiệp Sài Đồng B – F. Sài Đồng – Q. Long Biên – TP Hà Nội

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 60 %;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 60 %.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:.

- Mua bán khí hoá lỏng, vật tư thiết bị dầu khí;
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt;
- Kinh doanh vận tải; Kinh doanh vận tải sản phẩm dầu khí theo đường bộ, đường biển;
- Chiết nạp các sản phẩm dầu khí;
- Lắp đặt và bảo dưỡng các công trình ngành dầu khí;
- Cho thuê kho bãi, phương tiện vận tải chuyên dụng ngành dầu khí đường bộ, đường thủy;
- Mua bán gỗ, vật liệu xây dựng, máy móc - thiết bị ngành công – nông nghiệp và xây dựng (trừ kinh doanh máy in), hàng gia dụng;
- Gia công, mua bán vải, hàng dệt may (trừ tẩy nhuộm);
- Mua bán sắt thép, vật tư thiết bị hàng hải;
- Phá dỡ tàu cũ, dịch vụ sửa chữa tàu thuyền;
- Sản xuất vật liệu xây dựng – xà phòng và chất tẩy rửa - chế biến và sản xuất các sản phẩm từ gỗ (không sản xuất tại trụ sở).

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam, và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Áp dụng các Chuẩn mực kế toán mới

Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Hình thức kế toán áp dụng:

Trong năm nay, Công ty lần đầu tiên áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (“VAS”), cụ thể như sau:

Chuẩn mực số 18	Các khoản dự phòng và nợ tiềm tàng
Chuẩn mực số 30	Lãi trên cổ phiếu

Việc áp dụng các Chuẩn mực kế toán mới này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính kỳ này và kỳ kế toán trước của Công ty.

Việc áp dụng các chuẩn mực kế toán này không ảnh hưởng đến việc phân loại số dư đầu kỳ của Báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2007. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem Thuyết minh số 4.24) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời gian đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được: Là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm sử dụng (năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10
Máy móc, thiết bị	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 6
Phương tiện vận tải	6 - 10

3.4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.5 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm:

Chi phí sửa chữa lớn các tàu được ước tính phân bổ trong khoảng thời gian là 05 năm.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê 8.278m² đất đã trả trước cho Công ty TNHH Liên doanh TNHH Phát triển Đình Vũ. Tiền thuê đất được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất là 44 năm.

3.6 Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hay sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Lãi tiền vay phát sinh từ các khoản vay khác được hạch toán vào Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thông báo lãi của Ngân hàng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.8 Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

3.9 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty mẹ được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi 20% đối với hoạt động kinh doanh vận tải biển trong 10 năm kể từ năm 2005 (năm thứ 2 sau năm bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh), được miễn thuế TNDN trong 02 năm kể từ năm 2005 và được miễn giảm 50% số thuế phải nộp trong 03 năm kể từ năm 2007 theo điểm 5, Mục II, Danh mục A ban hành kèm Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 do Chính phủ ban hành và Công văn trả lời về ưu đãi thuế TNDN đối với vận tải đường biển số 11491/BTC-CST ngày 13/9/2005 của Vụ Chính sách Chế độ thuế - Bộ Tài chính.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty mẹ căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Năm 2007	Năm 2006
Tiền mặt	3.994.056.781	1.328.673.911
Tiền gửi ngân hàng	63.485.513.877	7.758.320.176

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Ngân hàng Ngoại thương Việt nam - CN Tân Bình	127.400.479	12.630.768
Ngân Hàng NN & PT Nông thôn - CN Tân Bình	-	7.713.203
Ngân Hàng TMCP Hàng Hải - TP HCM	10.047.754.773	307.646.552
Ngân Hàng ĐT & PT Việt nam - CN Hải Phòng	9.814.694.892	7.419.036.171
Ngân hàng Ngoại thương Việt nam - CN Tân Bình (Q9)	1.938.139.438	6.186.625
Ngân hàng Ngoại thương Việt nam - CN Thành Công	4.718.101.292	-
Ngân hàng Ngoại thương Việt nam - CN Hà Nội	5.581.263	4.068.511
Ngân hàng Ngoại thương Việt nam - CN Daklak	72.365.192	-
Ngân hàng Đầu tư PT - Smart @CC	13.940.962.022	-
Ngân Hàng Kỹ Thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm	1.063.895	1.038.346
Techcom bank Tân Bình	7.104.699.202	-
VIB bank TP HCM	15.317.859.108	-
Ngân Hàng ACB - CN Thủ Đức	238.771.113	-
Ngân Hàng NN & PT Nông thôn - CN Mạc Thị Bưởi	9.475.610	-
Ngân Hàng NN & PT Nông thôn - CN Điện Biên Phủ	12.529.362	-
NH - NNB Buon Mre Daklak	136.116.236	-
Tiền đang chuyển	-	-

Các khoản tương đương tiền

-	-
67.479.570.658	9.086.994.087

4.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Năm 2007	Năm 2006
Chứng khoán ngắn hạn	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác	250.000.000	13.228.000.000
Cho Ông Quách Đình Việt vay	250.000.000	-
Cho Bà Nguyễn Thị Thu Nga vay	-	7.140.000.000
Cho Vũ Đại Bách vay	-	2.088.000.000
Cho cá nhân khác vay	-	4.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-
	250.000.000	13.228.000.000

4.3 Các khoản phải thu ngắn hạn

	Năm 2007	Năm 2006
Phải thu khách hàng	87.852.019.517	41.042.654.808
Trả trước cho người bán	3.288.597.436	1.662.730.781
Phải thu khác	285.991.159	1.161.929.158
Bảo hiểm xã hội		3.285.810
Bảo hiểm dầu khí	-	1.158.555.747
Phí bảo hiểm tổn thất tàu Việt Trung	-	
Tạm ứng	241.050.950	
Thuế TNCN phải thu	19.214.640	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Các khoản phải thu khác	25.725.569	87.601
	91.426.608.112	43.867.314.747

4.4 Hàng tồn kho

	Năm 2007	Năm 2006
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.550.764.561	765.320.000
Dầu tồn trên tàu Neptune		459.616.000
Dầu tồn trên tàu Việt An	523.717.256	160.696.000
Dầu tồn trên tàu Việt trung	290.737.073	145.008.000
Dầu tồn trên tàu Việt Mỹ	736.310.232	
Hàng hóa	12.775.650.262	492.088.324
Van điều áp, dây gas	1.451.596.933	-
Gas	11.324.053.329	492.088.324
Cộng giá gốc hàng tồn kho	14.326.414.823	1.257.408.324

4.5 Chi phí trả trước ngắn hạn

	Năm 2007	Năm 2006
Phí bảo hiểm tàu Naptune		28.172.862
Phí bảo hiểm tàu Việt An	53.886.203	33.354.378
Phí bảo hiểm tàu Việt Trung	55.394.660	30.756.023
Phí đăng kiểm tàu Việt Trung	75.075.000	
Bảo hiểm xe	4.189.090	
Bảo hiểm xe Camry 2.4G		5.066.363
Sử dụng đường ống Đình Vũ	18.642.059	18.599.238
Thuê văn phòng	77.393.992	44.863.200
Phí bảo hiểm tàu Việt Mỹ	53.588.811	
Nội thất văn phòng	-	3.710.250
Phí sửa chữa tàu Việt Trung	-	
Phí kiểm toán	-	
Phí tư vấn niêm yết CK	112.000.000	
Lãi vay	-	
Chi phí vận chuyển	-	
Đăng ký ISO	32.600.300	
Phí BH kho gas, trạm chiết nạp	18.511.700	
Thuê trạm chiết nạp	200.000.000	
Phí kiểm định vỏ bình, sơn, bảo dưỡng bình gas	5.107.342.427	
Đầu nạp gas	21.596.570	
Phí bảo hiểm tài sản...	69.194.689	
Chi phí sử chữa trạm chiết	41.498.000	
Chi phí khác (Hội nghị KH, ...)	32.095.453	
Cộng	5.973.008.954	164.522.314

4.6 Thuế và các khoản phải thu nhà nước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

	Năm 2007	Năm 2006
Thuế thu nhập nộp thừa	978.968.876	534.268.336
Cộng	978.968.876	534.268.336

4.7 Tài sản ngắn hạn khác

	Năm 2007	Năm 2006
Tạm ứng	989.195.962	326.501.270
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.619.283.300	79.524.800
Ký quỹ thuê văn phòng E town	54.511.000	54.511.000
Ký quỹ thuê văn phòng E town Hà Nội	53.609.300	15.493.800
Phân viện KTTV & MT phí Nam	14.589.000	
C.ty kỹ nghệ que hàn - mượn vô bình		2.520.000
C.ty thông tin Điện tử Hàng Hải Việt nam	2.000.000	2.000.000
Trung tâm thông tin di động khu vực 2	5.000.000	5.000.000
Bảo lãnh thanh toán gas, ký quỹ mua gas	3.440.000.000	
Bưu điện Bến Lức	10.000.000	
Mai Linh Taxi	3.000.000	
Ký quỹ khác	200.000	
Ký quỹ cho Ree (C.ty Gia Đình)	36.374.000	
	4.608.479.262	406.026.070

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Năm 2007	Năm 2006
Chi phí mua xe tải 50V 9784 (C.ty Gia Đình)	5.980.100	
Cộng	5.980.100	

4.9 Tài sản cố định vô hình

	Năm 2007	Năm 2006
Nguyên giá		
Phần mềm kế toán tại C.ty An Pha (nguyên giá)	19.082.400	
Tiền thuê đất kho Đình Vũ (nguyên giá)	5.585.454.863	
Quyền sử dụng đất trạm chiết nạp C.ty An Pha tây Nguyên	4.220.000.000	
Quyền sử dụng đất trạm chiết nạp C.ty Minh Thao 6ng	4.000.000.000	
Cộng	13.824.537.263	
Giá trị phân bổ	25.134.267	
Giá trị còn lại	13.799.402.996	

4.10- Chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2007	Năm 2006
Số dư đầu kỳ	12.487.149.492	10.536.076.714
Tăng trong kỳ	181.156.566.281	2.981.325.340

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Giảm trong kỳ	31.475.636.349	1.030.252.562
Đã kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	31.475.636.349	1.030.252.562
Số dư cuối kỳ	162.168.079.424	12.487.149.492
Chi tiết số dư cuối kỳ		
Thuê đất Đình Vũ	-	9.268.833.409
Thuê đất kho Bến Lức (C.ty Gia Định)	1.633.970.075	
Chi phí sửa chữa tàu Naptune		770.732.407
Chi phí sửa chữa tàu Việt An	723.485.820	890.895.678
Chi phí sửa chữa tàu Việt Trung	1.127.612.652	1.136.319.004
Chi phí mua gas để đẩy khí nito trong bồn gas		153.111.720
Chi phí sử hệ thống cân xe bồn gas 40 tấn	37.200.000	63.600.000
Chi phí sửa chữa thiết bị LPG công nghiệp		123.783.172
Chi phí tai nạn tàu Naptune	-	
Chi phí tai nạn tàu Việt Trung	-	
Chi phí sửa chữa lớn kho ga Đình Vũ	130.686.892	
Chi phí quảng cáo	118.100.000	
Phí kiểm định HT kho Hải Phòng	14.510.175	
Tiền đầu tư vỏ bình gas	158.382.513.810	
Cộng	162.168.079.424	12.407.275.390
Tiền ký quỹ vỏ bình (C.ty Gia Định)	12.451.506.000	12.884.766.000

4.11 Tài sản hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	PT VT truyền dẫn	TB, DC quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2007	5.941.765.712	21.659.534.287	31.618.623.761	499.390.134	59.719.313.894
Tăng trong kỳ	6.798.735.727	19.992.614.762	40.200.293.259	792.015.228	67.783.658.976
Mua trong kỳ	6.798.735.727	19.992.614.762	17.742.154.103	792.015.228	45.325.519.820
Đầu tư XDCB hoàn thành			22.458.139.156		22.458.139.156
Giảm trong kỳ	-	-	8.094.595.883	-	8.094.595.883
Thanh lý, nhượng bán			8.094.595.883		8.094.595.883
Số dư tại 31/12/2007	12.740.501.439	41.652.149.049	63.724.321.137	1.291.405.362	119.408.376.987

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Số dư tại ngày 01/01/2007	622.963.604	2.863.019.801	7.238.412.346	258.761.869	10.983.157.620
Tăng trong kỳ	3.843.907.921	8.746.675.056	12.792.608.949	428.946.202	25.812.138.128
Khấu hao trong kỳ	3.843.907.921	8.746.675.056	12.792.608.949	428.946.202	25.812.138.128
Tăng khác	-	-	-	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Giảm trong kỳ	-	-	5.308.735.180	-	5.308.735.180
Thanh lý, nhượng bán	-	-	5.308.735.180	-	5.308.735.180

Số dư tại 31/12/2007	4.466.871.525	11.609.694.857	14.722.286.115	687.708.071	31.486.560.568
-----------------------------	---------------	----------------	----------------	-------------	----------------

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 01/01/2007	5.318.802.108	18.796.514.486	24.380.211.415	240.628.265	48.736.156.274
----------------------------	---------------	----------------	----------------	-------------	----------------

Tại Ngày 31/12/2008	8.273.629.914	30.042.454.192	49.002.035.022	603.697.291	87.921.816.419
----------------------------	---------------	----------------	----------------	-------------	----------------

4.12 Vay ngắn hạn

	Năm 2007	Năm 2006
Tổ chức tín dụng	91.483.568.031	35.890.839.684
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Tân Bình	1.490.000.000	14.858.012.032
Ngân Hàng TM CP Hàng Hải Tp HCM	5.300.000.000	18.432.426.252
Ngân Hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam _ CN Hải Phòng	37.558.130.955	2.600.401.400
SeA Bank - TP HCM	15.000.000.000	
BIDV - CN Thành Đô	4.000.000.000	
VIB Bank	28.135.437.076	
Cá nhân	7.022.500.000	2.593.162.334
Ông Trương Tín		300.000.000
Vũ Văn Thắng		100.000.000
Vũ Thị Hồng Loan		87.099.000
Trần Minh Anh		606.063.334
Chu Hữu Tuyển		500.000.000
Đỗ Trọng Miên		1.000.000.000
Ông Diệp Minh Thông	700.000.000	
Ông Nguyễn Quyết	6.322.500.000	
Cộng	98.506.068.031	38.484.002.018

4.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

	Năm 2007	Năm 2006
Thuế phải nộp nhà nước	3.262.040.244	1.298.366.588
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa	-	818.055.775
Thuế hàng nhập khẩu	-	426.532.725
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.262.040.244	53.778.088
Các khoản phải nộp khác	62.930.334	34.577.348
Các khoản thuê khác	62.930.334	34.577.348
Cộng	3.324.970.578	1.332.943.936

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.14 Phải trả, phải nộp khác

	Năm 2007	Năm 2006
Kinh phí công đoàn	118.083.522	14.337.920
Bảo hiểm xã hội	180.275.275	44.428.600
Bảo hiểm y tế	35.541.844	12.989.160
Dư có tài khoản tạm ứng	408.862.941	23.353.608
Các khoản phải trả, phải nộp khác	94.186.247	
Tiền đầu tư CP PVGas (C.ty Gia Định)	3.791.580.226	
Chiết khấu thanh toán phải trả	-	34.293
Nhận ký quỹ	-	
Lãi vay phải trả	-	
Phải trả khác	328.060.841	12.295
	4.956.590.896	95.155.876

4.15 Vay dài hạn

	Năm 2007	Năm 2006
Tổ chức tín dụng	4.372.000.000	10.359.992.161
Ngân hàng ĐT & PT Việt nam - CN Hải Phòng	-	10.000.000.000
Ngân Hàng TMCP Các DN Ngoài Quốc Doanh VN	-	359.992.161
Ngân Hàng Hàng Hải	4.372.000.000	
Cá nhân	4.372.000.000	10.359.992.161

4.16 Vốn chủ sở hữu

	Theo giấy chứng nhận		Vốn đã góp			
	đăng ký lần 4 ngày 01/03/2007		Tại ngày 31/12/2007		Tại ngày 31/12/2006	
	VND	%	VND	%	VND	%
	24.249.600.000	19%	19.507.100.000	15%	17.950.000.000	
Bà Nguyễn Thị Thu Nga	10.200.000.000	8%	9.000.000.000	7%	10.200.000.000	34%
Ông Trần Việt Tiến	2.628.600.000	2%	2.126.100.000	2%	1.450.000.000	5%
Ông Lê Xuân Hoàng	7.976.600.000	6%	5.576.600.000	4%	4.400.000.000	15%
Ông Nguyễn Hồng Hiệp	3.444.400.000	3%	2.804.400.000	2%	1.900.000.000	6%
Cổ đông phổ thông	101.750.400.000	81%	106.492.900.000	85%	12.050.000.000	40%
	126.000.000.000	100%	126.000.000.000	100%	30.000.000.000	100%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.17 Doanh thu

	Năm 2007	Năm 2006
Doanh thu kinh doanh Gas	1.227.433.803.942	304.199.249.447
Doanh thu kinh doanh vải, gỗ	-	2.253.707.591
Doanh thu hoạt động chuyển nhượng tài sản	12.143.815.683	410.000.000
Doanh thu tàu Naptune	8.542.354.219	12.923.464.536
Doanh thu tàu Việt An	14.275.282.517	14.496.414.099
Doanh thu tàu Việt Trung	13.077.236.854	8.587.120.246
Doanh thu tàu Việt Mỹ	11.122.202.397	
Doanh thu cho thuê kho	4.500.185.311	3.722.815.649
Doanh thu chi phí giám định hàng		26.005.835
Doanh thu thu phí hàng qua cầu cảng		252.832.216
Kinh doanh chiết nạp	398.046.153	
Dịch vụ vận chuyển đường bộ (gas)	830.321.589	
Doanh thu khác	351.895.583	
	1.292.675.144.248	346.871.609.619

18- Giá vốn hàng bán

	Năm 2007	Năm 2006
Kinh doanh Gas	1.177.822.349.330	293.500.627.696
Kinh doanh vải, gỗ	-	2.219.578.382
Hoạt động chuyển nhượng tài sản	9.323.407.145	5.260.409.157
Tàu Naptune	9.137.950.704	11.711.565.303
Tàu Việt An	13.591.729.452	12.409.255.304
Tàu Việt Trung	12.232.222.158	7.671.886.194
Tàu Việt Mỹ	6.670.338.364	
Thu cho thuê kho	1.417.245.682	2.688.238.422
Chi phí giám định hàng	-	-
Chi phí hàng qua cầu cảng	-	-
Kinh doanh chiết nạp	154.275.924	-
Dịch vụ vận chuyển đường bộ (gas)		-
Doanh thu khác	(162.394.778)	
	1.230.187.123.981	335.461.560.458

19- Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2007	Năm 2006
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, trái phiếu	1.993.159.146	1.127.736.651
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	793.083.532	43.653.131
Doanh thu khác	60.124.796	2.478.131
	2.846.367.474	1.173.867.913

20- Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2007	Năm 2006
Lãi tiền vay	7.436.891.036	5.556.528.169

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	570.705.366	780.435.255
Cộng	8.007.596.402	6.336.963.424
21- Chi phí bán hàng		
	Năm 2007	Năm 2006
Phí giám định gas	-	4.903.225
Phí vận chuyển	-	277.316.645
Chi phí khác	-	10.762.295
Lương nhân viên	5.927.919.568	
Chi phí vật liệu	4.058.984.767	
Đồ dùng văn phòng	7.435.782.167	
Khấu hao TSCĐ	4.293.782.707	
Thuế và lệ phí	3.401.000	
Dịch vụ mua ngoài	4.137.038.934	
Chi khác bằng tiền	2.364.563.195	
	28.221.472.338	292.982.165
4.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Năm 2007	Năm 2006
Chi phí nhân viên	4.396.494.758	1.105.660.757
Chi phí nguyên vật liệu, CCDC quản lý	629.679.042	192.131.442
Chi phí khấu hao TSCĐ	870.485.577	389.084.801
Chi phí về phí, lệ phí	14.184.000	15.740.200
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	4.309.950.583	649.177.217
Chi phí tiếp khách hội nghị	408.571.051	136.461.455
Chi phí khác bằng tiền	1.667.215.501	234.807.797
Tiền phạt, chi phí không có hóa đơn	-	621.799.727
	12.296.580.512	3.344.863.396
4.23 Thu nhập khác - Chi phí khác		
	Năm 2007	Năm 2006
Thu nhập khác	25.212.852.558	436.363.636
Nhượng bán tài sản cố định	-	-
Phân bổ tiền ký quỹ	25.212.852.558	436.363.636
Chi phí khác	13.349.834.406	333.333.334
Giá trị còn lại của TSCĐ	-	333.333.334
Phân bổ chi phí vô bình gas	13.349.834.406	
	11.863.018.152	103.030.302
4.24 Thuế thu nhập doanh nghiệp		
	Năm 2007	Năm 2006
CÔNG TY ME		
Tổng lợi nhuận trước thuế	3.051.799.185	2.090.333.360
Các khoản tăng thu nhập	-	621.799.727

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Các khoản giảm thu nhập	-	217.267.808
Thu nhập chịu thuế	3.051.799.185	2.494.865.279
Hoạt động kinh doanh miễn thuế	-	3.757.108.104
Thuế suất	0%	0%
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	-	-
Hoạt động kinh doanh chịu thuế	-	(1.262.242.825)
Thuế suất		
Thuế thu nhập phải nộp	242.802.994	

CÔNG TY CON

Công ty CP Dầu khí An Pha

Tổng lợi nhuận trước thuế	4.277.111.653	401.814.601
Các khoản tăng thu nhập	-	14.250.000
Các khoản giảm thu nhập	-	-
Thu nhập chịu thuế	4.277.111.653	416.064.601
Thuế suất	28%	28%
Thuế thu nhập phải nộp	1.197.591.263	116.498.088

Công ty TNHH DV TM Gia Đình

Tổng lợi nhuận trước thuế	5.440.032.449	
Các khoản tăng thu nhập	-	-
Các khoản giảm thu nhập	-	-
Thu nhập chịu thuế	5.440.032.449	
Thuế suất	28%	
Thuế thu nhập phải nộp	255.712.520	

Công ty TNHH Khí Đốt Gia Định

Tổng lợi nhuận trước thuế	14.623.560.284	
Các khoản tăng thu nhập	-	-
Các khoản giảm thu nhập	-	-
Thu nhập chịu thuế	14.623.560.284	
Thuế suất	28%	
Thuế thu nhập phải nộp	4.094.596.880	

Công ty TNHH DV TM Minh Thông

Tổng lợi nhuận trước thuế	182.768.546	
Các khoản tăng thu nhập	-	-
Các khoản giảm thu nhập	-	-
Thu nhập chịu thuế	182.768.546	
Thuế suất	28%	
Thuế thu nhập phải nộp	51.175.193	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha tây Nguyên

Tổng lợi nhuận trước thuế	454.549.526	
Các khoản tăng thu nhập		
Các khoản giảm thu nhập		
Thu nhập chịu thuế	454.549.526	
Thuế suất	28%	
Thuế thu nhập phải nộp	137.713.331	-

4.25 Lợi ích của cổ đông thiểu số

	Năm 2007	Năm 2006
Lợi ích của Cổ đông thiểu số được chia từ KQHĐSXKD năm trước		16.464.912
Vốn góp của Cổ đông thiểu số	24.618.500.000	11.100.000.000
Tỷ lệ vốn góp của Cổ Đông thiểu số	26,33%	37%
Lợi nhuận sau thuế của công ty con trong năm	5.920.091.081	285.316.513
Chi quỹ khen thưởng phúc lợi	-	5.398.331
Lợi ích của Cổ đông thiểu số	6.456.440.651	103.569.727
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Do giảm trừ khấu hao TSCĐ chuyển nhượng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng	31.074.940.651	11.220.034.639

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. THÔNG TIN KHÁC

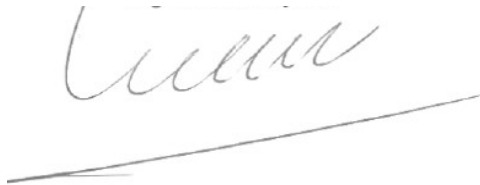
5.1 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2006
đã được kiểm toán độc lập

5.2 Số dư bằng không

Các chỉ tiêu không được trình bày trên bảng cân đối kế toán có số dư bằng không,
các chỉ tiêu có số liệu được giữ nguyên số thứ tự và mã số

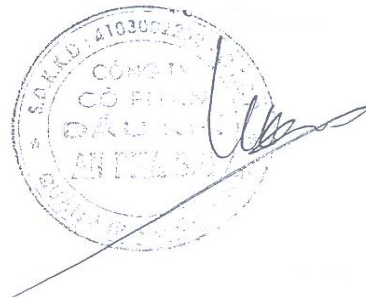
KẾ TOÁN TRƯỞNG



HUỲNH BỬU TUÂN

TP Hồ Chí Minh ngày 18/01/2008

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN MINH LOAN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN NĂM 2007

Tại ngày 31/12/2007

Nội dung	Mã	Quý 4	Quý 3
A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	100	55,021,553,876	20,664,191,840
I - Tiền và các khoản tương đương tiền	110	17,689,273,773	3,798,570,993
1. Tiền	111	17,689,273,773	3,798,570,993
2. Các khoản tương đương tiền	112	-	-
II - Các khoản đầu tư chính ngắn hạn	120	250,000,000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	250,000,000	-
3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129	-	-
III - Các khoản phải thu ngắn hạn	130	31,767,513,864	12,538,332,415
1. Phải thu khách hàng	131	29,564,389,076	4,096,284,084
2. Trả trước cho người bán	132	2,178,669,553	2,386,896,731
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng XD	134	-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	24,455,235	6,055,151,600
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi(*)	139	-	-
IV - Hàng tồn kho	140	1,602,559,884	2,121,109,019
1. Hàng tồn kho	141	1,602,559,884	2,121,109,019
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho(*)	149	-	-
V - Tài sản ngắn hạn khác	150	3,712,206,355	2,206,179,413
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	361,690,127	663,684,695
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	2,015,620,512	666,540,340
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	534,268,336	534,268,336
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	800,627,380	341,686,042
B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)	200	215,888,068,909	213,427,610,164
I - Các khoản phải thu dài hạn	210	-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212	-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	-	-
II - Tài sản cố định	220	39,073,143,651	41,986,868,757
1. Tài sản cố định hữu hình	221	39,073,143,651	20,812,873,389
- Nguyên giá	222	48,550,432,629	31,308,731,265
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223	(9,477,288,978)	(10,495,857,876)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-
- Nguyên giá	225	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	-	-
- Nguyên giá	228	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229	-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	-	21,173,995,368
III - Bất động sản đầu tư	240	-	-
- Nguyên giá	241	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	242	-	-
IV - Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	174,963,826,786	168,363,826,786
1. Đầu tư vào công ty con	251	163,079,756,786	163,079,756,786
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	4,700,000,000	4,700,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	7,184,070,000	584,070,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn(*)	259	-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260	1,851,098,472	3,076,914,621
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	1,851,098,472	3,076,914,621

2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	-	-
Tổng tài sản	270	270,909,622,785	234,091,802,004
A. Nợ phải trả (300=310+330)	300	48,743,611,708	103,621,550,534
I - Nợ ngắn hạn	310	48,735,294,328	99,051,113,954
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	41,247,937,076	65,632,526,266
2. Phải trả người bán	312	739,716,397	21,832,153,802
3. Người mua trả tiền trước	313	6,042,432,351	1,021,878,318
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	21,491,193	675,726,151
5. Phải trả người lao động	315	202,086,371	637,504,484
6. Chi phí phải trả	316	342,899,936	138,404,100
7. Phải trả nội bộ	317	-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	318	-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	138,731,004	9,112,920,833
10. Dự phòng phải trả, ngắn hạn	320	-	-
II - Nợ dài hạn	330	8,317,380	4,570,436,580
1. Phải trả dài hạn người bán	331	-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	-	4,560,431,700
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	8,317,380	10,004,880
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	-	-
B. Vốn chủ sở hữu (400=410+430)	400	222,166,011,077	130,470,251,470
I - Vốn chủ sở hữu	410	222,166,011,077	130,470,251,470
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	126,000,000,000	93,496,600,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	85,433,380,000	27,894,980,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	10,732,631,077	9,078,671,470
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421	-	-
II - Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
1. Quỹ khen thưởng phúc lợi	431	-	-
2. Nguồn kinh phí	432	-	-
3. Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	433	-	-
Tổng nguồn vốn	440	270,909,622,785	234,091,802,004
Các chỉ tiêu ngoài bảng	KT		
1. Tài sản thuê ngoài	001		
2. Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công	002		
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	003		
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		
5. Ngoại tệ các loại	007		
6. Dự toán chi sự nghiệp dự án	008		

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

HUỲNH BỬU TUẤN

TRẦN MINH LOAN

C.TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ AN PHA S.C Mẫu số: B 02-DN/HN

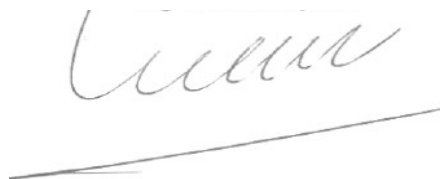
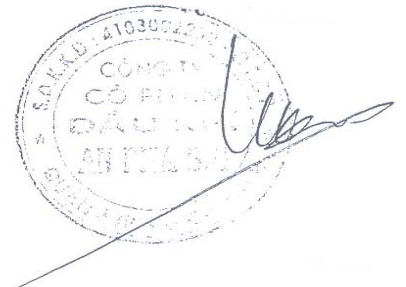
Phòng 2.5 D và 2.6 A Tầng 2 E.Town
364 Cộng Hoà, Q, Tân Bình TP HCM
Điện thoại: 8127155 FAX: 812 7762

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/06
Thông tư số 21/2006/TT-BTC và thông tư số
Thông tư số 23/2005/TT-BTC

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

NĂM 2007

	Nội dung	Mã	Năm 2007	Năm 2006
1	Doanh thu bán hàng & cung cấp DV	01	320,860,446.605	192,091,996.927
	Sản lượng gas bán (tấn)		24,281.672	19,825.817
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	320,860,446.605	192,091,996.927
4	Giá vốn hàng bán	11	313,802,885.567	186,584,703.428
5	Lợi nhuận gộp	20	7,057,561.038	5,507,293.499
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	1,383,214.700	2,062,747.279
7	Chi phí hoạt động tài chính	22	3,898,548.372	3,118,946.716
	Lãi vay	23	3,461,904.251	-
8	Chi phí bán hàng	24	-	-
	Tỷ lệ CF bán hàng trên doanh thu		-	-
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	3,788,522.275	2,463,790.994
10	Lợi nhuận thuần về hoạt động kinh doanh	30	753,705.091	1,987,303.068
11	Thu nhập khác	31	6,661,898.917	436,363.636
12	Chi phí khác	32	4,363,804.823	333,333.344
13	Lợi nhuận khác	40	2,298,094.094	103,030.292
14	Tổng lợi nhuận trước thuế	50	3,051,799.185	2,090,333.360
15	Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	242,802.994	-
16	Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	-	-
17	Lợi nhuận sau thuế	60	2,808,996.191	2,090,333.360
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	-	-
	Lợi ích của cổ đông thiểu số			

KẾ TOÁN TRƯỞNG**TỔNG GIÁM ĐỐC**


Huỳnh Bửu Tuấn**Trần Minh Loan**

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ AN PHA S.G

Phòng 2.5D & 2.6A, Tầng 2, Toà nhà E.Town,

364 Cộng Hoà, Quận Tân Bình, Tp. HCM

ĐT: 08 8127155, FAX: 08 8127762

Mẫu số B 03 - DN

Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

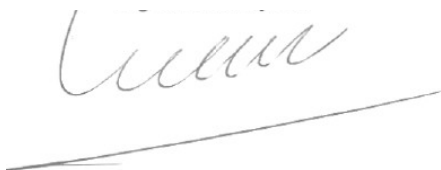
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2007**ĐV Tính: Đồng**

	Chi tiêu	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
	1	2	3	4	5
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp DV và DT khác	01		371,685,630,022	201,484,735,718
2	Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(298,250,036,324)	(164,684,892,753)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03		(6,330,044,821)	(4,916,192,055)
4	Tiền chi trả lãi vay	04		(3,987,677,155)	(2,804,675,236)
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập Doanh nghiệp	05		(344,597,218)	(1,582,374,863)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		57,673,349,527	8,460,902,805
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(113,413,711,088)	(25,346,186,894)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD	20		7,032,912,943	10,611,316,722
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1	Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(40,455,794,521)	(15,198,641,086)
2	Tiền thu từ TL, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		0	480,000,000
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(6,850,000,000)	(29,374,373,000)
4	Tiền thu hồi cho vay, bán các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	18,399,472,000
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(134,357,154,786)	(5,000,000,000)
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		19,771,142,318	0
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		0	1,826,610,029
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(161,891,806,989)	(28,866,932,057)
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1	Tiền thu từ phát hành CP, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		181,583,380,000	2,200,000,000
2	Tiền trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã PH	32		(150,000,000)	(2,200,000,000)
3	Tiền thu vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		110,911,411,712	124,269,629,478
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(120,672,677,338)	(101,579,061,004)
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	0
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(563,895,000)	(4,818,794,608)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		171,108,219,374	17,871,773,866
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		16,249,325,328	(383,841,469)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1,439,948,445	1,823,789,914
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
	Tiền và tương đương tiền cuối năm (50+60+61)	70	VII.34	17,689,273,773	1,439,948,445

Ngày 17 tháng 01 năm 2008

KẾ TOÁN TRƯỞNG**TỔNG GIÁM ĐỐC**

HUỲNH BỬU TUẤN**TRẦN MINH LOAN**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha S.G được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002232 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 4 năm 2004. Đăng ký thay đổi lần 4 ngày 01/03/2007.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Lầu 2 Tòa nhà Etown , số 364 Đường Cộng Hòa, P. 13 Quận tân Bình, TP HCM.

Tổng số vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu là 15.000.000.000 đồng. Trong suốt quá trình hoạt động vốn điều lệ được bổ sung thêm và đến ngày 31/12/2007, tổng số vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 03 năm 2007 là 126.000.000.000 đồng.

-

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam, và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Áp dụng các Chuẩn mực kế toán mới

Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng:

Công ty hiện đang áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (“VAS”), cụ thể như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Chuẩn mực số 18	Các khoản dự phòng và nợ tiềm tàng
Chuẩn mực số 30	Lãi trên cổ phiếu

Việc áp dụng các Chuẩn mực kế toán mới này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính kỳ này và kỳ kế toán trước của Công ty.

Việc áp dụng các chuẩn mực kế toán này không ảnh hưởng đến việc phân loại số dư đầu kỳ của Báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời gian đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được: Là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.3 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm sử dụng (năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10
Máy móc, thiết bị	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 6
Phương tiện vận tải	6 - 10

3.4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.5 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm:

Chi phí sửa chữa lớn các tàu được ước tính phân bổ trong khoảng thời gian là 05 năm.

3.6 Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hay sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Lãi tiền vay phát sinh từ các khoản vay khác được hạch toán vào Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.7 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thông báo lãi của Ngân hàng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.8 Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

3.9 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi 20% đối với hoạt động kinh doanh vận tải biển trong 10 năm kể từ năm 2005 (năm thứ 2 sau năm bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh), được miễn thuế TNDN trong 02 năm kể từ năm 2005 và được miễn giảm 50% số thuế phải nộp trong 03 năm kể từ năm 2007 theo điểm 5, Mục II, Danh mục A ban hành kèm Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 do Chính phủ ban hành và Công văn trả lời về ưu đãi thuế TNDN đối với vận tải đường biển số 11491/BTC-CST ngày 13/9/2005 của Vụ Chính sách Chế độ thuế - Bộ Tài chính.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Năm 2007</u>	<u>Năm 2006</u>
Tiền mặt	6.029.601	1.052.560.945
Tiền gửi ngân hàng	17.683.244.172	387.387.500
Ngân hàng Ngoại thương Việt nam - CN Tân Bình	127.400.479	12.630.768
Ngân Hàng NN & PT Nông thôn - CN Tân Bình	-	7.713.203
Ngân Hàng TMCP Hàng Hải - TP HCM	2.235.124.102	307.646.552
Ngân hàng Quốc Tế	15.317.859.108	
Ngân Hàng Kỹ Thương Việt Nam - CN TP HCM	2.860.483	59.396.977
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	17.689.273.773	1.439.948.445

4.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>Năm 2007</u>	<u>Năm 2006</u>
Chứng khoán ngắn hạn	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác	250.000.000	17.971.142.318
Cho Bà Nguyễn Thị Thu Nga vay	-	7.140.000.000
Cho Ông Vũ Đại Bách vay	-	2.088.000.000
Cho Các nhân khác vay	250.000.000	4.000.000.000
Cho C.ty CP Dầu khí An Pha vay		4.743.142.318
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-
Cộng	250.000.000	17.971.142.318

4.3 Các khoản phải thu ngắn hạn

	<u>Năm 2007</u>	<u>Năm 2006</u>
Phải thu khách hàng	29.564.389.076	24.682.452.058
Trả trước cho người bán	2.178.669.553	1.662.720.781
Phải thu khác	24.455.235	1.375.823.555
Cho Công ty TNHH TM DV Gia Đình tạm mượn	8.018.600	
Bảo hiểm dầu khí		1.158.555.747

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Cổ tức từ công ty con		217.267.808
Khác	16.436.635	-
Tồn thất tàu Việt Trung	-	-
Cho Công ty TNHH TM DV Gia Đình tạm mượn		
Cộng	31.767.513.864	27.720.996.394

4.4 Hàng tồn kho

	Năm 2007	Năm 2006
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.550.764.561	765.320.000
Dầu tồn trên tàu Neptune	-	459.616.000
Dầu tồn trên tàu Việt An	523.717.256	160.696.000
Dầu tồn trên tàu Việt trung	290.737.073	145.008.000
Dầu tồn trên tàu Việt Mỹ	736.310.232	
Hàng hóa	51.795.323	-
Gỗ các loại	-	-
Gas	51.795.323	
Cộng giá gốc hàng tồn kho	1.602.559.884	765.320.000

4.5 Chi phí trả trước ngắn hạn

	Năm 2007	Năm 2006
Phí bảo hiểm tàu Neptune		28.172.862
Phí bảo hiểm tàu Việt An	53.886.203	33.354.378
Phí bảo hiểm tàu Việt Trung	130.469.660	30.756.023
Phí bảo hiểm tàu Việt Mỹ	53.588.811	-
Chi phí khác	123.745.453	-
Cộng	361.690.127	92.283.263

4.6 Thuế và các khoản phải thu nhà nước

	Năm 2007	Năm 2006
Thuế thu nhập nộp thừa	534.268.336	534.268.336
Cộng	534.268.336	534.268.336

4.7 Tài sản ngắn hạn khác

	Năm 2007	Năm 2006
Tạm ứng	721.527.380	202.741.138
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	79.100.000	64.031.000
Ký quỹ thuê văn phòng E town	54.511.000	54.511.000
Phân viện KHKH Miền nam	14.589.000	-
C.ty kỹ nghệ que hàn - mượn vỏ bình	-	2.520.000
C.ty thông tin Điện tử Hàng Hải Việt nam	2.000.000	2.000.000
Trung tâm thông tin di động khu vực 2	5.000.000	5.000.000
Mai Linh Taxi	3.000.000	-
Cộng	800.627.380	266.772.138

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Năm 2007	Năm 2006
Chi phí mua, sử tàu Việt Mỹ	-	21.173.995.368
Cộng	-	21.173.995.368

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.9 Tài sản hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2007			17.527.607.768	103.194.270	17.630.802.038
Tăng trong kỳ	-	-	36.042.612.167	111.059.716	36.153.671.883
Mua trong kỳ			13.584.473.011	111.059.716	13.695.532.727
Đầu tư XDCB hoàn thành			22.458.139.156		22.458.139.156
Giảm trong kỳ	-	-	5.234.041.292	-	5.234.041.292
Thanh lý, nhượng bán			5.234.041.292		5.234.041.292
Số dư tại 31/12/2007	-	-	48.336.178.643	214.253.986	48.550.432.629
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2007			7.044.216.988	87.146.291	7.131.363.279
Tăng trong kỳ	-	-	4.747.357.953	46.748.335	4.794.106.288
Khấu hao trong kỳ			4.747.357.953	46.748.335	4.794.106.288
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	2.448.180.589	-	2.448.180.589
Thanh lý, nhượng bán	-	-	2.448.180.589	-	2.448.180.589
Số dư tại 31/12/2007	-	-	9.343.394.352	133.894.626	9.477.288.978
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2007	-	-	10.483.390.780	16.047.979	10.499.438.759
Tại Ngày 31/12/2007	-	-	38.992.784.291	80.359.360	39.073.143.651

4.10 Đầu tư vào công ty con

	Năm 2007	Năm 2006
Công ty cổ phần dầu khí An Pha	30.921.371.235	18.900.000.000
Công ty cổ phần dầu khí An Pha Tây Nguyên	11.000.000.000	
Công ty TNHH DV TM Gia Định	37.140.459.992	
Công ty TNHH Khí Đốt Gia Định	69.748.759.009	
Công ty TNHH DV TM L.P.G Minh Thông	14.269.166.550	
Cộng	163.079.756.786	18.900.000.000

4.11 Đầu tư vào công ty liên kết

	Năm 2007	Năm 2006
Công ty Cổ phần Thủy điện An Pha	4.700.000.000	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

	Cộng	4.700.000.000	4.700.000.000
4.12 Đầu tư cổ phiếu	Năm 2007	Năm 2006	
Công CP Khí Miền Nam	584.070.000		
Công ty Tân Đức Mạnh	6.600.000.000	-	
Cộng	7.184.070.000		
4.13 Chi phí trả trước dài hạn	Năm 2007	Năm 2006	
Số dư đầu kỳ	2.797.947.089	1.851.338.085	
Tăng trong kỳ	1.058.812.615	1.563.319.004	
Giảm trong kỳ	2.005.661.232	616.710.000	
Đã kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	-	616.710.000	
Số dư cuối kỳ	1.851.098.472	2.797.947.089	
Chi tiết số dư cuối kỳ			
Chi phí sửa chữa tàu Neptune	-	770.732.407	
Chi phí sửa chữa tàu Việt An	723.485.820	890.895.678	
Chi phí sửa chữa tàu Việt Trung	1.026.151.735	1.136.319.004	
Chi phí tai nạn tàu Neptune	-	-	
Chi phí tai nạn tàu Việt Trung	101.460.917	-	
	-		
Cộng	1.851.098.472	2.797.947.089	
4.14 Vay ngắn hạn	Năm 2007	Năm 2006	
Tổ chức tín dụng	34.925.437.076	33.290.438.284	
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Tân Bình	1.490.000.000	18.432.426.252	
Ngân Hàng TM CP Hàng Hải Tp HCM	5.300.000.000	14.858.012.032	
VIB Bank	28.135.437.076		
Cá nhân	6.322.500.000	1.593.162.334	
Ông Tưởng Tín	-	300.000.000	
Ông Vũ Văn Thắng	-	100.000.000	
Bà Vũ Thị Hồng Loan	-	87.099.000	
Ông Trần Minh Anh	-	606.063.334	
Ông Chu Hữu Tuyển	-	500.000.000	
Ông Nguyễn Quyết	6.322.500.000	-	
Cộng	41.247.937.076	34.883.600.618	

Các khoản vay tổ chức tín dụng của công ty được đảm bảo bằng các tàu vận tải biển của công ty.

Công ty không có khoản vay nào quá hạn hoặc phải xin gia hạn.

4.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

	Năm 2007	Năm 2006
Thuế phải nộp nhà nước	-	1.244.588.500
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa	-	818.055.775
Thuế hàng nhập khẩu	-	426.532.725

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	
Các khoản phải nộp khác	21.491.193	33.645.970
Các khoản thuế khác	21.491.193	33.645.970
Cộng	21.491.193	1.278.234.470

4.16 Phải trả, phải nộp khác

	31/12/07	30/09/07
Kinh phí công đoàn	10.269.920	10.269.920
Bảo hiểm xã hội	98.120.360	44.428.600
Bảo hiểm y tế	14.682.000	6.680.130
Thù lao thuế Thu nhập cá nhân	670.302	-
Nhận ký quỹ của tài xế xe	4.000.000	-
Phải trả khác	10.988.422	
Cộng	138.731.004	61.378.650

4.17 Vốn chủ sở hữu

	Theo giấy chứng nhận		Vốn đã góp			
	đăng ký lần 4 ngày 01/03/07		Tại ngày 31/12/2007		Tại ngày 31/12/2006	
	VND	%	VND	%	VND	%
Cổ đông sáng lập	24.249.600.000	19%	19.507.100.000	15%	17.950.000.000	
Bà Nguyễn Thị Thu Nga	10.200.000.000	8%	9.000.000.000	7%	10.200.000.000	34%
Ông Trần Việt Tiến	2.628.600.000	2%	2.126.100.000	2%	1.450.000.000	5%
Ông Lê Xuân Hoàng	7.976.600.000	6%	5.576.600.000	4%	4.400.000.000	15%
Ông Nguyễn Hồng Hiệp	3.444.400.000	3%	2.804.400.000	2%	1.900.000.000	6%
Cổ đông phổ thông	101.750.400.000	81%	106.492.900.000	85%	12.050.000.000	40%
Cộng	126.000.000.000	100%	126.000.000.000	100%	30.000.000.000	100%

4.18 Lợi nhuận chưa phân phối

	Năm 2007	Năm 2006
Số dư đầu niên độ kế toán	8.487.382.218	11.510.603.966
Lãi (lỗ) từ hoạt động SCKD trong năm	2.808.996.191	2.090.333.360
Phân phối cổ tức cho cổ đông	563.747.332	5.066.655.108
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	46.900.000
Số dư cuối niên độ kế toán	10.732.631.077	8.487.382.218

4.19 Doanh thu

	Năm 2007	Năm 2006
Doanh thu kinh doanh Gas	273.798.370.618	148.669.483.788
Doanh thu kinh doanh vải, gỗ		2.253.707.591
Doanh thu hoạt động chuyển nhượng tài sản		5.161.806.667
Doanh thu tàu Neptune	8.542.354.219	12.923.464.536

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Doanh thu tàu Việt An	14.275.282.517	14.496.414.099
Doanh thu tàu Việt Trung	13.077.236.854	8.587.120.246
Doanh thu tàu Việt Mỹ	11.122.202.397	
Doanh thu khác	45.000.000	
Cộng	320.860.446.605	192.091.996.927

4. 20 Giá vốn hàng bán

	Năm 2007	Năm 2006
Kinh doanh Gas	272.170.644.798	147.611.932.988
Kinh doanh vải, gỗ	-	2.219.578.382
Hoạt động chuyển nhượng tài sản	-	4.960.485.257
Tàu Neptune	9.137.950.704	11.711.565.303
Tàu Việt An	13.591.729.452	12.409.255.304
Tàu Việt Trung	12.232.222.158	7.671.886.194
Tàu Việt Mỹ	6.670.338.364	
Doanh thu khác		
Cộng	313.802.885.476	186.584.703.428

4.21 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2007	Năm 2006
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, trái phiếu	786.390.922	1.801.826.340
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	596.823.778	43.653.131
Cổ tức lợi nhuận được chia từ công ty con	-	217.267.808
Cộng	1.383.214.700	2.062.747.279

4.22 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2007	Năm 2006
Lãi tiền vay	3.461.904.251	2.804.675.236
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	436.644.121	314.271.480
Cộng	3.898.548.372	3.118.946.716

4.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2007	Năm 2006
Chi phí nhân viên	1.238.303.380	881.266.897
Chi phí nguyên vật liệu, CCDC quản lý	177.920.435	90.563.223
Chi phí khấu hao TSCĐ	276.363.684	263.083.697
Chi phí về phí, lệ phí	3.671.000	8.172.200
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	986.908.601	344.798.277
Chi phí tiếp khách hội nghị	197.010.001	136.461.455
Chi phí khác bằng tiền	762.284.899	117.645.518
Tiền phạt, chi phí không có hóa đơn	146.060.275	621.799.727
Cộng	3.788.522.275	2.463.790.994

4.24 Thu nhập khác - Chi phí khác

	Năm 2007	Năm 2006
Thu nhập khác	6.661.898.917	436.363.636
Nhượng bán tài sản cố định	6.661.898.917	436.363.636
Phân bổ tiền ký quỹ		
Chi phí khác	4.363.804.823	333.333.344
Giá trị còn lại của TSCĐ	4.363.804.823	333.333.344
Phân bổ chi phí vô bình gas		
Cộng	2.298.094.094	103.030.292

4.25 Thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2007	Năm 2006
--	-----------------	-----------------

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Tổng lợi nhuận trước thuế	3.051.799.185	2.090.333.360
Các khoản tăng thu nhập	-	621.799.727
Các khoản giảm thu nhập	-	217.267.808
Thu nhập chịu thuế	3.051.799.185	2.494.865.279
Hoạt động kinh doanh miễn thuế	-	3.757.108.104
Thuế suất	0%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	-	751.421.621
Hoạt động kinh doanh chịu thuế	-	(1.262.242.825)
Thuế suất		
Thuế thu nhập phải nộp	242.802.994	
(Phần miễn giảm thuế xem mục 3.9 phần trên)		

5. THÔNG TIN KHÁC

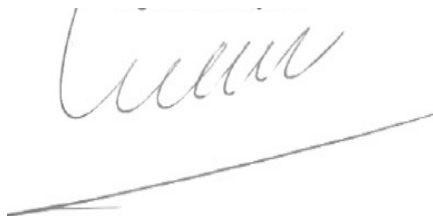
5.1 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2006 đã được kiểm toán độc lập

5.2 Số dư bằng không

Các chỉ tiêu không được trình bày trên bảng cân đối kế toán có số dư bằng không, các chỉ tiêu có số liệu được giữ nguyên số thứ tự và mã số

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Huỳnh Bửu Tuấn

TP Hồ Chí Minh ngày 17/01/2008
TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Minh Loan

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ AN PHA S.G

**BÁO CÁO VỀ VỐN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Giai đoạn từ ngày 01/4/2007 đến ngày 31/10/2007

Thành phố Hồ Chí Minh – tháng 11 năm 2007

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ AN PHA S.G

Số 2.5D & 2.6A tầng 2, toà nhà Etown, 364 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO VỀ VỐN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 4 NĂM 2007 ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 10 NĂM 2007	6 - 8
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31/10/2007	9 - 10
BẢNG KÊ CHI TIẾT VỐN GÓP	11 - 18
CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO	
<i>- Biên bản họp Đại hội đồng thường niên số 01/2007/BB-DHĐCĐ ngày 27 tháng 01 năm 2007</i>	
<i>- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2006 số 01/2007/QH-DHĐCĐ ngày 27 tháng 01 năm 2007</i>	
<i>- Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002232 đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 01 tháng 3 năm 2007</i>	
<i>- Biên bản họp hội đồng quản trị số 032007/HĐQT ngày 28 tháng 8 năm 2007.</i>	
<i>- Biên bản họp hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha S.G về việc bán cổ phần cho các đối tác chiến lược ngày 10 tháng 10 năm 2007.</i>	

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tôi Trần Minh Loan - Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha S.G trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ giai đoạn từ ngày 01/4/2007 đến ngày 31/10/2007.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha S.G (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002232 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 4 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 15 tháng 9 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 23 tháng 11 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 01 tháng 3 năm 2007 với tổng vốn điều lệ đăng ký là 126.000.000.000 đồng. Trong đó:

- Cổ đông sáng lập nắm giữ 2.426.960 cổ phiếu phổ thông tương ứng 24.269.600.000 đồng, chiếm 19,26% vốn điều lệ. Bao gồm:
Bà Nguyễn Thị Thu Nga nắm giữ 1.022.000 cổ phiếu tương ứng 10.200.000.000 đồng, chiếm 8,1% vốn điều lệ.
Ông Lê Xuân Hoàng nắm giữ 797.660 cổ phiếu tương ứng 7.976.600.000 đồng, chiếm 6,33% vốn điều lệ.
Ông Nguyễn Hồng Hiệp nắm giữ 344.440 cổ phiếu tương ứng 3.444.400.000 đồng, chiếm 2,73% vốn điều lệ.
Ông Trần Việt Tiến nắm giữ 262.860 cổ phiếu tương ứng 2.628.860.000 đồng, chiếm 2,09% vốn điều lệ.
- Các cổ đông phổ thông khác nắm giữ 10.173.040 cổ phiếu tương ứng 101.730.400.000 đồng, chiếm 80,73% vốn điều lệ.

Tại thời điểm ngày 31/10/2007, tổng số vốn thực góp là 12.600.000 cổ phiếu tương ứng 126.000.000.000 đồng chiếm 100% vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 2, toà nhà Etown, 364 Cộng Hòa, Quận Tân Bình, T.P Hồ Chí Minh

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CỦA CÔNG TY

- Mua bán khí hóa lỏng, vật tư - thiết bị dầu khí. Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt;
- Kinh doanh vận tải sản phẩm dầu khí theo đường bộ, đường biển;
- Chiết nạp sản phẩm dầu khí (không chiết nạp tại trụ sở). Lắp đặt, bảo dưỡng các công trình ngành dầu khí;
- Cho thuê kho bãi, phương tiện vận tải chuyên dụng ngành dầu khí đường bộ, đường thủy;
- Mua bán gỗ, vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị ngành công nông nghiệp và xây dựng (trừ kinh doanh máy in, hàng gia dụng);
- Gia công, mua bán vải, hàng dệt may (trừ tẩy nhuộm);
- Mua bán sắt thép, vật tư thiết bị hàng hải;
- Phá dỡ tàu cũ, dịch vụ sửa chữa tàu thuyền (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện);
- Sản xuất vật liệu xây dựng - xà phòng và chất tẩy rửa - chế biến và sản xuất các sản phẩm từ gỗ (không sản xuất tại trụ sở);
- Mua bán phương tiện vận tải;

TÌNH HÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Tình hình tăng vốn điều lệ từ 93.496.600.000 đồng lên 126.000.000.000 đồng trong giai đoạn từ ngày 01/4/2007 đến ngày 31/10/2007 của Công ty được trình bày trong Báo cáo về vốn phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ đính kèm Báo cáo này (từ trang 06 đến trang 08).

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ AN PHA S.G

Số 2.5D & 2.6A tầng 2, toà nhà Etown, 364 Cộng Hòa,
phường 13 quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo của Tổng Giám đốc
đính kèm Báo cáo về vốn phát hành cổ
phiếu tăng vốn điều lệ giai đoạn từ ngày
01/4/2007 đến ngày 31/10/2007

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Minh Loan	Chủ tịch
Ông Lê Xuân Hoàng	Ủy viên
Ông Trần Việt Hùng	Ủy viên
Ông Vũ Hồng Minh	Ủy viên
Ông Vũ Đại Bách	Ủy viên

Tổng Giám đốc

Ông Trần Minh Loan	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo về vốn phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ giai đoạn từ ngày 01/4/2007 đến ngày 31/10/2007 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tôi Trần Minh Loan - Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo về vốn phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 93.496.600.000 đồng lên 126.000.000.000 đồng trong giai đoạn từ ngày 01/4/2007 đến ngày 31/10/2007 một cách trung thực và hợp lý tình hình góp vốn của các cổ đông.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình góp vốn của các cổ đông của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo về vốn phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam, phù hợp với Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 27/01/2007 về việc thống nhất phương án tăng vốn điều lệ của Công ty từ 93.496.600.000 đồng lên 126.000.000.000 đồng.

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ AN PHA S.G

Trần Minh Loan
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 11 năm 2007

Số: /THCTH -VAE

Hà Nội, ngày 07 tháng 11 năm 2007

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**về Báo cáo về vốn phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ
giai đoạn từ ngày 01/4/2007 đến ngày 31/10/2007 của Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha S.G**

Kính gửi: **Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ Phần Dầu khí Anpha S.G**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã kiểm toán Báo cáo về vốn phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dầu Khí An Pha S.G giai đoạn từ ngày 01/4/2007 đến ngày 31/10/2007 từ trang 06 đến trang 08 đính kèm.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Tổng Giám đốc tại các trang 02 và trang 03, việc lập và trình bày Báo cáo về vốn phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ giai đoạn từ ngày 01/4/2007 đến ngày 31/10/2007 thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về Báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Tính đầy đủ, trung thực và hợp pháp của toàn bộ hồ sơ tài liệu đã cung cấp cho Kiểm toán viên để thực hiện các công việc nêu trên do Công ty Cổ phần Dầu Khí An Pha S.G chịu trách nhiệm.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dầu khí An pha S.G theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo kiểm toán phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong việc phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các quy định pháp lý liên quan, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát báo cáo này. Chúng tôi cho rằng việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Giới hạn phạm vi kiểm toán

Việc kiểm toán của chúng tôi chỉ giới hạn trong phạm vi các khoản mục được trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/10/2007 liên quan đến việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 93.496.600.000 đồng lên 126.000.000.000 đồng trong giai đoạn từ ngày 01/4/2007 đến ngày 31/10/2007.

Công ty chưa gửi công văn lên Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xin phép phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 93.496.600.000 tỷ đồng lên 126.000.000.000 đồng.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của giới hạn phạm vi kiểm toán nêu trên (nếu có), Báo cáo về vốn phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phần vốn điều lệ tăng thêm của Công ty Cổ phần Dầu Khí An Pha S.G giai đoạn từ ngày 01/4/2007 đến ngày 31/10/2007 phù hợp với Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý liên quan.

Trần Quốc Tuấn

Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0148/KTV

Phạm Hùng Sơn

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0813/KTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (VAE)

BÁO CÁO VỀ VỐN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

**giai đoạn từ ngày 01/4/2007 đến ngày 31/10/2007
của Công ty Cổ phần Dầu khí An pha S.G**

I. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha S.G (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002232 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 4 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 15 tháng 9 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 23 tháng 11 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 01 tháng 3 năm 2007 với tổng vốn điều lệ đăng ký là 126.000.000.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Mua bán khí hóa lỏng, vật tư - thiết bị dầu khí. Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt;
- Kinh doanh vận tải sản phẩm dầu khí theo đường bộ, đường biển;
- Chiết nạp sản phẩm dầu khí (không chiết nạp tại trụ sở). Lắp đặt, bảo dưỡng các công trình ngành dầu khí;
- Cho thuê kho bãi, phương tiện vận tải chuyên dụng ngành dầu khí đường bộ, đường thủy;
- Mua bán gỗ, vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị ngành công nông nghiệp và xây dựng (trừ kinh doanh máy in, hàng gia dụng);
- Gia công, mua bán vải, hàng dệt may (trừ tẩy nhuộm);
- Mua bán sắt thép, vật tư thiết bị hàng hải;
- Phá dỡ tàu cũ, dịch vụ sửa chữa tàu thuyền (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện);
- Sản xuất vật liệu xây dựng - xà phòng và chất tẩy rửa - chế biến và sản xuất các sản phẩm từ gỗ (không sản xuất tại trụ sở);
- Mua bán phương tiện vận tải;

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 2, toà nhà Etown, 364 Cộng Hòa, Quận Tân Bình, T.P Hồ Chí Minh

II. Nguyên tắc tăng, giảm vốn điều lệ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty được hình thành do các cổ đông góp vốn và phát hành cổ phiếu để huy động thêm vốn. Việc tăng, giảm vốn kinh doanh được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên do Hội đồng Quản trị quyết định. Cụ thể việc tăng vốn điều lệ chủ sở hữu được thực hiện theo các văn bản sau:

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha S.G;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 27 tháng 01 năm 2007 về việc thông qua kế hoạch phát hành thêm cổ phiếu, tăng vốn điều lệ;
- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 27 tháng 01 năm 2007 về việc phát hành thêm cổ phiếu;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 02/2007/HĐQT ngày 28 tháng 08 năm 2007;
- Căn cứ 02 Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha S.G ngày 10 tháng 10 năm 2007 về việc bán cổ phần cho các đối tác chiến lược;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002232 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 04 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 15 tháng 09 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 23 tháng 11 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 01 tháng 3 năm 2007.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ AN PHA S.G

Số 2.5D & 2.6A tầng 2, toà nhà Etown, 364 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO VỀ VỐN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ (tiếp theo)**III. Tình hình phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ**

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha S.G
2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
3. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng.
4. Số lượng cổ phiếu phát hành: 3.250.340 cổ phiếu (ba triệu hai trăm năm mươi ngàn ba trăm bốn mươi cổ phiếu)
5. Tổng khối lượng vốn huy động dự kiến: 32.503.400.000 đồng
6. Ngày phát hành: ngày 27/9/2007
7. Ngày bắt đầu chào bán: ngày 27/9/2007
8. Ngày kết thúc chào bán: ngày 31/10/2007
9. Thời hạn đăng ký mua: từ ngày 27/9/2007 đến ngày 31/10/2007
10. Ngày thanh toán tiền mua cổ phiếu: từ ngày 27/9/2007 đến ngày 31/10/2007.

IV. Kết quả phát hành cổ phiếu

Đối tượng mua cổ phiếu	Số cổ phiếu phát hành (cp)	Số lượng cổ phiếu đăng ký mua (cp)	Số lượng cổ phiếu phân phối (cp)	Tỷ lệ cổ phiếu phân phối(%)
Cổ đông sáng lập	-			
Cổ đông hiện hữu	-			
Nhà đầu tư chiến lược	3.250.340	3.250.340	3.250.340	100%
Tổng số	3.250.340	3.250.340	3.250.340	100%

V. Tổng hợp kết quả phát hành cổ phiếu

1. Tổng số cổ phiếu đã bán 3.250.340 cổ phiếu, chiếm 100% số lượng cổ phiếu dự định phát hành.
2. Tổng số tiền thu từ việc bán cổ phiếu 90.041.800.000 đồng

Trong đó:

Số cổ phiếu được phát hành bằng 2,0 lần mệnh giá là 1.592.340 cổ phiếu tương ứng 31.846.800.000 đồng

Số cổ phiếu được phát hành bằng 2,75 lần mệnh giá là 650.000 cổ phiếu tương ứng 17.875.000.000 đồng

Số cổ phiếu được phát hành bằng 4,0 lần mệnh giá là 1.008.000 cổ phiếu tương ứng 40.320.000.000 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ AN PHA S.G

Số 2.5D & 2.6A tầng 2, toà nhà Etown, 364 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO VỀ VỐN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ (tiếp theo)**V. Tổng hợp kết quả phát hành cổ phiếu (tiếp theo)**

3. Số phát sinh tài khoản thặng dư vốn: 57.538.400.000 đồng

$$= \{(10.000 \text{ đồng} * 1.592.340 \text{ CP}) + (17.500 \text{ đồng} * 650.000 \text{ CP}) + (30.000 \text{ đồng} * 1.008.000 \text{ CP})\}$$

4. Tổng chi phí (phí kiểm toán): 22.000.000 đồng

5. Tổng thu ròng từ đợt chào bán: 57.538.400.000 đồng - 22.000.000 đồng = 57.516.400.000 đồng

VI. Cơ cấu vốn của Công ty Cổ phần An Pha S.G sau đợt phát hành

Danh mục	Số tiền	Tỷ lệ
Tổng vốn chủ sở hữu (vốn điều lệ sau đợt phát hành)	126.000.000.000	100%
Cổ đông sáng lập	35.254.800.000	27,98%
Cổ đông hiện hữu	30.155.200.000	23,93%
Nhà đầu tư chiến lược	32.503.400.000	25,80%
Nhà đầu tư mới khác	28.086.600.000	22,29%

Như vậy trong giai đoạn từ ngày 01/4/2007 đến ngày 31/10/2007, số vốn đã được các cổ đông góp vào trong Công ty Cổ phần An Pha S.G là 90.041.800.000 đồng (Chín mươi tỷ không trăm bốn mươi mốt triệu tám trăm ngàn đồng chẵn).

TP Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 11 năm 2007

Kế toán trưởng**Tổng Giám đốc****Huỳnh Bửu Tuấn****Trần Minh Loan**

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ AN PHA S.G

Số 2.5D & 2.6A tầng 2, toà nhà Etown, 364 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh

MẪU B 01 - DN**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**
*Tại ngày 31 tháng 10 năm 2007**Đơn vị tính: VND*

TÀI SẢN	Mã số	T/ M	31/10/2007	31/3/2007
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+130+140+150)	100		186.502.407.228	111.681.710.163
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110		82.049.602.370	33.307.375.636
1. Tiền	111		82.049.602.370	33.307.375.636
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	4.140.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	4.140.000.000
III- Phải thu ngắn hạn	130		68.247.422.611	61.634.372.932
1. Phải thu khách hàng	131		63.181.244.502	60.202.143.376
2. Trả trước cho người bán	132		1.113.863.264	280.455.246
5. Các khoản phải thu khác	138		3.952.314.845	1.151.774.310
III- Hàng tồn kho	140		10.032.111.639	5.297.802.029
1. Hàng tồn kho	141		10.032.111.639	5.297.802.029
IV- Tài sản ngắn hạn khác	150		26.173.270.608	7.302.159.566
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.318.443.394	2.458.156.442
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.928.452.841	1.541.708.530
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		978.968.876	449.347.696
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		4.947.405.497	2.852.946.898
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260+270)	200		361.607.751.432	174.779.581.392
II- Tài sản cố định	220		96.372.619.112	80.939.453.141
1. Tài sản cố định hữu hình	221		88.049.045.654	63.064.784.695
- Nguyên giá	222		119.920.315.367	87.261.258.746
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31.871.269.713)	(24.196.474.051)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		91.232.542	123.163.931
- Nguyên giá	225		328.437.146	328.437.146
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(237.204.604)	(205.273.215)
3. Tài sản cố định vô hình	227		8.226.360.816	10.071.278
- Nguyên giá	228		8.239.082.400	19.082.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.721.584)	(9.011.122)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		5.980.100	17.741.433.237
III- Bất động sản đầu tư	240		3.034.707.000	-
- Nguyên giá	241		3.034.707.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		8.921.664.500	4.051.451.877
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.700.000.000	4.051.451.877
3. Đầu tư dài hạn khác	258		4.221.664.500	-
V- Lợi thế thương mại	260		88.179.756.786	19.109.337.185
VI- Tài sản dài hạn khác	270		165.099.004.034	70.679.339.189
1. Chi phí trả trước dài hạn	271		152.214.238.034	70.670.839.189
3. Tài sản dài hạn khác	278		12.884.766.000	8.500.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100+200)	280		548.110.158.660	286.461.291.555

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ AN PHA S.G

Số 2.5D & 2.6A tầng 2, toà nhà Etown, 364 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh

Mẫu B 01 - DN**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**
Tại ngày 31 tháng 10 năm 2007
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	I/ M	31/10/2007	31/3/2007
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+320)	300		285.240.153.928	160.537.853.952
I- Nợ ngắn hạn	310		204.914.937.947	98.382.910.306
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		91.189.772.008	20.798.018.452
2. Phải trả người bán	312		90.948.062.727	70.507.879.640
3. Người mua trả tiền trước	313		3.850.103.371	5.032.503.084
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		9.819.968.202	979.625.140
5. Phải trả người lao động	315		1.395.129.107	810.736.943
6. Chi phí phải trả	316		118.905.741	56.371.679
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		7.592.996.791	197.775.368
II- Nợ dài hạn	330		80.325.215.981	62.154.943.646
3. Phải trả dài hạn khác	333		70.939.120.951	41.201.325.655
4. Vay và nợ dài hạn	334		9.370.431.700	20.932.554.661
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		15.663.330	21.063.330
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		231.517.265.967	123.572.592.090
I- Vốn chủ sở hữu	410		231.442.067.658	123.465.534.322
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		126.000.000.000	93.496.600.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		85.433.380.000	27.894.980.000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(4.943.528)	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		423.024.978	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		163.352.891	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		19.427.253.318	2.073.954.322
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		75.198.309	107.057.768
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	421		75.198.309	107.057.768
C- LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500		31.352.738.765	2.350.845.513
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (600=300+400+600)	600		548.110.158.660	286.461.291.555

TP Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 11 năm 2007

Kế toán trưởng**Tổng Giám đốc****Huỳnh Bửu Tuấn****Trần Minh Loan**

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ AN PHA S.G

Số 2.5D & 2.6A tầng 2, toà nhà Etown, 364 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh

BẢNG KÊ CHI TIẾT VỐN GÓP
(Giai đoạn từ ngày 01/4/2007 đến ngày 31/10/2007)

Đơn vị tính: VND

Stt	Ngày CT	Số CT	Tên Cổ đông	Hình thức góp vốn	Số tiền
1	05/10/2007	VB05102	BIDV - Hải Phòng	Chuyển tiền gửi Ngân hàng	25.200.000.000
2	10/10/2007	VN10106	Quỹ Đầu tư Việt Nhật	Chuyển tiền gửi Ngân hàng	17.875.000.000
3	29/10/2007	VB29101	Diệp Minh Thông	Chuyển tiền gửi Ngân hàng	500.000.000
4	30/10/2007	VB30101	Diệp Minh Thông	Chuyển tiền gửi Ngân hàng	1.500.000.000
5	30/10/2007	VB30102	Chứng khoán Thượng Hải	Chuyển tiền gửi Ngân hàng	40.320.000.000
6	31/10/2007	VB31102	Nguyễn Tiến Phụng	Chuyển tiền gửi Ngân hàng	600.000.000
			Tổng		85.995.000.000
7	31/10/2007	TC70843	Nguyễn Tiến Phụng	Nộp tiền mặt	4.046.800.000
TỔNG					90.041.800.000

TP Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 10 năm 2007

Kế toán trưởng**Tổng Giám đốc****Huỳnh Bửu Tuấn****Trần Minh Loan**